

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ
VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ CIPTEK**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**ĐỀ TÀI
TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG” CHO SẢN
 PHẨM HẠT TIÊU CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG
Mã số:**



**Đơn vị chủ trì:
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
CÔNG NGHỆ VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ CIPTEK**

Chủ nhiệm: Dương Thành Long

Đắk Nông, tháng 12 năm 2021

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ
VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ CIPTEK**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**ĐỀ TÀI
TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG” CHO SẢN
 PHẨM HỒ TIÊU CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG**

Sở Khoa học và Công nghệ

**Cơ quan chủ trì Đề tài
Giám đốc**


Dương Phúc Tỷ

Đắk Nông, tháng 12 năm 2021

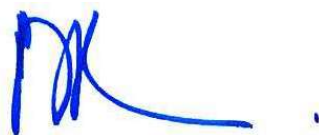
LỜI CẢM ƠN

Đề tài: “Tạo lập và quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông” là một trong các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng tâm nhằm triển khai kế hoạch hành động phát triển ngành hồ tiêu tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Mặc dù có khởi đầu thuận lợi (8/2019), nhưng chỉ sau khi triển khai được 6 tháng (2/2020) thì bắt đầu xuất hiện diễn biến khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19. Tuy vậy, nhờ sự quyết tâm của ban chủ nhiệm, sự hỗ trợ của lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên các cấp, các ngành của tỉnh Đắk Nông cũng như sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông, đơn vị chủ trì đã hoàn thành các nội dung công việc và đạt được các mục tiêu đề ra theo đúng tiến độ mà UBND tỉnh cho phép.

Ban chủ nhiệm đề tài rất vinh dự khi được đồng hành và hỗ trợ UBND tỉnh Đắk Nông cũng như cộng đồng các nhà sản xuất kinh doanh hạt tiêu của tỉnh để đăng ký thành công chỉ dẫn địa lý (“CDĐL”) hạt tiêu Đắk Nông – CDĐL đầu tiên của tỉnh Đắk Nông. Hy vọng rằng, CDĐL hạt tiêu Đắk Nông sẽ tạo đà hỗ trợ cộng đồng sản xuất hồ tiêu vượt qua tình hình khó khăn hiện nay do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; từ đó tiến tới phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn nữa ngành sản xuất hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Cục Sở hữu trí tuệ đã thực hiện hoạt động thẩm định đơn đăng ký với tinh thần khẩn trương và hỗ trợ tối đa cho địa phương. Đồng thời, xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến các vị lãnh đạo UBND nhân dân tỉnh Đắk Nông, lãnh đạo các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương và các vị lãnh đạo sở ban ngành tỉnh Đắk Nông; lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các huyện trong khu vực CDĐL; các nhà sản xuất và kinh doanh hạt tiêu Đắk Nông: HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến, HTX Nông nghiệp Hữu cơ Đắk Nông, HTX Hưng Phát, Chi nhánh CTCP TM-DV-XNK Trân Châu; 10 đơn vị liên kết với Công ty Trân Châu, HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, HTX nông nghiệp - thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát, Công ty Cổ Phần Tonkin Spices, Công ty Cổ phần XNK An Phong Đắk Nông; Chi cục phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Nông, Công ty TNHH Tư vấn Luật ALIAT LEGAL và các đơn vị phối hợp đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ để chúng tôi có thể thực hiện thành công đề tài này./.

Chủ nhiệm Đề tài



Dương Thành Long

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	iv
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ.....	vi
MỞ ĐẦU.....	9
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG.....	13
1.1. Thông tin đề tài.....	13
1.2. Mục tiêu của Đề tài.....	13
1.3. Nội dung của Đề tài.....	14
1.4. Các sản phẩm của Đề tài.....	17
PHẦN II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI.....	20
2.1. Giao chủ trì Đề tài.....	20
2.2. Phối hợp thực hiện Đề tài.....	20
2.3. Tình hình thực hiện Đề tài.....	20
2.4. Phương án triển khai đã được áp dụng trong Đề tài.....	23
2.5. Vật liệu nghiên cứu.....	26
2.6. Các nội dung công việc đã thực hiện.....	29
PHẦN III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.....	38
3.1. Nội dung 1 – Các công việc chuẩn bị cho việc triển khai Đề tài.....	38
3.2. Nội dung 2 – Tạo lập CDĐL “Đắc Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắc Nông.....	44
3.3. Nội dung 3 – Quản lý CDĐL “Đắc Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu.....	134
3.4. Tổng kết, nghiệm thu và chuyển giao kết quả đề tài.....	182
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.....	184
4.1. Về công tác tổ chức chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện Đề tài.....	184
4.2. Về việc hoàn thành các nội dung, bảo đảm kết quả và mục tiêu Đề tài...186	
4.3. Về hiệu quả của Đề tài.....	186
4.4. Tính bền vững và nhân rộng của Đề tài.....	188
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	191
5.1. Kết luận.....	191
5.2. Kiến nghị.....	192

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	194
PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	198

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. CDĐL: CDĐL;
2. GCN: Giấy chứng nhận
3. KH&CN: Khoa học và Công nghệ
4. NN&PTNT: Nông nghiệp và phát triển nông thôn
5. QSD: Quyền sử dụng
6. SHTT: Sở hữu trí tuệ
7. UBND: Ủy ban nhân dân
8. VBBH: Văn bằng bảo hộ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng danh mục công việc đã thực hiện.....	26
Bảng 2. Bảng danh mục công việc đã thực hiện.....	29
Bảng 3. Các tiêu chí để phân loại sản phẩm hạt tiêu.....	74
Bảng 4. Phân loại sản phẩm hạt tiêu.....	74
Bảng 5. Giá bán trung bình của 1kg hạt tiêu.....	74
Bảng 6. Cách thức liên hệ bán sản phẩm hạt tiêu.....	76
Bảng 7. Kênh tiêu thụ của sản phẩm hạt tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.....	76
Bảng 8. Thời vụ hồ tiêu.....	84
Bảng 9. Đặc điểm lý hóa của hạt tiêu đen Đắk Nông.....	87
Bảng 10. Đặc điểm lý hoá của hạt tiêu trắng Đắk Nông.....	89
Bảng 11. Đặc điểm lý hóa của hạt tiêu đỏ Đắk Nông.....	90
Bảng 12. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu đen theo vùng địa lý.....	92
Bảng 13. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu đen theo vùng địa lý.....	92
Bảng 14. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu trắng theo vùng địa lý.....	93
Bảng 15. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu trắng theo vùng địa lý.....	93
Bảng 16. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu đỏ theo vùng địa lý.....	94
Bảng 17. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu đỏ theo vùng địa lý.....	95
Bảng 18. Lượng phân hữu cơ bón cho cây hồ tiêu.....	99
Bảng 19. Lượng phân vô cơ bón cho cây hồ tiêu.....	99
Bảng 20. Danh sách 10 cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến hồ tiêu.....	103
Bảng 21. So sánh các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến tính chất đặc thù của sản phẩm.....	105
Bảng 22. Thời vụ trồng tiêu ở Đắk Nông.....	109
Bảng 23. Danh sách các xã, thị trấn trong khu vực CDĐL.....	114
Bảng 24. Bảng thông tin nộp đơn đăng ký NHCN.....	127
Bảng 62. Danh sách đề xuất các đơn vị được trao GCN.....	162

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Các loại sản phẩm hạt tiêu chủ yếu tại Đắk Nông.....	73
Biểu đồ 2. Yếu tố quyết định giá bán sản phẩm hạt tiêu.....	75
Biểu đồ 3. Tổng lượng mưa trung bình hằng năm (2010 - 2019).....	80
Biểu đồ 4. Lượng mưa trung bình/tháng (năm 2019).....	81
Biểu đồ 5. Nhiệt độ trung bình năm (2010 - 2019).....	81
Biểu đồ 6. Nhiệt độ trung bình tháng (năm 2019).....	82
Biểu đồ 7. Tổng số giờ nắng trung bình năm (2010 - 2019).....	82
Biểu đồ 8. Tổng số giờ nắng trung bình tháng (2019).....	82
Biểu đồ 9. Độ ẩm trung bình năm (2010 - 2019).....	83
Biểu đồ 10. Độ ẩm trung bình tháng (2019).....	83

DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ

Hình 1. Hội thảo triển khai đề tài.....	43
Hình 2. Hình ảnh khảo sát tại hộ trồng tiêu.....	45
Hình 3. Hạt tiêu nguyên liệu.....	86
Hình 4. Hạt tiêu đen Đắk Nông.....	88
Hình 5. Hạt tiêu trắng Đắk Nông.....	89
Hình 6. Hạt tiêu đỏ Đắk Nông.....	91
Hình 7. So sánh cảm quan các loại tiêu đen.....	92
Hình 8. So sánh các loại hạt tiêu trắng.....	94
Hình 9. So sánh các loại hạt tiêu đỏ.....	95
Hình 10. Buộc dây cho cây hồ tiêu.....	98
Hình 11. Nhãn hiệu tập thể DAK SONG PEPPER.....	112
Hình 12. Bản đồ khu vực CDĐL.....	117
Hình 13. Hình ảnh Hội thảo (HT-02).....	123
Hình 14. Hình ảnh Hội thảo (HT-03).....	124
Hình 15. Văn bằng bảo hộ CDĐL.....	126
Hình 16. Tờ khai đơn đăng ký NHCN.....	128
Hình 17. Cục trưởng Cục SHTT trao Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL hạt tiêu Đắk Nông cho đại diện UBND tỉnh Đắk Nông.....	132
Hình 18. Các sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL Đắk Nông.....	133
Hình 19. Đại biểu tham dự Hội nghị Sơ kết và Lễ Công bố.....	134
Hình 20. Mô hình chung về tổ chức quản lý CDĐL.....	136
Hình 21. Sơ đồ mô hình quản lý CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.....	139
Hình 22. Sơ đồ trình tự công nhận tổ chức chứng nhận độc lập.....	145
Hình 23. Trang bìa sổ tay.....	148
Hình 24. Trang website.....	149
Hình 25. Đề xuất mẫu tem chung.....	150
Hình 26. Ví dụ triển khai mẫu tem chung.....	150

Hình 27. Đề xuất sơ đồ quản lý tem.....	151
Hình 28. Đề xuất mẫu tem tích hợp thông tin doanh nghiệp.....	152
Hình 29. Tem tích hợp thông tin doanh nghiệp triển khai trên thực tế.....	152
Hình 30. Hình bảng chỉ dẫn vườn sản xuất của một đơn vị được thí điểm.....	154
Hình 31. Backdrop Lễ Công bố.....	155
Hình 32. Bandroll chào mừng.....	155
Hình 33. Standee sự kiện.....	155
Hình 34. Tờ rơi giới thiệu.....	156
Hình 35. Tờ rơi giới thiệu.....	156
Hình 36. Phóng sự hồ tiêu Đắk Nông.....	157
Hình 37. GCN số GI-111/0001.....	165
Hình 38. GCN số GI-111/0002.....	166
Hình 39. GCN số GI-111/0003.....	167
Hình 40. GCN số GI-111/0004.....	168
Hình 41. GCN số GI-111/0005.....	169
Hình 42. GCN số GI-111/0006.....	170
Hình 43. GCN số GI-111/0007.....	171
Hình 44. GCN số GI-111/0008.....	172
Hình 45. GCN số GI-111/0009.....	173
Hình 46. GCN số GI-111/00010.....	174
Hình 47. GCN số GI-111/00011.....	175
Hình 48. GCN số GI-111/00012.....	176
Hình 49. GCN số GI-111/00013.....	177
Hình 50. GCN số GI-111/00014.....	178
Hình 51. GCN số GI-111/00015.....	179
Hình 52. GCN số GI-111/00016.....	180
Hình 53. Các đơn vị được trao giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL tại Lễ Công bố.....	181

Hình 54. Dải sản phẩm mang CDDL hạt tiêu Đắk Nông của Công ty Trân Châu	189
Hình 55. Dải sản phẩm mang CDDL hạt tiêu Đắk Nông của HTX Nam Bình Tiến.....	189
Hình 56. Sản phẩm của HTX Nam Bình Tiến.....	190

MỞ ĐẦU

Đắk Nông nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam của Tây Nguyên. Diện tích tự nhiên là 6.516,6 km². Phía bắc và đông bắc của Đắk Nông giáp với tỉnh Đắk Lắk, phía đông và đông nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp tỉnh Bình Phước và phía tây giáp với Campuchia với đường biên giới dài khoảng 120 km.

Trung tâm tỉnh lỵ là thị xã Gia Nghĩa, là đầu mối giao thông đường bộ có tính chất liên vùng, trung tâm công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản của tỉnh. Thị xã Gia Nghĩa cũng chú trọng phát triển một số sản phẩm nông, lâm nghiệp có lợi thế như cà phê, hạt điều, cao su, nguyên liệu giấy... Tại đây cũng quy tụ nhiều danh lam thắng cảnh hùng vĩ, hình thành các cụm, tour du lịch của tỉnh, hướng đến gắn kết với các tuyến du lịch phía Nam của tỉnh Đắk Lắk, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đắk Nông không chỉ có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng, mà còn là đầu mối giao lưu với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên; vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Duyên hải miền Trung và Campuchia; là cơ hội thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Đắk Nông, tạo động lực để Đắk Nông hướng tới trở thành trung tâm phát triển kinh tế năng động của khu vực Tây Nguyên.

Trong tương lai khi tuyến đường sắt nối Gia Nghĩa - Quảng Khê - Lâm Đồng với cảng Kê Gà (tỉnh Bình Thuận) được triển khai xây dựng sẽ mở ra cơ hội lớn cho Đắk Nông đẩy mạnh khai thác các thế mạnh của tỉnh.

Địa hình của tỉnh Đắk Nông đa dạng và phong phú, có sự xen kẽ giữa các địa hình thung lũng, cao nguyên và núi cao. Địa hình có hướng cao dần từ Đông sang Tây. Địa hình thung lũng là vùng đất thấp phân bố dọc sông Krông Nô, Sêrêpôk, thuộc khu vực các huyện Cư Jút, Krông Nô. Địa hình tương đối bằng phẳng, có độ dốc từ 0-3⁰, thích hợp với phát triển cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Địa hình cao nguyên chủ yếu ở Đắk G'long, Đắk Mil, Đắk Song, độ cao trung bình trên 800m, độ dốc trên 15⁰, là khu vực có đất bazan là chủ yếu, rất thích hợp với phát triển cây công nghiệp lâu năm, lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Địa hình núi phân bố trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp. Đây là khu vực địa hình chia cắt mạnh và có độ dốc lớn. Đất bazan chiếm phần lớn diện tích, thích hợp với phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều, tiêu.

Khí hậu tỉnh Đắk Nông vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Lượng mưa trung bình năm từ 2200-2400 mm. Tháng mưa nhiều nhất vào tháng 8, 9; mưa ít nhất vào tháng 1, 2. Hướng gió thịnh hành mùa mưa là Tây Nam, hướng gió thịnh hành mùa khô là Đông Bắc.

Đắk Nông có mạng lưới sông suối phân bố tương đối đều khắp. Đây là điều kiện thuận lợi để khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng các công trình thủy điện phục vụ các ngành kinh tế và nhu cầu dân sinh. Các sông chính chảy qua địa phận tỉnh gồm Sông Sêrêpôk, Sông Krông Nô, hệ thống suối

đầu nguồn sông Đồng Nai.

Trên địa bàn tỉnh còn có nhiều hồ, đập vừa có tác dụng giữ nước vừa là tiềm năng để phát triển du lịch như Hồ Tây, hồ Trúc, hồ Ea T'ling, hồ Đắc Rông v.v. Chế độ lũ: Chịu sự chi phối mạnh của sông Krông Nô. Lũ trên sông Sêrêpôk là tổ hợp lũ của 2 sông Krông Nô và Krông Na, lũ xuất hiện vào tháng 9 và 10.

Theo báo cáo số liệu thống kê đất đai năm 2010, tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh có 651.561,52 ha. Trong đó: (i) Đất nông, lâm nghiệp có diện tích là 587.927,92 ha, chiếm 91,01% tổng diện tích tự nhiên. (ii) Đất phi nông nghiệp có diện tích 42.306 ha, chiếm 6,49% tổng diện tích tự nhiên (iii) Đất chưa sử dụng còn 21.326 ha, chiếm 3,27% diện tích tự nhiên.

Diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp toàn tỉnh là 296.439,48 ha (bao gồm đất có rừng và đất chưa có rừng). Rừng tự nhiên được phân bố đều khắp các huyện, tập trung chủ yếu ở vùng núi cao, trong đó:

Diện tích quy hoạch rừng sản xuất có 193.279,83 ha, chiếm 65,20% diện tích đất lâm nghiệp; diện tích quy hoạch rừng phòng hộ có 62.141,20 ha, chiếm 20,96% diện tích đất lâm nghiệp, phân bố ở hầu hết các huyện trong tỉnh; diện tích quy hoạch rừng đặc dụng 41.018,45 ha chiếm 13,84% diện tích đất lâm nghiệp, tập trung chủ yếu ở các huyện: Đăk G'long, Đăk Song, Cư Jut, Krông Nô¹.

Nguồn nước mặt do nguồn nước mưa cung cấp tương đối dồi dào, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt dân cư trên địa bàn toàn tỉnh. Tuy nhiên vào mùa khô mưa ít, nắng nóng kéo dài làm khô hạn, nhiều lúc thiếu nước gây ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của dân cư. Nguồn nước ngầm, phân bố ở hầu khắp cao nguyên bazan và các địa bàn trong tỉnh, có trữ lượng lớn ở độ sâu 40-90m, được sử dụng phổ biến cho sinh hoạt, làm kinh tế vườn, kinh tế trang trại.

Việt Nam hiện là 1 trong 6 nước sản xuất tiêu lớn nhất thế giới. Theo số liệu công bố của Hiệp hội tiêu thế giới (IPC), tính đến 2018 thì Việt Nam chiếm 40% sản lượng tiêu toàn cầu (Một số báo cáo của NEDSPICE cho thấy sản lượng của Việt Nam chiếm khoảng 38%). Trong số sáu nước xuất khẩu nhiều tiêu, Việt Nam là nước gia nhập Cộng đồng Hồ tiêu Quốc tế (IPC) muộn nhất, đến tháng 3/2005 mới được Liên Hiệp Quốc phê chuẩn là thành viên chính thức của Cộng đồng.

Từ cuối những năm 1990, một số nhà kinh tế và khoa học có quan tâm đến cây hồ tiêu đã đưa ra nhận định Việt Nam và Trung Quốc sẽ là những quốc gia cung cấp hồ tiêu cho thị trường thế giới nhờ ưu thế về giá nhân công rẻ và diện tích canh tác, sản lượng lớn (Ravindran, 2000).

Nhận định về cung-cầu của ngành hàng hồ tiêu trong vài thập kỷ đầu của thế kỷ 21, Peter (2000) cho biết tiêu thụ hồ tiêu trên thế giới vào năm 2020 được dự đoán ở mức 280.000 tấn. Tuy nhiên đến cuối năm 2016, tổng sản lượng hồ tiêu trên thế giới đạt mức 431.550 tấn đặc biệt Việt Nam đạt kỷ lục tăng trưởng về cả tổng sản lượng và lượng xuất khẩu (IPC, 2016).

Theo định hướng phát triển hồ tiêu đến 2020 tầm nhìn 2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, diện tích hồ tiêu của cả nước là 50.000 ha. Tuy

nhien diện tích hồ tiêu ở Việt Nam trong giai đoạn 2012-2017 tăng rất nhanh. Nếu năm 2010, cả nước chỉ trồng 51.500 ha hồ tiêu, thì đến năm 2017 đã tăng lên đến 152.668 ha, tăng đến gần 200% và vượt quy hoạch trên 100.000 ha, với tổng sản lượng khoảng 230.000 tấn và xuất khẩu gần 215.008 tấn trong năm 2017 (VPA,2017; IPC, 2017).

Tỉnh Đắk Nông đã đặt ra các mục tiêu lớn trong phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2020. Phát triển kinh tế Đắk Nông với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, lợi thế của tỉnh và huy động các nguồn lực từ bên ngoài. Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt trên 9%/năm, gấp khoảng 1,5 lần mục tiêu tăng trưởng của cả nước (6,5-7%/năm). Trọng tâm tăng trưởng của Đắk Nông trong giai đoạn 2016-2020 là khu vực công nghiệp - xây dựng, với mục tiêu tăng trên 21%/năm. Tập trung phát triển theo chiều sâu các ngành công nghiệp có lợi thế, từng bước ứng dụng công nghệ hiện đại hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng các ngành trong nền kinh tế đến năm 2020 lần lượt là: khu vực nông nghiệp chiếm 43,55%; Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 22,08%; khu vực dịch vụ chiếm 28,67%; khu vực thuế chiếm 5,7%. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 54 triệu đồng/người/năm, gấp 1,5 lần so với năm 2015. *(Nguồn: Báo cáo đề án hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030, Ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông).*

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 2096/QĐ-UBND, trong đó xác định hồ tiêu là một trong 4 sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh. Điều này xuất phát từ thực tế rằng Đắk Nông là một trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, có điều kiện tự nhiên rất thích hợp cho cây hồ tiêu sinh trưởng và phát triển. Tính đến nay, theo thống kê ngành nông nghiệp Đắk Nông, diện tích cây hồ tiêu tính đến cuối năm năm 2018 khoảng 32.902 ha, sản lượng đạt 42.224 tấn trong đó huyện Đắk Song là vùng lõi sản xuất với tổng diện tích 15.216 ha và sản lượng đạt 18.395 tấn. Trong khi đó, theo Quyết định số 1442/QĐ-BNN-TT ngày 27 tháng 06 năm 2014, phê tổng diện tích hồ tiêu trong cả nước dự kiến là 41.500ha cho tới năm 2020, và Đắk Nông sẽ chiếm 7.000ha. Tính đến 2018, sản lượng tiêu của Đắk Nông chiếm khoảng 15% sản lượng tiêu cả nước, *(Nguồn: NEDSPICE)*. Tổng diện tích tiêu tính trên toàn tỉnh ĐắkNông trong năm 2018 đạt 34.552 ha.

Mặc dù có sản lượng lớn so với cả nước, việc canh tác và chế biến tiêu tại Đắk Nông hiện nay vẫn chưa mang lại giá trị gia tăng xứng đáng với tiềm năng và vị thế của địa phương trên bản đồ hồ tiêu thế giới. Đa phần tư duy canh tác của bà con đều chú trọng vào năng suất mà chưa chú trọng nhiều tới chất lượng và phương thức sản xuất bền vững. Một thực tế đã xảy ra gần đây là năng suất thu hoạch quá cao đã tạo sự bất ổn định về giá cả, đồng thời giảm sức khỏe, tuổi thọ và sức chống chịu với thời tiết, dịch bệnh của cây hồ tiêu. Thời gian gần đây, với yêu

cầu ngày càng cao của thị trường đối với chất lượng sản phẩm, các mô hình canh tác hữu cơ, sản xuất sạch kết hợp với xây dựng và quảng bá thương hiệu đã bắt đầu cho thấy hiệu quả tốt về kinh tế.

CDĐL là một là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể, và sản phẩm có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với CDĐL đó quyết định. Như các ví dụ đã nêu tại Mục 15.1 ở trên, các sản phẩm hồ tiêu được bảo hộ CDĐL dễ được thị trường quốc tế chấp nhận dễ dàng hơn và có giá trị cao hơn so với tiêu không được bảo hộ CDĐL.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu và tạo lập được CDĐL cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông sẽ mang ý nghĩa chiến lược. Tạo lập CDĐL sẽ giúp tỉnh Đắk Nông chính thức công bố và quảng bá danh tiếng, chất lượng của sản phẩm, đồng thời trong quá trình tạo lập chi dẫn địa lý, các quy trình kỹ thuật canh tác khoa học sẽ được thống nhất và hướng dẫn áp dụng đồng bộ, giúp duy trì ổn định chất lượng và danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông. CDĐL được tạo lập sẽ xác lập lợi thế về pháp lý và tiếp thị cho hồ tiêu Đắk Nông khi tham gia thị trường xuất khẩu quốc tế, từ đó góp phần nâng cao giá trị thương phẩm và giá cả của hồ tiêu Đắk Nông.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin đề tài

- Tên Đề tài: Tạo lập và quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 06/2019 đến tháng 11/2021.
- Cấp quản lý: Cấp tỉnh
- Tổ chức chủ trì Đề tài: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
- Chủ nhiệm Đề tài: Cử nhân Dương Thành Long
- Thư ký khoa học của Đề tài: Cử nhân Võ Quang Hùng.
- Kinh phí dự toán: 1.921.227.000 đồng
- Kinh phí thực hiện: 1.906.318.500 đồng

1.2. Mục tiêu của Đề tài

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo lập thành công chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu thương phẩm của tỉnh Đắk Nông và thiết lập mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý (CDĐL) phù hợp và hiệu quả trên thực tế nhằm duy trì danh tiếng sản phẩm, nâng cao giá trị thương phẩm, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm qua đó mở rộng thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống người dân sản xuất và kinh doanh hồ tiêu.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.
- Xác định được các yếu tố về điều kiện tự nhiên, môi trường đất, nước, kỹ thuật canh tác tác động đến các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu.
- Xây dựng được bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” phù hợp với thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu của luật sở hữu trí tuệ đối với bảo hộ CDĐL.
- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thành công cho CDĐL “Đắk Nông” và biểu trưng (logo) của CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông được đăng ký bảo hộ ở dạng nhãn hiệu chứng nhận tại Việt Nam;

- Thiết lập được mô hình quản lý CDĐL phù hợp và hệ thống công cụ quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- Tạo lập kênh thông tin (thông tin điện tử) chính thức và một số công cụ quảng bá cơ bản cho CDĐL “Đắk Nông” gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- Triển khai trao quyền sử dụng CDĐL với quy mô thí điểm cho 03 đơn vị sản xuất kinh doanh hồ tiêu có uy tín, đạt điều kiện trên đại bàn tỉnh Đắk Nông.

1.3. Nội dung của Đề tài

1.3.1. Nội dung 1 – Các công việc chuẩn bị cho việc triển khai Đề tài

- + Công việc 1: Thu thập dữ liệu, tổng hợp các thông tin công bố, nghiên cứu trong nước và quốc tế về các vấn đề liên quan CDĐL hồ tiêu. Đánh giá thực trạng và đề xuất cho việc xây dựng CDĐL cho sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”.
- + Công việc 2: Xử lý thông tin thu thập, xây dựng kế hoạch thực hiện. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh, dự toán kế hoạch, kinh phí thực hiện.
- + Công việc 3: Hội thảo triển khai thực hiện đề tài. (Mã hội thảo: HT1)

1.3.2. Nội dung 2 - Tạo lập CDĐL "Đắk Nông" cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

Các công việc cụ thể trong nội dung tạo lập CDĐL bao gồm:

- + Xác định tổ chức quản lý CDĐL, tổ chức đứng tên đăng ký CDĐL;
- + Chọn nhãn hiệu tập thể "Dak Song Pepper" làm logo chính thức của CDĐL và nâng cấp lên Nhãn hiệu chứng nhận, đóng vai trò chứng nhận sản phẩm mang CDĐL "Đắk Nông";
- + Xác định sản phẩm để đăng ký CDĐL và sản phẩm/dịch vụ để đăng ký cho nhãn hiệu là logo của CDĐL;
- + Khảo sát, thu thập thông tin về danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL "Đắk Nông";
- + Khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”;

- + Làm rõ ảnh hưởng của các yếu tố về khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng, phát triển của cây hồ tiêu;
- + Làm rõ các đặc thù về chỉ tiêu chất lượng trong sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” và so sánh với sản phẩm hạt tiêu của các vùng khác;
- + Tổng hợp quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”;
- + Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” với điều kiện địa lý, điều kiện về thời tiết khí hậu của khu vực trồng tương ứng;
- + Lập bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”;
- + Xây dựng bản đồ khu vực địa lý tương ứng với CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- + Hoàn thiện Bảng tiêu chuẩn thông số màu sắc và kỹ thuật trình bày logo của CDĐL “Đắk Nông”;
- + Xây dựng Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận logo của CDĐL;
- + Tổ chức Hội thảo Góp ý hoàn thiện các tài liệu khoa học chứng minh đặc tính bảo hộ của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”;
- + Tổ chức Hội thảo thông qua các tài liệu nộp đơn đăng ký: Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”; Quy chế Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận logo của CDĐL;
- + Nộp hồ sơ đăng ký CDĐL và theo dõi tiến trình đơn;
- + Nộp hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho logo của CDĐL và theo dõi tiến trình đơn;
- + Phối hợp với cơ quan quản lý để tổ chức lễ công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận CDĐL “Đắk Nông”;
- + Tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động tạo lập chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông.

1.3.3. Nội dung 3 - Quản lý CDĐL “Đắk Nông”

Các công việc cụ thể trong nội dung quản lý CDĐL bao gồm:

- + Nghiên cứu, đề xuất và thông qua mô hình phối hợp quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- + Xây dựng dự thảo Quy định về quản lý CDĐL;
- + Tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện mô hình quản lý và Quy định về quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- + Xây dựng Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL;
- + Xây dựng Quy định về kiểm soát việc sử dụng CDĐL;
- + Xây dựng mẫu Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông để áp dụng cho các tổ chức tập thể có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý;
- + Tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện: Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL; Quy định về Kiểm soát CDĐL;
- + Hoàn thiện nội dung Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL; Quy định về Kiểm soát CDĐL; báo cáo và đề xuất Tổ chức quản lý CDĐL ban hành;
- + Xây dựng hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm mang CDĐL;
- + Tổ chức Hội thảo giới thiệu và thông qua hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL;
- + Tập huấn về quản lý CDĐL;
- + Tập huấn về sử dụng CDĐL;
- + Thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL;
- + Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện công tác thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL.

1.3.4. Nghiệm thu, báo cáo

- + Thành lập hội đồng nghiệm thu cơ sở tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài;

+ Tổ chức họp nghiệm thu cơ sở.

1.4. Các sản phẩm của Đề tài

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt
1	01 Báo cáo chuyên đề: Danh tiếng của địa danh "Đắk Nông" gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông	Báo cáo đưa ra được các luận cứ chứng minh được danh tiếng của địa danh Đắk Nông để làm cơ sở đăng ký CDĐL
2	01 Báo cáo chuyên đề: Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu “Đắk Nông”	Báo cáo cung cấp được thông tin đầy đủ và đáng tin cậy về tình hình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”
3	01 Báo cáo chuyên đề: Ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông	Báo cáo thể hiện các kết quả phân tích chỉ tiêu chất lượng nước và đất trồng hồ tiêu tại Đắk Nông, các đặc thù về khí hậu từ đó chỉ ra các ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông.
4	01 Báo cáo chuyên đề: Các đặc thù về chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”	Báo cáo chỉ ra được các đặc thù về chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL Đắk Nông so với sản phẩm hạt tiêu ở các khu vực khác.
5	01 Báo cáo chuyên đề: Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Báo cáo chỉ ra được thực trạng, những thuận lợi, khó khăn trong việc trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, từ đó đề xuất một quy trình chuẩn.
6	01 Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”	Quy trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, phù hợp với quy trình được Bộ NN&PTNT đã ban hành và áp dụng cho cây hồ tiêu trên cả nước.
7	01 Báo cáo chuyên đề: “Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng”	Báo cáo chứng minh được mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng, làm cơ sở cho việc đăng ký CDĐL.
8	01 Bảng tiêu chuẩn thông số màu sắc và kỹ thuật trình bày	Bảng thông số màu sắc và kỹ thuật trình bày logo của CDĐL được

	logo của CDĐL	hoàn thiện chính xác và thuận tiện cho sử dụng trong thực tế.
9	01 Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với CDĐL “Đất Nông”	Bản đồ khoanh vùng các khu vực trồng và sản xuất hồ tiêu mang CDĐL
10	01 Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đất Nông”	Bản mô tả thể hiện đầy đủ các đặc thù về nguồn gốc, danh tiếng, chất lượng của sản phẩm; được chấp nhận hợp lệ.
11	01 Hồ sơ đăng ký CDĐL gồm: - Hồ sơ nộp đơn - Văn bằng bảo hộ	Hồ sơ được chấp nhận hợp lệ; Văn bằng bảo hộ được cấp theo đúng quy định.
12	01 Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu gồm: - Hồ sơ nộp đơn - Văn bằng bảo hộ	Hồ sơ được chấp nhận hợp lệ; Văn bằng bảo hộ được cấp theo đúng quy định.
13	01 Sơ đồ mô hình phối hợp quản lý CDĐL	Sơ đồ thể hiện rõ các thành phần tham gia phối hợp quản lý CDĐL.
14	01 Bộ văn bản quản lý CDĐL gồm: - Quy định về quản lý CDĐL; - Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL; - Quy chế sử dụng NHCN Logo của CDĐL; - Quy định về kiểm soát việc sử dụng CDĐL;	Các văn bản được ban hành phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và áp dụng được trên thực tế.
15	01 Kênh thông tin điện tử chính thức của CDĐL “Đất Nông”	Kênh thông tin được xây dựng trên các nền tảng hiện đại, đảm bảo dễ dàng nâng cấp.
16	01 Mẫu thiết kế tem CDĐL	Mẫu tem được thiết kế hiện đại, có thể sử dụng được trong thực tế.
17	01 Mẫu thiết kế Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL	Mẫu Giấy chứng nhận được thiết kế phù hợp với Quy định về Quản lý CDĐL, Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.
18	03 Bộ nhận diện thương hiệu cho 03 đơn vị được thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL	Bộ nhận diện được các đơn vị thí điểm sử dụng trong thực tế.
19	01 Mẫu thiết kế bảng chỉ dẫn nhà vườn tham gia chuỗi sản xuất sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL	Mẫu bảng chỉ dẫn chứa đầy đủ thông tin liên hệ của chủ vườn, địa điểm vườn, diện tích vườn, số giấy

	“Đất Nong”	chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.
20	Báo cáo tổng kết đề tài	Báo cáo tổng hợp kết quả triển khai thực hiện đề tài được hội đồng nghiệm thu.

PHẦN II.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI

2.1. Giao chủ trì Đề tài.

Căn cứ thuyết minh được phê duyệt, đơn vị quản lý đề tài là Sở Khoa học và Công nghệ đã giao cho đơn vị chủ trì thực hiện đề tài là: Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK theo Hợp đồng số 08/HĐ-SKHHCN, ngày 25 tháng 06 năm 2019.

2.2. Phối hợp thực hiện Đề tài.

Chi cục Phát triển Nông nghiệp, địa chỉ: Tổ 5, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Chi cục là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Nông, có nhiều kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực liên quan. Trong đề tài, Chi cục tham gia hỗ trợ và phối hợp thực hiện các công việc chuyên môn khoa học liên quan đến sản phẩm.

Hiệp hội hồ tiêu Đắk Song - Đắk Nông, địa chỉ: Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Công ty TNHH tư vấn Luật ALIAT (Aliat Legal), địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, p. Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Aliat Legal là tổ chức đại diện Sở hữu Công nghiệp, Tổ chức đại diện Quyền tác giả, Tổ chức đại diện quyền đối với Giống cây trồng. Trong đề tài, Aliat Legal là đơn vị thực hiện các hạng mục liên quan đến hồ sơ đăng ký CDĐL tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song, địa chỉ: Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện còn phối hợp với Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để tiến hành thực hiện phân tích thành phần lý hóa trong sản phẩm, thành phần lý hóa có trong mẫu đất và mẫu nước.

2.3. Tình hình thực hiện Đề tài

2.3.1. Công tác tổ chức thực hiện Đề tài

Hình thức tổ chức quản lý và thực hiện Đề tài tuân thủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Thông tư 04/2015/TT-BKHCN quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước do

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; quy định về nghiệm thu và đánh giá kết quả đề tài theo Thông tư 11/2014/TT-BKH-CN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp đã thiết lập các kênh làm việc, với các đầu mối nhân sự phụ trách để thực hiện đề tài theo nhiệm vụ đã phân công. Định kỳ, ban chủ nhiệm đều tổ chức họp bàn về tiến độ thực hiện Đề tài, tình hình sử dụng kinh phí, các vấn đề phát sinh và các giải pháp tháo gỡ.

2.3.2. Điều chỉnh tên gọi, mục tiêu của đề tài

Căn cứ kết quả điều tra, khảo sát và các ý kiến thảo luận tại các Hội thảo khoa học có liên quan, đơn vị chủ trì đã có đề xuất điều chỉnh tên gọi Đề tài và mục tiêu của đề tài, cụ thể:

2.3.2.1. Điều chỉnh tên Đề tài:

Tên đề tài cũ: Tạo lập và quản lý CDĐL “Đắk Song” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

Tên đề tài mới: Tạo lập và quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

2.3.2.2. Điều chỉnh mục tiêu cụ thể của đề tài

a) Các mục tiêu cũ

- Xác định được các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.
- Xác định được các yếu tố về điều kiện tự nhiên, môi trường đất, nước, kỹ thuật canh tác tác động đến các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu.
- Xây dựng được bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Song” phù hợp với thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu của luật sở hữu trí tuệ đối với bảo hộ CDĐL.
- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thành công cho CDĐL “Đắk Song” và biểu trưng (logo) của CDĐL “Đắk Song” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông được đăng ký bảo hộ ở dạng nhãn hiệu chứng nhận tại Việt Nam;
- Thiết lập được mô hình quản lý CDĐL phù hợp và hệ thống công cụ quản lý CDĐL “Đắk Song” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;

- Tạo lập kênh thông tin (thông tin điện tử) chính thức và một số công cụ quảng bá cơ bản cho CDĐL “Đắk Nông” gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- Triển khai trao quyền sử dụng CDĐL với quy mô thí điểm cho 03 đơn vị sản xuất kinh doanh hồ tiêu có uy tín, đạt điều kiện trên đại bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Các mục tiêu mới

- Xác định được các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.
- Xác định được các yếu tố về điều kiện tự nhiên, môi trường đất, nước, kỹ thuật canh tác tác động đến các tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu.
- Xây dựng được bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” phù hợp với thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu của luật sở hữu trí tuệ đối với bảo hộ CDĐL.
- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thành công cho CDĐL “Đắk Nông” và biểu trưng (logo) của CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông được đăng ký bảo hộ ở dạng nhãn hiệu chứng nhận tại Việt Nam;
- Thiết lập được mô hình quản lý CDĐL phù hợp và hệ thống công cụ quản lý CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- Tạo lập kênh thông tin (thông tin điện tử) chính thức và một số công cụ quảng bá cơ bản cho CDĐL “Đắk Nông” gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông;
- Triển khai trao quyền sử dụng CDĐL với quy mô thí điểm cho 03 đơn vị sản xuất kinh doanh hồ tiêu có uy tín, đạt điều kiện trên đại bàn tỉnh Đắk Nông.

2.3.3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề tài

Định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi của Đề tài, Sở KH&CN Đắk Nông, đều tiến hành việc kiểm tra, giám sát thực hiện Đề tài. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, đơn vị quản lý đều liên tục có sự trao đổi, giám sát nhằm hỗ trợ kịp thời cho đơn vị chủ trì hoàn thành nhiệm vụ.

Để giám sát và hỗ trợ ban chủ nhiệm thực hiện Đề tài, đơn vị chủ trì cũng tiến hành kiểm tra nội bộ trước các kỳ kiểm tra của đơn vị quản lý.

Các nội dung kiểm tra:

- Nội dung đã hoàn thành và nội dung Đề tài đang triển khai;
- Tình hình sử dụng kinh phí: Bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và kinh phí đối ứng;
- Sản phẩm Đề tài đã hoàn thành và đang trong giai đoạn triển khai.

2.4. Phương án triển khai đã được áp dụng trong Đề tài

2.4.1. Nghiên cứu, thu thập tài liệu

Mục đích của phương pháp là để thu thập các thông tin liên quan đến cơ sở lý thuyết, các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực của Đề tài đã được công bố, các chủ trương chính sách và các số liệu có liên quan đến Đề tài.

Các bước thực hiện gồm:

- Thu thập tài liệu;
- Phân tích tài liệu;
- Tổng hợp, tóm tắt các kết quả nghiên cứu.

Phương pháp này được áp dụng kết hợp với nhiều phương pháp khác để thực hiện các nội dung công việc trong Đề tài. Một số hoạt động tiêu biểu có áp dụng phương pháp này có thể kể đến như:

- Hoạt động nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc Hồ tiêu Đắk Nông;
- Hoạt động nghiên cứu xác định tổ chức đứng tên đăng ký và giữ quyền sở hữu CDĐL hạt tiêu Đắk Nông;
- Hoạt động nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy chế sử dụng CDĐL.
- Hoạt động nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức quản lý và sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông;
- Hoạt động nghiên cứu xây dựng hệ thống văn bản phục vụ quản lý và sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

2.4.2. Phỏng vấn và điều tra bảng hỏi

Mục đích của phương pháp là để thu thập các thông tin liên quan đến cơ sở lý thuyết, các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực của Đề tài đã được công bố, các chủ trương chính sách và các số liệu có liên quan đến Đề tài.

Các bước thực hiện gồm:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát;
- Tổ chức tiến hành khảo sát, phỏng vấn;
- Tổng hợp, tóm tắt các kết quả nghiên cứu.

Các hoạt động được áp dụng:

Phương pháp này được áp dụng kết hợp với nhiều phương pháp khác để thực hiện các nội dung công việc trong Đề tài. Các hoạt động tiêu biểu có áp dụng phương pháp này có thể kể đến như:

- Điều tra, khảo sát về danh tiếng, chất lượng và hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ;
- Điều tra, khảo sát về kỹ thuật chăm sóc hồ tiêu Đắk Nông;

2.4.3. Chọn mẫu, phân tích

2.4.3.1. Hoạt động lấy mẫu hạt tiêu

Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện lấy mẫu tại khu vực CDĐL gồm các huyện: Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Đắk R'lấp và Tuy Đức; và tại khu vực đối chứng là huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai và xã Dương Tơ, Phú Quốc.

Phương pháp lấy mẫu:

- *Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị:* Túi đựng mẫu, thùng xộp đựng mẫu, nhãn dán, bút lông, cân điện tử 5kg.
- *Tiến hành lấy mẫu:* Mỗi khu vực lấy mẫu chọn ngẫu nhiên 04 điểm. Mỗi điểm lấy mẫu chọn 1 mẫu chung theo vị trí phân lô hàng (kho hàng). Mẫu chung được thu thập bằng cách trộn ít nhất 5 mẫu đơn riêng lẻ được lấy trong kho hàng. Mẫu đơn thứ nhất được thu thập bằng cách đếm thứ tự từ 1, 2, 3, ... r ($r = N/n$; N: số lô hàng trong kho; n số đơn vị bao gói để lấy mẫu) chọn 1 mẫu. Tương tự lặp lại cho các lô khác thu được mẫu đơn thứ 2, 3, 4, và thứ 5. Trộn 5 mẫu đơn được mẫu chung.

- *Số lượng mẫu thu thập:* (Xem 2.5 – Vật liệu nghiên cứu)

2.4.3.2. Hoạt động phân tích

a) Phân tích thành phần lý hóa của hạt tiêu

Sau khi lấy mẫu thành công, đơn vị chủ trì đã tiến hành gửi mẫu đến Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để tiến hành phân tích các thành phần lý hóa.

Bảng 1. Bảng tổng hợp thông tin chỉ tiêu phân tích và phương pháp phân tích

TT	Chỉ tiêu phân tích/kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Phương pháp	Ghi chú
1	Piperine	%	ISO 5564:1982.	Phương pháp được VILLAS công nhận
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984).	
3	Độ ẩm	%	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)	
4	Tro tổng số	%	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)	
5	Bo	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
6	Crom	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
7	Fe	µg/kg	AOAC 2015.06	
8	Mangan	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
9	E.Coli	/g	ISO 16649-3:2015	
10	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	

(Xem Phụ lục 7.3)

b) Phân tích cảm quan hạt tiêu

Đối với hoạt động phân tích cảm quan, đơn vị chủ trì đã tổ chức Hội đồng cảm quan vào ngày 10/10/2019 với 07 thành viên và tiến hành đánh giá theo TCVN 4891:2013 và TCVN 4045:1993. Các chỉ tiêu đánh giá: Đường kính hạt, dung trọng hạt, màu sắc hạt, vị, mẫu mã hạt, tỷ lệ tạp chất, tỷ lệ hạt đầu đỉnh, tỷ lệ hạt vỡ, tỷ lệ hạt lép.

2.4.3.3. Hoạt động lấy mẫu và phân tích mẫu đất, mẫu nước.

Sau khi lấy mẫu thành công, đơn vị chủ trì đã tiến hành gửi mẫu đến Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng - Viện Hàn lâm

2.4.4. Tổ chức hội thảo, hội nghị

Để đạt được kết quả cuối cùng, một số công việc đòi hỏi phải có sự góp ý thống nhất của các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan. Do vậy, trong suốt quá trình triển khai Đề tài, phương pháp hội nghị được nhiều lần áp dụng.

Các hoạt động có áp dụng phương pháp hội nghị:

- Hội thảo triển khai thực hiện đề tài.
- Hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện về chỉ tiêu chất lượng sản phẩm; Logo CDĐL và bản đồ khoanh vùng CDĐL cho sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”;
- Tập huấn về quản lý CDĐL
- Tập huấn về sử dụng CDĐL
- Hội nghị nghiệm thu cơ sở.

2.4.5. Lấy ý kiến chuyên gia

Xuyên suốt quá trình thực hiện Đề tài, đơn vị chủ trì đã có nhiều tham vấn ý kiến từ các chuyên gia có trình độ cao, am hiểu sâu về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, lĩnh vực khoa học pháp lý, lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

Phương pháp này được áp dụng kết hợp với nhiều phương pháp khác để thực hiện các nội dung công việc trong Đề tài. Một số hoạt động tiêu biểu có áp dụng phương pháp này có thể kể đến như:

- Hoạt động xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác;
- Hoạt động nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức quản lý và sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông;
- Hoạt động nghiên cứu xây dựng hệ thống văn bản phục vụ quản lý và sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

2.5. Vật liệu nghiên cứu

2.5.1. Mẫu sản phẩm hồ tiêu

2.5.1.1. Số lượng mẫu và khu vực chọn mẫu

Bảng 2. Bảng danh mục công việc đã thực hiện

TT	Địa điểm	Loại mẫu		
		Tiêu đen	Tiêu trắng	Tiêu đỏ
1	Gia Lai			
	Huyện Chư Sê	4 mẫu x 1.5kg	4 mẫu x 1.5kg	4 mẫu x 1.5kg

2	Đắk Nông			
	Các huyện trồng hồ tiêu tại Đắk Nông	20 mẫu x 1.5kg	20 mẫu x 1.5kg	20 mẫu x 1.5kg
3	Phú Quốc			
	Xã Dương Tơ	4 mẫu x 1.5kg	4 mẫu x 1.5kg	4 mẫu x 1.5kg

2.5.2. Mẫu đất và mẫu nước

2.5.2.1. Đối với mẫu đất

Trước khi tiến hành lấy mẫu, cần xác định: Chủ lô vườn sản xuất, địa chỉ, sơ đồ giải thửa và diện tích của lô vườn. Trường hợp lô vườn có kích thước lớn phải chia thành các lô vườn nhỏ theo quy định. Số mẫu thử nghiệm, số mẫu đơn tối thiểu trên một mẫu thử nghiệm, sự phân bố các điểm lấy mẫu trên lô vườn sản xuất. Xác định số mẫu thử nghiệm tối thiểu và số mẫu đơn tối thiểu.

a) Lô vườn sản xuất do một hộ hoặc một doanh nghiệp quản lý

- Lô vườn sản xuất có diện tích ≤ 5 ha: mỗi lô lấy tối thiểu một mẫu thử nghiệm.

- Lô vườn sản xuất có diện tích > 5 ha: phải chia thành nhiều lô nhỏ có diện tích ≤ 5 ha, mỗi lô nhỏ lấy tối thiểu một mẫu thử nghiệm.

b) Lô vườn sản xuất do nhiều hộ quản lý (hợp tác xã, tổ hợp tác)

- Lô vườn sản xuất có diện tích ≤ 5 ha: mỗi lô lấy tối thiểu một mẫu thử nghiệm.

- Lô vườn sản xuất có diện tích > 5 ha: phải phân thành nhiều lô nhỏ có diện tích ≤ 5 ha, mỗi lô nhỏ lấy tối thiểu một mẫu thử nghiệm.

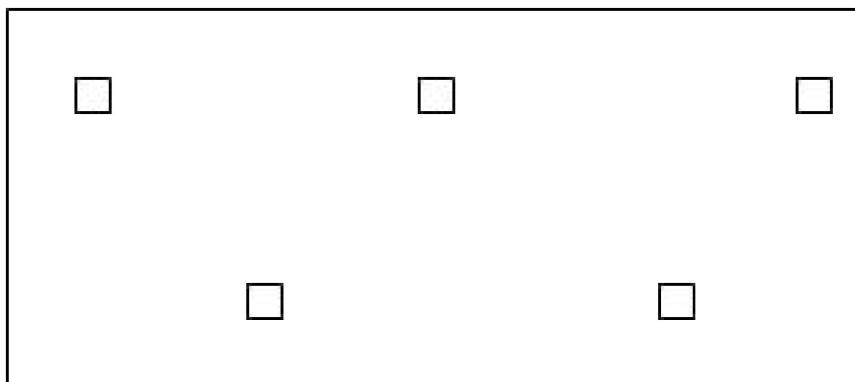
Số mẫu đơn tối thiểu cho một mẫu thử nghiệm phụ thuộc vào số hộ tham gia sản xuất trong lô vườn đó (n). Số mẫu đơn tối thiểu = Số hộ lấy mẫu tối thiểu = $\sqrt{n}$ nhưng không được ít hơn 5 mẫu.

- Trường hợp lô vườn do nhiều hộ quản lý nhưng không cùng điều kiện sản xuất thì phải lấy mẫu riêng của từng hộ và mẫu chỉ đại diện cho hộ sản xuất đó.

c) Xác định vị trí lấy mẫu đơn

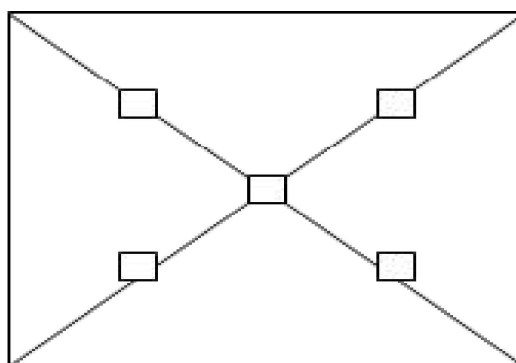
Vị trí lấy mẫu đơn đối với mẫu đất phụ thuộc vào diện tích, hình dạng lô vườn sản xuất.

Đối với lô vườn sản xuất có hình dạng hẹp chạy dài: lấy mẫu theo hình zigzag, số điểm lấy mẫu đơn tùy thuộc vào diện tích trồng.



Lấy mẫu đơn theo hình zigzag

Lô vườn sản xuất có hình dạng cân đối: Mẫu được lấy trên vùng đất đại diện theo quy tắc đường chéo góc nhằm phân bố đều vị trí các mẫu trên vùng đất. Quy tắc đường chéo góc: 1 điểm giao nhau giữa 2 đường chéo (ở giữa vườn) và 4 điểm còn lại nằm đều trên 4 phía của mảnh vườn.



Lấy mẫu đơn theo đường chéo

2.5.2.2. Mẫu nước

Trước khi lấy mẫu cần có nhãn ghi rõ địa điểm, thời gian, phương pháp lấy mẫu và người lấy mẫu. Mẫu sẽ không được phân tích nếu không rõ nguồn gốc mẫu.

Làm sạch, rửa sạch chai nhiều lần bằng nước nguồn trước khi lấy mẫu nước.

Đối với nước tưới tại vườn: Bật bơm cho nước chảy xả bỏ 5 – 10 phút để xả hết nước cũ trong đường ống lấy mẫu trước khi lấy mẫu vào chai. Nếu không có đường ống lấy mẫu, có thể dùng quang chai hoặc gầu để lấy mẫu. Khi đó gầu/gáo cần được tráng sạch nhiều lần bằng nước cần phân tích.

Đối với nước mặt (ao, hồ, mương,..): chọn vị trí giữa dòng, lấy mẫu ở độ sâu cách mặt nước 0,1m.

Tráng chai 3 lần với chính nguồn nước cần lấy mẫu. Cho nước chảy đầy chai và đậy nắp lại.

2.6. Các nội dung công việc đã thực hiện

Các nội dung chính theo Thuyết minh và Hợp đồng số 05/HĐ-SKHCN ngày 29 tháng 01 năm 2019 và các phụ lục điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, cụ thể như sau:

Bảng 3. Bảng danh mục công việc đã thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Các công việc chuẩn bị cho việc triển khai đề tài (17.1)				
1.1	<i>Xây dựng kế hoạch thực hiện đề tài (17.1.1)</i>	Thuyết minh đề tài	06/2019 – 07/2019	CIPTEK	
1.2	<i>Tổ chức Hội nghị triển khai đề tài (17.1.2) (HN-1)</i>	Hội nghị được triển khai theo kế hoạch	09/2019	CIPTEK; Đơn vị quản lý; Đơn vị phối hợp	
2	Tạo lập CDĐL "Đắk Song" cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông (17.2)				
2.1	<i>Xác định tổ chức quản lý CDĐL, tổ chức đứng tên đăng ký CDĐL (17.2.1.)</i>	Xác định được tổ chức quản lý CDĐL, tổ chức đứng tên đăng ký CDĐL	07/2019- 09/2019	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; UBND huyện Đắk Song	
2.2	<i>Chọn nhãn hiệu tập thể "Dak Song Pepper" làm logo chính thức của CDĐL và nâng cấp lên Nhãn hiệu chứng nhận, đóng vai trò chứng nhận sản</i>	Văn bản thống nhất xác nhận lựa chọn nhãn hiệu tập thể "Dak Song Pepper" làm logo chính thức của CDĐL và	07/2019- 09/2019		Sau khi thực hiện và đưa ra góp ý, tại hội thảo đã kết luận là thiết kế

	<i>phẩm mang CDĐL "Đắk Song" (17.2.2.)</i>	nâng cấp lên Nhân hiệu chứng nhận, đóng vai trò chứng nhận sản phẩm mang CDĐL "Đắk Song"			mới mẫu logo, tương ứng với CDĐL "Đắk Nông"
2.3	<i>Xác định sản phẩm để đăng ký CDĐL và sản phẩm/dịch vụ để đăng ký cho nhãn hiệu là logo của CDĐL (17.2.3.)</i>	Danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký bảo hộ	07/2019-09/2019	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	
2.4	<i>Khảo sát, thu thập thông tin về danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Song" (17.2.4.)</i>	Báo cáo chuyên đề: Danh tiếng của địa danh "Đắk Song" gắn với sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông.	07/2019 – 10/2019	CIPTEK	
2.5	<i>Khảo sát, thu thập, thông tin về hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Song" (17.2.5.)</i>	Báo cáo chuyên đề: Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu "Đắk Song".	07/2019 – 10/2019	CIPTEK	
2.6	<i>Làm rõ cảnh hưởng của các yếu tố về khí hậu, địa chất, thủy văn đến sinh trưởng, phát triển của cây hồ tiêu (17.2.6)</i>	Báo cáo chuyên đề: Ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Song	09/2019 – 11/2019	CIPTEK	

2.7	<i>Làm rõ các đặc thù về chỉ tiêu chất lượng trong sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” và so sánh với sản phẩm hồ tiêu của các vùng khác. (17.2.7)</i>	Báo cáo chuyên đề: Các đặc thù về chất lượng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”.	08/2019 – 04/2020	CIPTEK	
2.8	<i>Tổng hợp quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, quy trình chế biến sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”. (17.2.8.)</i>	Báo cáo chuyên đề: Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Dự thảo Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”.	08/2019 – 11/2019	CIPTEK, Sở KH&CN, và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	
2.9	<i>Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” với điều kiện địa lý điều kiện về thời tiết khí hậu của khu vực trồng tương ứng. (17.2.9)</i>	Dự thảo chuyên đề “Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” với điều kiện địa lý, điều kiện về thời tiết khí hậu của khu vực trồng tương ứng”.	12/2019 – 05/2020	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	
2.1	<i>Lập bản mô tả tính</i>	Bản mô tả tính	12/2019	CIPTEK;	

0	<i>chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”.</i> (17.2.10)	chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”	– 05/2020	ALIAT LEGAL	
2.1 1	<i>Xây dựng Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với CDĐL “Đắk Song”</i> (17.2.11)	Bản đồ khu vực trồng hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” của tỉnh Đắk Nông;	08/2019 – 04/2020	Thuê khoán chuyên môn	
2.1 2	<i>Hoàn thiện Bảng tiêu chuẩn thông số màu sắc, kỹ thuật trình bày cho biểu trưng (logo) của CDĐL “Đắk Song”</i> (17.2.12)	Bảng tiêu chuẩn thông số màu sắc và kỹ thuật trình bày logo của CDĐL;	08/2019 – 10/2020	Thuê khoán chuyên môn	
2.1 3	<i>Xây dựng Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận logo của CDĐL</i> (17.2.16)	Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận logo của CDĐL	08/2021 – 10/2021	CIPTEK ALIAT LEGAL	
2.1 4	<i>Hội thảo Góp ý hoàn thiện các tài liệu khoa học chứng minh đặc tính bảo hộ của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”</i> (17.2.14) (HT-1)	Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch; tài liệu hội thảo	05/2020	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	
2.1 5	<i>Tổ chức Hội thảo thông qua các tài liệu nộp đơn đăng ký: Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”; Quy chế Sử dụng Nhãn hiệu chứng</i>	Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch; tài liệu hội thảo	07/2020	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	

	<i>nhận logo của CDĐL (17.2.15.)</i> (HT-2)				
2.1 6	<i>Nộp hồ sơ đăng ký CDĐL (17.2.16)</i>	Hồ sơ đăng ký CDĐL	03/2021 – 11/2021	CIPTEK ALIAT LEGAL	
2.1 7	<i>Nộp hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho logo của CDĐL và theo dõi tiến trình đơn (17.2.17)</i>	Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận	03/2021 – 11/2021	CIPTEK ALIAT LEGAL	
2.1 8	<i>Phối hợp với cơ quan quản lý để tổ chức lễ công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận CDĐL “Đắc Song”(17.2.18)</i>	Dự thảo kế hoạch tổ chức và báo cáo kết quả thực hiện.	11/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
2.1 9	<i>Tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động tạo lập chỉ dẫn địa lý “Đắc Song” cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông. (17.2.19)</i>	Hội nghị được tổ chức theo kế hoạch	11/2021	CIPTEK; Đơn vị quản lý CDĐL; Và các đơn vị phối hợp liên quan.	
3	Quản lý CDĐL “Đắc Song” (17.3)				
3.1	<i>Nghiên cứu, đề xuất và thông qua mô hình phối hợp quản lý CDĐL “Đắc Song” cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông. (17.3.1.)</i>	+) Báo cáo chuyên đề: Thực tiễn hoạt động quản lý CDĐL tại Việt Nam và Mô hình đề xuất cho CDĐL “Đắc Song” +) Sơ đồ mô hình phối hợp quản lý CDĐL	01/2020 – 03/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.2	<i>Xây dựng Quy định</i>	+) Báo cáo	01/2020	CIPTEK	

	<i>về quản lý CDĐL (17.3.2.)</i>	chuyên đề: Cơ sở xây dựng Quy định về quản lý CDĐL “Đắk Song” +) Dự thảo Quy định về quản lý CDĐL CDĐL	– 03/2021	UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.3	<i>Tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện mô hình quản lý và Quy định về quản lý CDĐL “Đắk Song” cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông. (17.3.3)</i> HT-3	Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch; tài liệu hội thảo	05/2021 – 07/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; và các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện	
3.4	<i>Xây dựng Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL (17.3.4.)</i>	Dự thảo Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL	03/2021 – 07/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.5	<i>Xây dựng Hướng dẫn Hướng dẫn thực hiện quy định về việc sử dụng CDĐL (17.3.5.)</i>	Dự thảo Hướng dẫn thực hiện quy định về việc sử dụng CDĐL	03/2021 – 07/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.6	<i>Xây dựng mẫu Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Đắk Song” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông để áp dụng cho các tổ chức tập thể có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý (17.3.6.)</i>	Mẫu Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Đắk Song” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông	03/2020 – 12/2020	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	

3.7.	<i>Tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện: Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CĐDL; Hướng dẫn thực hiện quy định về CĐDL. (17.3.7)</i> HT-4	Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch; tia liệu hội thảo.	06/2021 – 09/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.8.	<i>Hoàn thiện nội dung Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CĐDL; Hướng dẫn thực hiện quy định về CĐDL; báo cáo và đề xuất Tổ chức quản lý CĐDL ban hành. (17.3.8)</i>	a) Điều chỉnh và hoàn thiện các dự thảo: Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CĐDL; Hướng dẫn thực hiện quy định về CĐDL. b) Báo cáo kết quả hoàn thiện và Đề xuất Tổ chức quản lý CĐDL ban hành các văn bản	08/2020 – 11/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN;	
3.9	<i>Xây hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm mang CĐDL (17.3.9.)</i>	- Sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng CĐDL “Đắk Song”; - Kênh thông tin điện tử chính thức của CĐDL “Đắk Song”; - Hệ thống tem CĐDL; - Bảng chỉ dẫn nhà vườn tham gia chuỗi sản xuất	05/2020 – 12/2020	CIPTEK; Thuê khoán chuyên môn	

		sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” và trao thí điểm cho 03 đơn vị; - Đoạn phim phóng sự 15 phút giới thiệu về sản phẩm hồ tiêu mang chỉ dẫn địa ý và CDĐL “Đắk Song” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông.			
3.1 0	<i>Tổ chức Hội thảo giới thiệu và thông qua hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL)</i> (HT-5)	Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch.	04/2021 – 05/2021	CIPTEK UBND tỉnh; Sở KH&CN; UBND huyện Đắk Song	
3.1 1	<i>Tập huấn về quản lý CDĐL (17.3.11.)</i>	Tài liệu tập huấn	10/2021 – 12/2021	CIPTEK; Đơn vị quản lý CDĐL	
3.1 2	<i>Tập huấn về sử dụng CDĐL (17.3.12.)</i>	Hội nghị được tổ chức theo kế hoạch.	10/2021 – 12/2021	CIPTEK; Đơn vị quản lý CDĐL; Người sử dụng CDĐL	
3.1 3	<i>Thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL (17.3.13.)</i>	Triển khai thí điểm trên thực tế đối với 03 đơn vị	10/2021 – 12/2021	CIPTEK; Đơn vị quản lý CDĐL; Các đơn vị được lựa chọn thí điểm	

3.1 4	<i>Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện công tác thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL (17.3.14.)</i>	Báo cáo đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý “Đắk Song” đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các đơn vị được thí điểm trao quyền	10/2021 – 12/2021	CIPTEK; Các đơn vị được lựa chọn thí điểm	
4	Tổ chức nghiệm thu cơ sở (17.4)				
4.1	Thành lập hội đồng nghiệm thu cơ sở		10/2021 – 11/2021	CIPTEK	
4.2	Tổ chức Hội nghiệm thu cơ sở		10/2021 – 11/2021	CIPTEK	
5	Báo cáo tổng kết đề tài (17.5)		11/2021 – 12/2021	CIPTEK	

PHẦN III.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

3.1. Nội dung 1 – Các công việc chuẩn bị cho việc triển khai Đề tài

3.1.1. Thu thập dữ liệu, tổng hợp các thông tin công bố, nghiên cứu trong nước và quốc tế về các vấn đề liên quan

3.1.1.1. Kết quả hoạt động nghiên cứu tổng quan về CDĐL

a) Nguồn gốc khái niệm CDĐL

Bảo hộ CDĐL được bắt đầu ở Pháp vào cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 với những vấn đề liên quan tới hai thuật ngữ “chỉ dẫn nguồn gốc” (Indication of source) và “tên gọi xuất xứ hàng hoá” (Appellations of origin).

“Chỉ dẫn nguồn gốc” được đề cập trong Công ước Paris về bảo hộ Sở hữu công nghiệp 1883 (“Paris Convention for the Protection of Industrial Property of 1883 - Công ước Paris”) và trong Thỏa ước Madrid về Hạn chế những chỉ dẫn sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa 1891 (“Madrid Agreement for the Repression of False or Deceptive Indications of Source on Goods - Thỏa ước Madrid”). Tuy trong hai điều ước quốc tế này không định nghĩa cụ thể khái niệm “Chỉ dẫn nguồn gốc”, nhưng từ nội dung hai điều ước, có thể hiểu “Chỉ dẫn nguồn gốc” là “Các chỉ dẫn đề cập đến một quốc gia, hoặc một địa điểm ở quốc gia đó, và các quốc gia, địa điểm này là nguồn gốc xuất xứ của một sản phẩm cụ thể” (theo khái niệm trong Công ước Paris). Từ cách hiểu này có thể thấy khái niệm “Chỉ dẫn nguồn gốc” chỉ đề cập đến nguồn gốc của một sản phẩm, và không đề cập đến các yêu cầu về chất lượng, đặc tính đặc trưng của sản phẩm gắn liền với nguồn gốc đó.

“Tên gọi xuất xứ” được định nghĩa trong Thỏa ước Lisbon về bảo hộ Tên gọi xuất xứ và đăng ký quốc tế Tên gọi xuất xứ 1958 (“Lisbon Agreement for the Protection of Appellations of Origin and their International Registration – Thỏa ước Lisbon”) là: “*tên địa lý của một quốc gia, một khu vực, hoặc một địa phương nơi xuất xứ của sản phẩm mà chất lượng và các tính chất đặc thù, cơ bản của sản phẩm này do môi trường địa lý của khu vực đó quyết định, kể cả các yếu tố tự nhiên và con người.*”

“CDĐL” (*geographical indication hay GI*) được hiểu là “dấu hiệu được sử dụng để chỉ các sản phẩm có nguồn gốc địa lý cụ thể và có được chất lượng hoặc danh tiếng nhờ vào nguồn gốc địa lý đó” (Nguồn: Ấn phẩm “Geographical Indications – An Introduction” do WIPO biên soạn)

b) Quy định của pháp luật về CDĐL

Tại điều 22.1 của Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của Quyền Sở hữu trí tuệ (“TRIPS”), CDĐL là “những chỉ dẫn về hàng hóa bắt nguồn từ lãnh thổ của một Thành viên hoặc từ khu vực hay địa phương thuộc lãnh thổ đó, có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định.”

Hiệp định TRIPS đưa ra khái niệm về “CDĐL” (“Geographical Indication”) và đề ra yêu cầu chung đối với các Thành viên trong việc ngăn chặn việc sử dụng các CDĐL gây nhầm lẫn hoặc sử dụng CDĐL với mục đích cạnh tranh không lành mạnh. Hiệp định yêu cầu các Thành viên từ chối bảo hộ/ hủy hiệu lực các văn bằng bảo hộ nhãn hiệu có chứa CDĐL gắn liền với sản phẩm không có nguồn gốc từ CDĐL đó, nếu việc sử dụng CDĐL trong nhãn hiệu cho các sản phẩm này có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thật sự của sản phẩm.

Tại Việt Nam, trước khi khái niệm “CDĐL” được thống nhất sử dụng thì trong các văn bản quy phạm pháp luật chỉ có thuật ngữ “Tên gọi xuất xứ hàng hóa”. Cụ thể hơn, “Tên gọi xuất xứ hàng hóa” lần đầu xuất hiện tại Việt Nam vào năm 1989 trong Pháp lệnh số 13-LCT/HĐNN (“Pháp lệnh 13”) về “Bảo hộ Sở hữu công nghiệp của Hội đồng nhà nước số 13-LCT/HĐNN ngày 28/01/1989” (*Nguồn: Wikipedia*), và được định nghĩa tại điều 786 của Bộ luật dân sự 1995 như sau: “*Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên địa lý của nước, địa phương dùng để chỉ xuất xứ của mặt hàng từ nước, địa phương đó với điều kiện những mặt hàng này có các tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên các điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt, bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố đó.*” Như vậy, khái niệm “Tên gọi xuất xứ hàng hoá” trong Bộ luật Dân sự 1995 về cơ bản tương đồng với khái niệm “Tên gọi xuất xứ” (“Appellations of Origin”) được định nghĩa trong Thỏa ước Lisbon.

Khái niệm “CDĐL” được quy định lần đầu tiên trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nước ta tại Nghị định 54/2000/CP-NĐ ngày 3/10/2000 (“Nghị định 54”) về “Bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp đối với Bí mật kinh doanh, CDĐL, Tên thương mại và Bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới Sở hữu công nghiệp”). Cụ thể, điều 10 Nghị định 54 đã định nghĩa như sau:

- CDĐL được bảo hộ là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hóa đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Thể hiện dưới dạng một từ ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc hình ảnh, dùng để chỉ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia;
- Thể hiện trên hàng hoá, bao bì hàng hoá hay giấy tờ giao dịch liên quan tới việc mua bán hàng hoá nhằm chỉ dẫn rằng hàng hoá nói trên có nguồn gốc tại quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hoá này có được chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.
- Nếu CDĐL là tên gọi xuất xứ hàng hoá thì việc bảo hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tên gọi xuất xứ hàng hoá.”

Sau thời gian tồn tại song song hai khái niệm “Tên gọi xuất xứ hàng hóa” và “CDĐL”, cơ quan lập pháp nước ta đã thống nhất sử dụng khái niệm “CDĐL” trong Luật số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 về Sở hữu trí tuệ (“Luật SHTT”), thể hiện sự nhất quán trong việc tuân theo các quy định của TRIPS, một trong các “trụ cột” quan trọng nhất của Tổ chức thương mại thế giới (“WTO”), trong hành trình chuẩn bị để đưa Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO.

Theo đó, khoản 22, điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ định nghĩa “CDĐL” là “dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.”

Các điều kiện bảo hộ đối với CDĐL được quy định tại Mục 6, Chương VII gồm 5 điều từ Điều 79 đến Điều 83. Trong đó, Điều 79 quy định điều kiện chung đối với CDĐL được bảo hộ như sau:

“CDĐL được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sản phẩm mang CDĐL có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với CDĐL.
- Sản phẩm mang CDĐL có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với CDĐL đó quyết định.”

Các quy định chi tiết hướng dẫn về thủ tục xác lập quyền đối với CDĐL còn được thể hiện trong Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010; Thông tư 01/2007/TT-BKHCN và các Thông tư sửa đổi bổ sung gồm: Thông tư 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-

BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011, Thông tư 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3.1.1.2. Kết quả nghiên cứu về vai trò của CDĐL đối với quá trình phát triển nông sản của địa phương

a) Ý nghĩa đối với khu vực có CDĐL

Bảo hộ CDĐL là sự công nhận của cơ quan nhà nước, hay nói rộng ra là sự công nhận của cộng đồng đối với một vùng đất, một khu vực địa lý về việc vùng đất, khu vực địa lý đó đã “sản sinh” ra một/ một số sản phẩm có tính chất, chất lượng, danh tiếng đặc thù, khác biệt so với sản vật của các vùng đất khác. Sự công nhận về tính “đặc thù” đó có ý nghĩa to lớn về mặt văn hóa, trở thành niềm tự hào, góp phần giúp địa phương quảng bá hình ảnh của mình. Ví dụ: người Bordeaux, Pháp tự hào về sản phẩm rượu vang mang CDĐL “Bordeaux”, người Scotland vang danh khắp thế giới với sản phẩm rượu mạnh “Scotch Whisky”; tại Việt Nam, các CDĐL được bảo hộ như nước mắm “Phú Quốc”, bưởi da xanh “Bến Tre”, dưa xiêm xanh “Bến Tre”, vải “Thanh Hà”, niềm tự hào của những địa phương có các CDĐL này.

Ở nước ta hiện nay, bên cạnh ý nghĩa về mặt văn hóa, bảo hộ CDĐL còn có ý nghĩa to lớn trong việc ổn định tình hình lao động việc làm và góp phần phát triển kinh tế của địa phương và cả quốc gia. Trước thời điểm thực hiện đề tài, tính đến tháng 6/2018, Việt Nam đã bảo hộ 60 CDĐL. Tại thời điểm hiện nay (11/2021), Việt Nam đã bảo hộ 113 CDĐL. Văn bằng bảo hộ gần nhất được cấp có số 113, bảo hộ CDĐL “KHÁNH HÒA” cho sản phẩm ốc hương của tỉnh Khánh Hòa.

Theo thống kê, có khoảng hơn 90% tổng số CDĐL được bảo hộ gắn liền với các sản phẩm nông sản, thực phẩm. Trong khi đó theo số liệu chính thức từ Tổng Cục Thống kê Việt Nam, quý I - 2021, lực lượng lao động (trên 15 tuổi có việc làm) trong khu vực nông nghiệp khoảng 14.096.600 người (khoảng 28% trên tổng số lao động). Năm 2020, ngành nông nghiệp vẫn đóng góp 14,85% cơ cấu GDP. Vì vậy, việc bảo hộ các CDĐL gắn liền với các sản phẩm nông sản sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị của nông sản, giúp lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp yên tâm gắn bó hơn với khu vườn, thửa ruộng, nhờ đó góp phần ổn định tình hình lao động việc làm và tác động tích cực đến nền kinh tế đất nước.

b) Ý nghĩa đối với cộng đồng sản xuất và kinh doanh sản phẩm được mang CDĐL

Một sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ sẽ có giá trị cao hơn so với các sản phẩm không được mang CDĐL. Với giá trị được gia tăng, người sản xuất sản phẩm mang CDĐL sẽ có cơ hội nâng cao danh tiếng sản phẩm do họ sản xuất, mở rộng thị phần trong nước và thậm chí là thị trường nước ngoài, từ đó gia tăng nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm này. Ví dụ: Nghiên cứu về “Giá trị sản xuất của sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, rượu vang, rượu mạnh mang CDĐL được bảo hộ” của Ủy ban Châu Âu vào năm 2012 cho thấy trung bình các sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ ở Châu Âu được bán với giá cao hơn 2,23 lần so với các sản phẩm không mang CDĐL được bảo hộ. Tại Việt Nam, CDĐL “Bình Thuận” được bảo hộ đã góp phần đưa loại trái cây đặc thù của vùng đất này đến với 12 thị trường quốc tế ở châu Á, châu Âu, châu Đại Dương và châu Mỹ, giúp các hộ trồng/ kinh doanh hồ tiêu mang CDĐL ở Bình Thuận có đầu ra ngày một ổn định cho sản phẩm hồ tiêu (Nguồn: <https://bnews.vn/giai-phap-phat-trien-ben-vung-cho-cay-thanh-long-binh-thuan/90741.html>). Trong khi đó, CDĐL “Vinh” đã giúp giá trị sản phẩm cam quýt mang CDĐL này tăng từ 4000 đồng/kg (trước khi CDĐL được bảo hộ) lên 40-45.000 đồng/kg, giúp người trồng cam có được thu nhập bình quân từ 500-700 triệu đồng/ vụ (Nguồn: <http://truyenhinhnghean.vn/kinh-te/201704/can-phat-huy-chi-dan-dia-ly-cam-vinh-700485/>);

Bên cạnh đó, bảo hộ CDĐL sẽ tạo lập căn cứ phát lý ngăn chặn các chủ thể khác đăng ký bảo hộ và/ hoặc sử dụng trái phép CDĐL đó, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng CDĐL cho các sản phẩm của họ.

c) Ý nghĩa đối với người tiêu dùng

Khi lựa chọn sử dụng các sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ, người tiêu dùng có được sự yên tâm và có cơ hội sử dụng các sản phẩm với chất lượng được đảm bảo, kiểm duyệt; bởi các sản phẩm trước khi được mang CDĐL, đều phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính, chất lượng, danh tiếng theo các yêu cầu cụ thể do chủ thể xây dựng, quản lý CDĐL đưa ra trên cơ sở các quy định pháp luật và cơ sở khoa học.

Bên cạnh đó, với việc các tiêu chuẩn, nguồn gốc sản phẩm mang CDĐL đều được công bố, và có các công cụ nhận diện riêng (nhiều sản phẩm mang CDĐL có tem truy suất nguồn gốc), người tiêu dùng sẽ dễ dàng tiếp cận, kiểm chứng thông tin về sản phẩm khi có nhu cầu.

d) Ý nghĩa đối với sự phát triển của xã hội

Mục đích của bảo hộ CDĐL chính là hướng đến “thương mại công bằng”, tức là doanh nghiệp, tổ chức, cá thể kinh doanh phải có trách nhiệm cung cấp đúng

thông tin của sản phẩm như đã công bố về nguồn gốc, chất lượng cũng như quy trình chăm sóc thu hoạch của sản phẩm, không có cơ hội lừa dối khách hàng, đồng thời, tạo sự công bằng cho các đối thủ cạnh tranh và nhà sản xuất.

3.1.2. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh, dự toán kế hoạch, kinh phí thực hiện.

Dựa trên kết quả nghiên cứu tổng quan, đơn vị chủ trì đã xây dựng Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Thuyết minh, dự toán được hội đồng khoa học phê duyệt làm cơ sở thực hiện đề tài: “Tạo lập và quản lý CDĐL “Đắk Song” cho sản phẩm hồ tiêu Tỉnh Đắk Nông”.

3.1.3. Tổ chức hội nghị triển khai thực hiện đề tài.

Hội thảo được tổ chức 01 buổi, từ 08h00 đến 11h30 ngày 28/8/2019 tại Hội trường – Trung tâm ứng dụng Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông.



Hình 1. Hội thảo triển khai đề tài

Nội dung hội thảo:

- + *CDĐL và bảo hộ CDĐL đối với đặc sản địa phương;*
- + *Giới thiệu tóm tắt mục tiêu, nội dung và kế hoạch triển khai thực hiện đề tài*

+ Đề xuất mô hình quản lý CDĐL “Đắk Song¹” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

Hội nghị thu hút đông đảo các đối tượng đại biểu và khách mời tham gia. Đối tượng tham dự hội thảo đa dạng gồm các cán bộ quản lý, các nhà nghiên cứu, các nhà sản xuất kinh doanh hồ tiêu, các đơn vị truyền thông, báo chí. Hội nghị đã tạo được sự quan tâm của dư luận về việc tạo lập quản lý CDĐL đầu tiên của tỉnh Đắk Nông. Tại hội nghị, ban chủ nhiệm đề tài đã có cơ hội để trình bày các vấn đề quan trọng về CDĐL để các nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân cùng hiểu rõ hơn, tạo sự đồng thuận chung để phối hợp và hỗ trợ cho hoạt động tạo lập và quản lý CDĐL.

Một vấn đề quan trọng khác tại Hội nghị đó là việc xác định lại logo của CDĐL, theo đó hội nghị đặt vấn đề xác định lại tên gọi CDĐL là Đắk Nông hay Đắk Song. Đồng thời, hội nghị kết luận cần tiến hành thiết kế logo mới, không sử dụng NHTT “Hồ tiêu Đắk Song” của Hiệp hội làm logo chính thức của CDĐL. Căn cứ kết luận của Hội nghị, đơn vị chủ trì đã chủ động nghiên cứu bổ sung để làm rõ khả năng đăng ký của dấu hiệu địa danh “Đắk Nông”, đồng thời triển khai thiết kế mới logo.

Như vậy, hội nghị đã đạt các mục đích, yêu cầu đề ra; được các thành viên tham dự đánh giá cao về báo cáo viên, nội dung báo cáo, tài liệu, công tác chuẩn bị hội thảo.

3.2. Nội dung 2 – Tạo lập CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

3.2.1. Kết quả hoạt động điều tra khảo sát

3.2.1.1. Xây dựng mẫu phiếu điều tra

Có 2 mẫu phiếu được xây dựng phục vụ điều tra khảo sát cho các nội dung liên quan đến danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu; hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”. Số lượng mẫu phiếu đạt yêu cầu so với thuyết minh, các câu hỏi trong phiếu khảo sát được xây dựng khoa học, hợp lý đảm bảo tính khả thi cho việc thực hiện hoạt động trên thực tế và đảm bảo chất lượng thông tin thu thập được.

(Xem chi tiết tại: Phụ lục 3.1 - Bộ mẫu phiếu điều tra)

¹ Thời điểm này, tên và mục tiêu Đề tài vẫn chưa thay đổi.

3.2.1.2. Công tác điều tra khảo sát

Nhằm mục đích tổng hợp các thông tin làm cơ sở cho việc triển khai xây dựng CDĐL, đơn vị chủ trì đã xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra khảo sát, gồm các bước sau đây:

- Xây dựng phương án và mẫu phiếu điều tra, khảo sát.
- Tiến hành điều tra, khảo sát, phỏng vấn, thu thập thông tin trên cơ sở nội dung các phiếu điều tra
- Xử lý số liệu điều tra, tổng hợp thông tin và lập báo cáo điều tra, khảo sát

Tổng số phiếu điều tra cho 2 mẫu phiếu là 480/480 phiếu, đạt yêu cầu theo thuyết minh được duyệt. Các phiếu được tổng hợp xử lý phục vụ các báo cáo, chuyên đề.

Bảng 4. Bảng tổng hợp thông tin các cuộc điều tra, khảo sát

STT	Nội dung khảo sát	Mẫu phiếu	Số lượng phiếu	Khu vực khảo sát
1	Khảo sát, thu thập thông tin về danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL "Đắc Nông"	Phiếu 01	240	Đắc Nông, TP. HCM
2	Khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL "Đắc Nông"	Phiếu 02	240	Đắc Nông, TP. HCM



Hình 2. Hình ảnh khảo sát tại hộ trồng tiêu

Kết quả của hoạt động điều tra, khảo sát làm cơ sở cho việc tiến hành xây dựng các chuyên đề nghiên cứu về danh tiếng và hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông, cụ thể gồm:

- *Báo cáo chuyên đề: Danh tiếng của địa danh "Đắk Nông" gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông*
- *Báo cáo chuyên đề: Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu "Đắk Nông"*

3.2.1.3. Kết quả xử lý số liệu, hoàn thiện báo cáo điều tra, khảo sát

Đơn vị chủ trì đã hoàn thành việc xử lý số liệu và thực hiện 2/2 báo cáo kết quả điều tra, khảo sát theo thuyết minh được duyệt. Cụ thể gồm:

- Khảo sát, thu thập thông tin về danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL "Đắk Nông" (240 phiếu)
- Khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL "Đắk Nông" (240 phiếu)

(Xem Phụ lục 3.2. Các báo cáo kết quả điều tra, khảo sát)

3.2.1.4. Ý nghĩa, tác động của hoạt động điều tra khảo sát đối với kết quả thực hiện đề tài

Hoạt động điều tra khảo sát là cơ sở khoa học quan trọng nhằm định hướng các nội dung công việc tiếp theo của đề tài. Thông qua đó, đơn vị chủ trì đã nắm rõ được tình hình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông từ đó chứng minh được nhu cầu cấp thiết phải xây dựng CDĐL.

Cùng với việc làm rõ được tính cấp thiết, hoạt động điều tra khảo sát cũng giúp cho ban chủ nhiệm đề tài nhận định được sơ bộ về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông; thống kê và xác định được khu vực chỉ dẫn địa lý.

Qua đó, vạch ra các kế hoạch công việc chi tiết để từng bước chứng minh được các điều kiện bảo hộ của CDĐL "Đắk Nông" cho sản phẩm hạt tiêu; góp phần rất quan trọng vào sự thành công của ban chủ nhiệm trong việc đạt được mục tiêu đề ra của đề tài.

Ngoài ra, việc điều tra khảo sát kỹ càng giúp ban chủ nhiệm nhận định được xu thế phát triển của ngành sản xuất – kinh doanh sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông. Cụ thể, với chất lượng và danh tiếng đã được thừa nhận rộng rãi, hồ tiêu Đắk Nông rất thích hợp để phát triển theo hướng hàng hóa đặc sản có giá trị cao đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của nhóm khách hàng ở phân khúc tiêu dùng cao.

3.2.2. Kết quả hoạt động lấy mẫu, phân tích

3.2.2.1. Kết quả hoạt động lấy mẫu

Đơn vị chủ trì đã tổ chức lấy mẫu trong khu vực CDDL và khu vực đối chứng để tiến hành phân tích các chỉ tiêu cảm quan, hình thái, thành phần lý hóa nhằm tìm ra được các đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông. Thông tin lấy mẫu cụ thể như bảng sau:

Bảng 5. Bảng tổng hợp thông tin lấy mẫu sản phẩm hạt tiêu, mẫu đất, mẫu nước

TT	Địa điểm	Thời gian thu mẫu	Loại mẫu		
			Sản phẩm hạt tiêu	Đất	Nước
1	Tại Gia Lai	09/09 - 10/09/2019			
	Huyện Chư Sê		12 mẫu (đen, trắng, đỏ)	3 mẫu	3 mẫu
2	Tại Đắk Nông	11/09 - 14/09/2019			
	Các huyện trồng hồ tiêu tại Đắk Nông (Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Đắk R'lấp, Tuy Đức)		60 mẫu (đen, trắng, đỏ)	12 mẫu	12 mẫu
3	Tại Phú Quốc	27/09 - 28/09/2019			
	Xã Dương Tơ		12 mẫu (đen, trắng, đỏ)	3 mẫu	3 mẫu

(Xem Phụ lục 7)

3.2.2.2. Kết quả hoạt động phân tích

Đơn vị chủ trì đã hoàn thành việc xử lý số liệu và thực hiện 3/3 báo cáo kết quả phân tích theo thuyết minh được duyệt như được thể hiện chi tiết tại *Phụ lục 7.1, Phụ lục 7.2, Phụ lục 7.3* và được tóm tắt như dưới đây.

a) Kết quả phân tích thành phần lý hóa của sản phẩm hạt tiêu

Thực hiện phân tích 10/10 chỉ tiêu theo thuyết minh, cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 5. Bảng tổng hợp thông tin chỉ tiêu phân tích và phương pháp phân tích

TT	Chỉ tiêu phân tích/kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Phương pháp	Ghi chú
----	--------------------------------	-------------	-------------	---------

1	Piperine	%	ISO 5564:1982.	Phương pháp được VILLAS công nhận
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/ 100gam)	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984).	
3	Độ ẩm	%	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)	
4	Tro tổng số	%	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)	
5	Bo	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
6	Crom	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
7	Fe	µg/kg	AOAC 2015.06	
8	Mangan	µg/kg	ISO 17294-2:2016	
9	E.Coli	/g	ISO 16649-3:2015	
10	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	

Các mẫu sản phẩm được gửi đi phân tích và được thực hiện bởi các đơn vị có năng lực, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định đối với phòng kiểm nghiệm chất lượng. Theo đó, kết quả phân tích là tài liệu khoa học đáng tin cậy và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận nhằm hỗ trợ cho việc chứng minh điều kiện bảo hộ CDDL của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.

Với kinh nghiệm thực hiện các đề tài liên quan trước đó về tạo lập CDDL, ban chủ nhiệm đề tài đã kiểm soát tốt quá trình lấy mẫu, phân tích, kiểm nghiệm nhằm tránh phát sinh các sai sót ngoài dự kiến gây kéo dài thời gian thực hiện đề tài và tốn kém thêm chi phí.

Bảng 6. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đen tại Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	AN1	AN2	AN3	AN4	FN1	FN2	FN3	FN4	BN1	BN2	BN3	BN4	Phương pháp
1	Piperine	%	6.46	6.11	6.06	6.36	6.02	5.47	5.47	5.23	5.44	5.64	5.53	5.5	ISO 5564:1982.
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.24	2.27	2.22	2.16	2.59	2.64	2.63	2.6	2.46	2.4	2.4	2.34	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984).
3	Độ ẩm	%	10.51	11.32	10.21	11.29	10.76	10.88	10.17	10.33	11.62	11.23	10.95	10.37	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	4.15	4.05	4.1	4.31	4.24	4.32	4.59	4.1	4.59	4.19	4.5	4.28	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	0.11	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	78.3	133.7	235.96	142.34	222.16	402.73	58.16	204.59	54.42	75.67	79.54	68.17	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	38.9	22.56	34.2	20.65	36.13	37.02	40.52	39.56	24.17	28.03	30.31	30.24	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 7. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đen tại Đắk Nông (tt)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	CN1	CN2	CN3	CN4	DN1	DN2	DN3	DN4	Phương pháp
1	Piperine	%	6.64	6.57	7.39	7.45	5.58	5.61	5.85	5.59	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.51	2.54	2.41	2.34	2.43	2.46	2.41	2.38	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	11.82	11.64	11.48	11.72	10.31	11.12	10.84	10.63	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	4.72	5.18	4.5	4.87	4.35	4.39	4.83	4.76	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	0.12	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	471.47	605.44	330.48	565.01	251	265.45	310.42	358.46	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	27.66	25.29	24.36	31.45	25.73	31.72	24.71	30.68	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 8. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu trắng tại Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	WT1	WT2	WT3	WT4	WT5	WT6	WT7	WT8	WT9	WT10	WT11	WT12	Phương pháp
1	Piperine	%	6.44	5.94	6.61	6.35	6.86	7.17	7.29	6.98	7.44	7.21	7.14	6.67	ISO 5564:1982.
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.12	2.08	1.99	1.93	1.86	2.1	1.99	1.95	1.92	1.87	1.82	1.85	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984).
3	Độ ẩm	%	10.13	10.92	10.18	10.33	11.12	10.21	10.82	11.08	11.02	10.68	10.88	11.19	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	1.85	1.89	2.04	2.11	1.78	1.94	1.83	1.94	1.86	2.33	2.27	2.08	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	112.5	189.43	118.5	78.9	217.4	309.56	153.7	178.9	134.8	45.89	89.34	143.5	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	11.3	9.45	23.98	30.54	34.56	22.78	56.98	73.21	36.43	34.45	78.45	22.68	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 9. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu trắng tại Đắk Nông (tt)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	WT13	WT14	WT15	WT16	WT17	WT18	WT19	WT20	Phương pháp
1	Piperine	%	6.5	6.89	6.54	7.1	7.51	6.91	6.99	6.88	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	1.76	1.83	1.8	1.84	1.88	1.8	1.77	1.81	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	11.01	10.56	10.27	11.09	11.38	11.05	10.77	10.48	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	2.09	2.22	2.12	2.04	2.12	2	2.23	2.08	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	0.0064	0.0064	KPH	KPH	KPH	0.0066	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	345.8	409.3	390.1	457.2	307.4	287.4	278.12	347.3	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	34.78	32.75	43.12	22.56	25.73	31.72	24.71	30.68	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 10. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đỏ tại Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	RD1	RD2	RD3	RD4	RD5	RD6	RD7	RD8	RD9	RD10	RD11	RD12	Phương pháp
1	Piperine	%	4.15	4.08	4.17	4.61	4.48	4.62	4.51	4.54	4.07	4.36	4.13	4.14	ISO 5564:1982.
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.8	2.72	2.9	2.77	2.82	2.78	2.71	2.69	2.8	2.85	2.81	2.79	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984).
3	Độ ẩm	%	10.82	10.73	10.28	10.91	10.12	10.54	10.93	10.76	10.62	10.96	10.27	10.11	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	4.66	4.73	4.53	4.36	4.67	4.51	3.68	3.67	3.81	3.82	3.88	3.92	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	0.11	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0.22	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	45.56	157.8	209.4	58.23	287.3	309.4	99.16	232.1	68.3	88.12	65.32	115.8	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	0.034	0.13	0.036	0.057	46.8	55.98	37.22	67.34	43.7	59.5	123.8	78.46	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 11. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đỏ tại Đắk Nông (tt)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	RD13	RD14	RD15	RD16	RD17	RD18	RD19	RD20	Phương pháp
1	Piperine	%	4.4	4.2	4.32	4.3	4.42	4.23	4.51	4.18	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.64	2.68	2.62	2.67	2.61	2.6	2.58	2.56	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	10.21	10.77	11.12	10.14	10.87	11.03	11.07	10.82	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	4.22	4.13	3.9	3.98	3.93	3.65	3.7	3.9	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	0.11	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	198.4	334.6	178.9	330.2	367.8	523.1	427.9	235.8	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	28.9	19.56	33.8	33.12	12.56	33.8	18.9	45.5	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 12. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đen tại Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	HN1	HN2	HN3	HN4	Phương pháp
1	Piperine	%	5.29	5.33	5.44	5.22	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.49	2.45	2.44	2.5	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	10.97	10.44	10.02	10.88	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	4.73	4.4	4.78	4.55	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	0.1	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	0.0066	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	265.03	116.94	235.72	296.72	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	1.07	1.61	29.81	39.41	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 13. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu trắng tại Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	AT1	AT2	AT3	AT4	Phương pháp
1	Piperine	%	6.58	6.75	6.82	6.82	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	1.97	2.07	2.01	1.96	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	11.18	11.58	11.62	11.47	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	1.98	1.82	1.69	1.64	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	0.213	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	123.56	198.4	222.12	245.67	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	8.98	12.45	22.98	24.79	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 14. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đỏ tại Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	AD1	AD2	AD3	AD4	Phương pháp
1	Piperine	%	4.13	4.28	4.2	4.63	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.92	2.96	2.95	2.99	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	11.26	10.81	12.38	11.62	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	3.44	3.48	3.42	3.51	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	0.11	0.11	0.11	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	278.3	167.9	245.1	209.5	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	5.34	3.98	19.22	26.77	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 15. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đen tại Phú Quốc

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	DPQ1	DPQ2	DPQ3	DPQ4	Phương pháp
1	Piperine	%	5.88	5.18	5.47	5.26	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	2.71	2.78	2.81	2.78	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	11.21	11.28	10.21	10.88	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	3.65	3.68	3.68	3.75	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	45.58	192.46	242.71	43.64	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	0.076	0.083	0.043	0.133	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 16. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu trắng tại Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	WT21	WT22	WT23	WT24	Phương pháp
1	Piperine	%	6.39	7.14	6.93	6.51	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	1.68	1.69	1.72	1.7	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	10.64	10.38	11.15	10.32	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	1.97	2.05	1.99	1.93	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	0.0047	KPH	0.0063	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	25.89	78.98	192.5	156.7	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	0.045	0.097	0.024	0.88	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Bảng 17. Kết quả phân tích mẫu hạt tiêu đỏ tại Phú Quốc

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	RD21	RD22	RD23	RD24	Phương pháp
1	Piperine	%	4.23	4.23	4.42	4.27	ISO 5564:1982
2	Tinh dầu bay hơi	(ml/100gam)	3.11	3.09	3.18	3.21	TCVN 7039:2002 (ISO 6571:1984)
3	Độ ẩm	%	10.29	10.67	10.85	11.14	TCVN 7040:2002 (ISO 939:1980)
4	Tro tổng số	%	3.79	3.82	3.29	3.33	TCVN 7038:2002 (ISO 928:1997)
5	Bo	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
6	Crom	µg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 17294-2:2016
7	Fe	µg/kg	34.89	65.21	88.37	77.3	AOAC 2015.06
8	Mangan	µg/kg	0.55	0.063	0.43	0.28	ISO 17294-2:2016
9	E.Coli	/g	KPH	KPH	KPH	KPH	ISO 16649-3:2015
10	Coliforms	CFU/g	< 10	< 10	< 10	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 7.3)

b) Kết quả phân tích cảm quan

Đơn vị chủ trì đã thực hiện phân tích 9/9 chỉ tiêu theo thuyết minh gồm: Đường kính hạt (mm), dung trọng hạt (g/l), màu sắc hạt, vị, mẫu mã hạt, tỷ lệ tạp chất (%), tỷ lệ hạt đầu đỉnh (%), tỷ lệ hạt vỡ (%), tỷ lệ hạt lép (%); và đã hoàn thiện 01 báo cáo kết quả đánh giá cảm quan mẫu hạt tiêu để làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng Bản mô tả danh tiếng/tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.

Bảng 18. Tổng hợp kết quả đánh giá các chỉ tiêu cảm quan và nông học của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông, Gia Lai và Phú Quốc

Mẫu\ Chỉ tiêu	Đường kính hạt (mm)	Dung trọng hạt (g/l)	Màu sắc hạt	Vị	Mẫu mã hạt	Tỷ lệ tạp chất (%)	Tỷ lệ hạt đầu đỉnh (%)	Tỷ lệ hạt vỡ (%)	Tỷ lệ hạt lép (%)
Đắk Nông									
Tiêu đen									
M1	4.5	556	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	3.4	0	2.8	2.6
M2	4.3	560	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.2	0	2.9	2.7
M3	4.2	567	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0.3	2.9	2.7
M4	4.4	590	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.4	0	1.2	1
M5	4.2	569	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.3	0	0.8	0.6
M6	4.6	583	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	2.3	0.7	0.9	0.7
M7	4.4	564	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.4	0	1.1	0.9
M8	4.3	550	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.6	0	2.4	2.2
M9	4.6	573	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	2.6	0	1.2	1
M10	4.2	568	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.8	1.2	1.4	1.2
M11	4.1	590	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.4	0	0.5	0.3
M12	4.5	569	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.3	0	0.4	0.2
M13	4.3	572	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	2.4	0	1.6	1.4

M14	4.2	578	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.9	0.3	1.2	1
M15	4.4	560	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.2	0	0.4	0.2
M16	4.6	583	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.3	0	0.8	0.6
M17	4.6	582	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.5	0.6	0.8	0.6
M18	4.2	572	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	2.1	0	1.7	1.5
M19	4.2	584	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.6	0	2.5	2.3
M20	4.1	585	Đen hơi nâu	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.7	0	1.5	1.3
TB	4.3	572.8				1.22	0.155	1.45	1.25
Tiêu trắng									
M1	3.6	638	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.4	0	1.3	1.1
M2	3.6	626	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	1.1	0	1.9	1.7
M3	3.5	634	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.3	0	1.4	1.2
M4	3.5	640	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.4	0	0	0
M5	3.8	632	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.6	0.6	0	0
M6	3.6	623	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.6	0	2.2	2
M7	3.8	635	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các	0.4	0	1.2	1

					đường gân chạy dọc				
M8	3.6	633	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.6	0.3	0	0
M9	3.7	629	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	1.7	0	0	0
M10	3.4	635	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	0	1.5	1.3
M11	3.5	630	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	0	1.2	1
M12	3.7	634	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	0.2	0	0
M13	3.5	631	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.6	0.8	0	0
M14	3.4	632	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	0	1.4	1.2
M15	3.6	622	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	1.3	0	0
M16	3.6	632	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	1.3	0	0	0
M17	3.5	637	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.5	0	2.3	2.1
M18	3.7	625	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	1.1	0	2.2	2
M19	3.8	631	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các	0.8	0.5	1.2	1

					đường gân chạy dọc				
M20	3.6	634	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0.3	0	1.1	0.9
TB	3.6	631.7				0.54	0.19	0.95	0.75
Tiêu đo									
M1	4.5	586	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.4	0	1.7	1.5
M2	4.7	589	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	1.7	1.5
M3	4.2	581	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	1.3	1.1
M4	4.6	582	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.5	0	1	0.8
M5	4.5	589	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.4	1.1	1.9	1.7
M6	4.4	587	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0.3	2.1	1.9
M7	4.6	574	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0.2	1.3	1.1
M8	4.5	580	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.6	0.2	1.3	1.1
M9	4.6	593	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.2	0	1.2	1
M10	4.7	585	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.1	0	1.4	1.2
M11	4.1	579	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	0.5	0.3
M12	4.4	583	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0.5	0.6	0.4
M13	4.6	586	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.6	0.4	0.8	0.6
M14	4.8	588	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.4	0	1.5	1.3
M15	4.2	583	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	1.6	1.4
M16	4.8	592	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.3	0.3	1.3	1.1

M17	4.1	579	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.2	0	1.9	1.7
M18	4.3	586	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	2.0	1.8
M19	4.6	588	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.8	0.7	1.1	0.9
M20	4.1	582	Nâu đỏ	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	1.6	0.2	0.7	0.5
TB	4.5	584.6				0.51	0.20	1.35	1.15
Gia lai									
Tiêu đen									
M1	4.1	570	Nâu đen	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	2.7	0	2.1	1.9
M2	3.8	559	Nâu đen	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	3.5	0.3	1.2	1
M3	4.0	564	Nâu đen	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	3.6	0	0.3	0.1
M4	3.8	559	Nâu đen	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	3.2	0.4	1.7	1.5
TB	3.9	563				3.3	0.2	1.3	1.1
Tiêu trắng									
M1	3.4	628	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, không có các đường gân chạy dọc (hạt trơn nhẵn)	1.2	0	2	1.8
M2	3.4	625	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, không có các đường gân chạy dọc	0	0	1.2	1
M3	3.3	620	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, không có các đường gân chạy dọc	2.4	0.3	1.7	1.5
M4	3.2	622	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, không có các đường gân chạy dọc	2.2	0.3	0.7	0.5

TB	3.3	623.7				1.45	0.15	1.4	1.2
Tiêu đỏ									
M1	3.9	570	Đỏ hơi ngả sang vàng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.7	0.6	0.8	0.6
M2	4.1	582	Đỏ hơi ngả sang vàng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.2	0	1.2	1
M3	3.9	572	Đỏ hơi ngả sang vàng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	0	1.2	1
M4	4.0	576	Đỏ hơi ngả sang vàng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	2.3	0.9	1.8	1.6
TB	4.0	575.0				0.8	0.38	1.25	1.05
Phú Quốc									
Tiêu đen									
M1	5.0	587.0	Đen, bóng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	0.2	1.3	1.2	1
M2	5.2	589.0	Đen, bóng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	0.5	1.5	1.4	1.2
M3	5.3	594.0	Đen, bóng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	1.6	0.5	1.6	1.4
M4	5.3	592.0	Đen, bóng	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ ít nhẵn	0.8	0	1.8	1.6
TB	5.2	590.5				0.78	0.83	1.50	1.30
Tiêu trắng									
M1	4.2	641	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	0	0.2	0.7	0.5
M2	4.1	638	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các	0.9	0	1.1	0.9

					đường gân chạy dọc				
M3	4.2	639	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	1.1	0	1.6	1.4
M4	4.0	636	Trắng ngà	Cay	Hạt tròn đều, bề mặt hạt có các đường gân chạy dọc	2	1.1	1.5	1.3
TB	4.1	638.5				1	0.33	1.23	1.03
Tiêu đo									
M1	5.4	595	Đen có ánh đỏ (bóng)	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.3	0	0.2	0
M2	5.1	592	Đen có ánh đỏ (bóng)	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	1.2	2.4	2.2
M3	5.2	594	Đen có ánh đỏ (bóng)	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0	1.1	1.5	1.3
M4	5.2	594	Đen có ánh đỏ (bóng)	Cay, có vị ngọt	Hạt tròn đều, vỏ nhẵn	0.8	0	0.5	0.3
TB	5.25	593.7				0.28	0.58	1.15	0.95

(Xem chi tiết tại Phụ lục 7.1.)

c) *Kết quả phân tích mẫu đất trồng hồ tiêu*

Thực hiện 23/23 chỉ tiêu phân tích theo thuyết minh, cụ thể gồm:

Bảng 19. Kết quả phân tích mẫu đất trồng hồ tiêu tại Đắk Nông

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SS1	SS2	SS3	SD1	SD2	SD3	SJ1	SJ2	SJ3	SR1	SR2	SR3
1	pH (KCl)	-	6,02	5,98	5,58	6,34	6,27	6,25	6,12	5,89	5,78	5,87	5,68	5,97
2	pH (H ₂ O)	-	6,21	6,13	5,73	6,78	6,8	6,8	6,5	6,4	6,3	6,4	6,2	6,3
3	Đồng (Cu)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Asen (As)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
8	Tổng nitơ	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Tổng photpho	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Tổng K	%	0,225	0,213	0,117	0,157	0,163	0,172	0,275	0,237	0,285	0,131	0,125	0,213
11	Độ dẫn điện (EC)	mS/cm	0,04	0,06	0,09	0,02	0,01	0,01	0,03	0,05	0,06	0,02	0,03	0,01

12	Ca tổng	%	28,21	28,41	28,51	24,58	25,23	25,13	25,78	24,95	25,14	24,71	23,17	24,52
13	Fe trao đổi	%	3,752	3,692	4,132	6,372	8,751	6,251	7,831	6,782	8,312	4,163	6,97	7,13
14	Amoni	mg/kg	1,473	1,147	1,693	1,765	1,983	2,394	1,87	2,17	1,93	2,539	2,247	2,391
15	Nitrat	mg/kg	0,075	0,052	0,112	0,082	0,118	0,085	0,097	0,183	1,125	0,097	1,105	0,237
16	P dễ tiêu	%	13,78	12,69	11,87	9,75	9,21	8,741	11,78	13,93	13,17	8,472	9,752	9,427
17	K dễ tiêu	%	15,82	18,42	13,62	11,83	11,87	9,682	13,85	15,78	16,53	13,69	14,78	13,21
18	Cacbon hữu cơ	%	21,58	21,36	21,41	18,52	18,63	18,92	19,12	18,97	19,52	20,41	19,83	21,27
19	Dung lượng cation trao đổi CEC	%	13,2	12,1	13,5	14,3	13,8	11,2	9,5	12,1	11,3	13,7	14,5	6,5
20	Mn trao đổi	%	1,783	1,854	2,361	1,479	1,515	1,547	1,611	1,637	1,624	1,653	1,687	1,532
21	Mg tổng	%	1,378	1,253	2,013	2,512	1,576	2,632	1,725	1,873	1,797	1,349	1,325	1,432
22	Al trao đổi (Al^{3+})	%	0,537	0,514	0,625	1,154	1,135	1,142	0,675	0,783	0,651	0,592	0,622	0,567
23	Sét	%	58,04	58,31	58,24	57,43	57,58	57,07	59,41	59,26	59,57	58,81	57,19	57,83
24	Cát	%	17,21	16,97	17,21	18,75	18,55	18,42	16,27	16,52	16,31	17,27	17,34	17,72
25	Limon	%	24,75	24,72	24,55	23,82	23,87	24,51	24,32	24,22	24,12	23,92	25,47	24,45

Bảng 20. Kết quả phân tích mẫu đất trồng hồ tiêu tại Gia Lai và Phú Quốc

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Gia Lai			Phú Quốc		
			CS1	CS2	CS3	SQ1	SQ2	SQ3
1	pH (KCl)	-	5,87	6,11	6,16	5,74	5,98	6,23
2	pH (H ₂ O)	-	6,2	6,32	6,2	6,4	6,4	6,5
3	Đồng (Cu)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Asen (As)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
8	Tổng nitơ	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Tổng photpho	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Tổng K	%	0,158	0,117	0,165	0,217	0,236	0,248
11	Độ dẫn điện (EC)	mS/cm	0,06	0,08	0,07	0,04	0,02	0,01
12	Ca tổng	%	25,47	22,69	32,61	35,23	27,82	32,76
13	Fe trao đổi	%	4,652	4,362	5,841	6,258	6,278	6,324
14	Amoni	mg/kg	1,945	1,748	2,135	3,649	2,786	2,987
15	Nitrat	mg/kg	0,252	0,128	0,068	1,124	0,067	0,782
16	P dễ tiêu	%	9,87	8,972	10,63	12,85	11,72	13,21
17	K dễ tiêu	%	11,65	10,69	12,58	16,42	15,72	15,87
18	Cacbon hữu cơ	%	17,83	20,31	18,43	23,69	22,76	22,55
19	Dung lượng cation trao đổi CEC	%	11,57	8,67	10,34	6,5	5,9	5,4
20	Mn trao đổi	%	1,753	1,472	2,036	2,471	2,123	2,074
21	Mg tổng	%	1,642	1,563	1,842	2,063	1,892	1,786
22	Al trao đổi	%	0,763	0,724	0,847	0,648	0,682	0,647
23	Sét	%	59,53	59,43	59,67	53,15	53,86	53,57
24	Cát	%	18,3	18,32	18,21	24,53	24,12	24,31
25	Limon	%	22,17	22,25	22,12	22,32	22,02	22,12

(Xem chi tiết tại Phụ lục 7.2)

*** Kết quả phân tích mẫu nước tưới hồ tiêu**

Thực hiện phân tích 11/11 chỉ tiêu theo thuyết minh, như bảng dưới đây:

Bảng 21. Kết quả phân tích mẫu nước tưới hồ tiêu tại Đắk Nông

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NS1	NS2	NS3	NĐ1	NĐ2	NĐ3	NJ1	NJ2	NJ3	NR1	NR2	NR3
1	pH	-	6,65	6,24	6,25	6,13	6,75	6,32	7,23	6,11	7,52	6,17	6,23	6,41
2	Độ dẫn điện (EC)	mS/cm	0,35	0,82	1,14	0,76	0,43	0,19	1,221	0,96	0,473	0,762	1,320	1,22
3	Amoni (tính theo N)	mg/L	0,0187	0,026	0,015	0,024	KPH	0,028	0,022	0,013	KPH	0,029	KPH	KPH
4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	0,874	1,872	1,524	1,373	0,871	1,532	0,987	0,847	0,746	1,121	0,965	1,263
5	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Sắt (Fe)	mg/L	0,682	1,032	0,361	0,582	0,621	0,457	0,722	0,234	0,467	0,752	0,568	0,741
8	Chì (Pb)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Asen (As)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	Độ cứng tổng (CaCO ₃)	mg/L	11,56	17,48	14,23	28,12	32,43	21,12	23,43	11,42	19,83	11,74	16,23	19,65

Bảng 22. Kết quả phân tích mẫu nước tưới hồ tiêu tại Gia Lai và Phú Quốc

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Gia Lai			Phú Quốc		
			CS1	CS2	CS3	NQ1	NQ2	NQ3
1	pH	-	6,15	6,56	6,31	6,53	6,12	6,78
2	Độ dẫn điện (EC)	mS/cm	1,361	1,286	1,24	0,87	1,246	1,025
3	Amoni (tính theo N)	mg/L	0,0193	KPH	KPH	KPH	0,025	KPH
4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	1,471	1,875	2,063	0,832	1,263	1,324
5	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Sắt (Fe)	mg/L	0,643	0,569	0,918	0,432	0,547	0,354
8	Chì (Pb)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Asen (As)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	Độ cứng tổng (CaCO ₃)	mg/L	12,85	16,56	20,14	12,83	16,35	15,78

3.2.3. Kết quả xây dựng các chuyên đề cơ sở khoa học và thực tiễn

Đơn vị chủ trì đã xây dựng được 6/6 chuyên đề, bao gồm :

- Báo cáo chuyên đề: Danh tiếng của địa danh "Đắk Nông" gắn với sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông
- Báo cáo chuyên đề: Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu “Đắk Nông”
- Báo cáo chuyên đề: Ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông

- Báo cáo chuyên đề: Các đặc thù về chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”
- Báo cáo chuyên đề: Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
- Báo cáo chuyên đề: “Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng”.

(Xem Phụ lục 1-7).

Các kết quả nghiên cứu chính như sau:

3.2.3.1. *Danh tiếng của địa danh “Đắk Nông” gắn với sản phẩm hạt tiêu*

Kể từ thời điểm trước và sau thành lập, Đắk Nông chủ yếu chú trọng phát triển kinh tế theo thế mạnh của địa phương bằng việc phát triển cây công nghiệp trong đó cây hồ tiêu đóng vai trò chủ đạo cùng với cây cao su và cà phê.

Phần lớn diện tích đất Đắk Nông là đất đỏ bazan, được hình thành hàng triệu năm do sự hoạt động của hệ thống núi lửa, nên ngay từ khi cây hồ tiêu được di thực vào trồng tại Đắk Nông với mục đích gia tăng kinh tế địa phương đã chứng tỏ khả năng thích nghi và cho kết quả tốt. Giai đoạn năm 1980, diện tích hồ tiêu được phát triển trên toàn tỉnh đạt 60.000 trụ (tương đương 40 - 50 ha) tập trung chủ yếu ở các HTX và nông trường Quốc doanh. Trong khoảng 5 năm tiếp theo (năm 1985), toàn tỉnh đã tiếp tục phát triển thêm 24.000 trụ tiêu, sản lượng đạt 6,5 tấn tiêu hạt. Năm 1986, cây hồ tiêu tại Đắk Nông đã trở thành loại mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao, diện tích hồ tiêu có xu hướng phát triển với hơn 800.000 trụ tiêu và 1.000.000 trụ vào năm 1990. Sản lượng tăng gấp 5 lần năm 1986. Với giá trị kinh tế vượt trội so với các cây trồng khác, năm 2000 diện tích hồ tiêu tại Đắk Nông đạt 233 ha so với năm 1996 với 49 ha và sau 2 năm (năm 2002) diện tích hồ tiêu đạt 550 ha. Từ năm 2002 đến năm 2020 diện tích hồ tiêu liên tục tăng mạnh (đạt 33.591 ha, sản lượng 60.049 tấn).

Nhờ thổ nhưỡng và thời tiết khí hậu phù hợp nên hồ tiêu Đắk Nông được biết đến là một trong những khu vực cho năng suất hồ tiêu cao nhất Việt Nam góp phần đưa Việt Nam trở thành cường quốc xuất khẩu hồ tiêu số 1 thế giới. Hạt tiêu Đắk Nông tạo ra sự khác biệt nhất định khi so sánh với hồ tiêu từ các vùng khác, kích thước hạt tiêu không lớn như tiêu Phú Quốc nhưng lớn hơn tiêu Gia Lai, riêng với tiêu đỏ Đắk Nông có màu đỏ ánh đen, không đen bóng như Phú Quốc, nhưng không vàng sáng như Gia Lai. Ngoài ra, nhờ phát triển

trên nền đất bazan màu mỡ nên thành phần khoáng hiện diện trong hạt tiêu của Đắk Nông cao hơn so với các vùng trồng tiêu khác. Bên cạnh đó, vùng trồng tiêu Đắk Nông được cộng đồng hồ tiêu trong và ngoài nước đánh giá cao là một trong những địa phương dẫn đầu phong trào sản xuất hồ tiêu sạch, an toàn, sản xuất theo hướng thâm canh hữu cơ toàn diện. Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của các mô hình sản xuất hồ tiêu an toàn theo các quy chuẩn hữu cơ. Đắk Nông luôn là địa phương được lựa chọn tổ chức các cuộc Hội thảo, Hội nghị do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì nhằm thúc đẩy phát triển và quảng bá sản phẩm hạt tiêu sản xuất theo mô hình hữu cơ an toàn đáp ứng yêu cầu các hiệp định thương mại tự do.

Như vậy với tên gọi hạt tiêu Đắk Nông, có thể nói là tên gọi quen thuộc gắn bó với quá trình đổi thay phát triển của vùng đất Đắk Nông từ những năm đầu thế kỷ XX. Qua quá trình phát triển kinh tế xã hội, tên gọi Đắk Nông lại tiếp tục gắn liền với sản phẩm hạt tiêu sạch, hồ tiêu đạt chuẩn an toàn, hồ tiêu hữu cơ. Dù ở phương diện nào, tên gọi Đắk Nông vẫn đồng hành một cách quen thuộc không những giới hạn trong cộng đồng người dân địa phương mà còn cả cộng đồng bạn bè quốc tế.

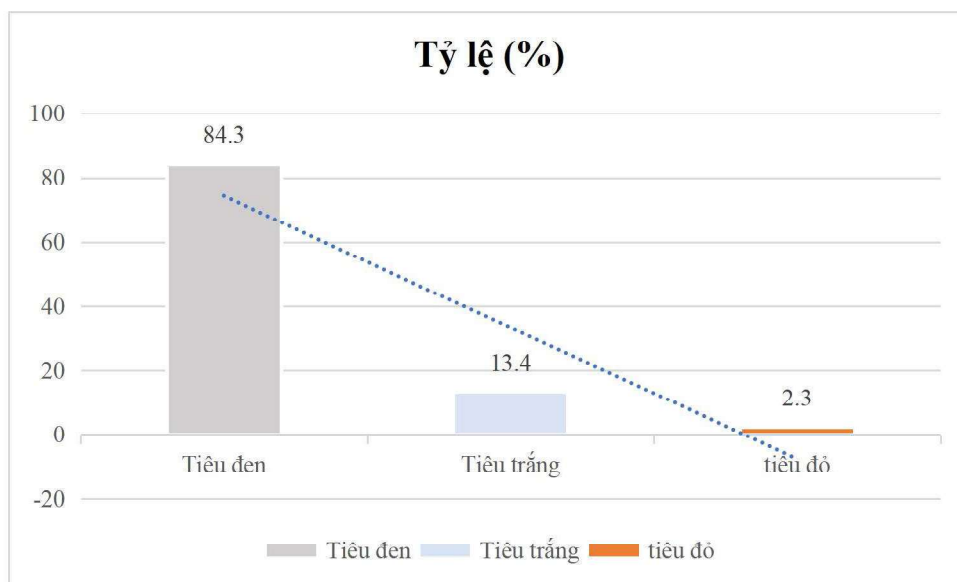
(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 1)

3.2.3.2. Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu “Đắk Nông”

a) Tổng quan về sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông

Trước đây, do nhu cầu thị trường chỉ tập trung chủ yếu vào sản phẩm hạt tiêu đen, nên sản phẩm chính tại Đắk Nông là tiêu đen. Tuy nhiên, những năm gần đây do nhu cầu thị trường ngày càng tăng cao, sản phẩm cũng được đầu tư đa dạng không những về mẫu mã mà còn cả về chủng loại.

Sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông bao gồm: hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng, hạt tiêu đỏ, góp phần đa dạng sản phẩm chế biến và gia tăng giá trị cho sản phẩm hạt tiêu.



Biểu đồ 1. Các loại sản phẩm hạt tiêu chủ yếu tại Đắk Nông

Trong các loại sản phẩm hạt tiêu tại Đắk Nông, tiêu đen chiếm phần lớn với hơn 84,3%, tiếp theo là tiêu trắng (sọ) chiếm 13,4% và một phần nhỏ là tiêu đỏ (2,3%).

Trong những năm gần đây, xu thế sản xuất tiêu trắng và tiêu đỏ tại các Doanh nghiệp đang tăng dần do nhu cầu của thị trường và giá của mặt hàng tiêu sọ và tiêu đỏ vượt trội hơn so với giá của tiêu đen. Tuy nhiên, mức tăng về thị trường đang mới ở bước đầu tìm hiểu và thâm nhập thị trường.

Bên cạnh đó, việc sản xuất và sơ chế tiêu trắng đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn về các trang thiết bị và máy móc hiện đại để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đồng thời đảm bảo về các vấn đề ô nhiễm môi trường.

Đối với sản phẩm tiêu đỏ thường có giá thành cao gấp 4 - 5 giá tiêu đen thông thường, do có chất lượng cao. Tuy nhiên, việc sản xuất tiêu đỏ chưa thật sự hấp dẫn do sức mua của thị trường đối với sản phẩm này còn hạn chế. Hơn nữa, việc sản xuất tiêu đỏ cũng gặp phải một số khó khăn, do thời gian để thu hoạch tiêu đỏ trên trụ tiêu kéo dài từ 1 - 2 tháng so với tiêu đen, vì vậy sẽ ảnh hưởng cho vụ tiêu năm sau, đồng thời cây cũng bị suy kiệt nguồn dinh dưỡng do thời gian nuôi hạt dài hơn. Chính vì những yếu tố đó, nên nhiều nông hộ vẫn chưa thật sự quan tâm nhiều đến việc sản xuất tiêu đỏ. Chỉ một số hộ có chế độ thâm canh tốt, quy trình trồng tiêu theo hướng VietGap, hữu cơ mới bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm nhằm tìm đầu ra và tăng giá thành và lợi nhuận của sản phẩm.

** Các tiêu chí để phân loại sản phẩm hạt tiêu*

Tất cả các sản phẩm hạt tiêu khi lưu hành trên thị trường đều được phân loại. Việc phân loại ít khi được thực hiện tại các nông hộ, thay vào đó, sản phẩm được làm sạch tại nông hộ trước, sau đó chuyển đến các đại lý, cơ sở thu mua. Tại đây, sản phẩm hạt tiêu được phân loại trước khi cung cấp, phân phối cho khách hàng.

Bảng 6. Các tiêu chí để phân loại sản phẩm hạt tiêu

Diễn giải	Đắc Song (n= 30)	Đắc Mil (n= 30)	Đắc R'lấp (n= 30)	Cư Jút (n= 30)	Tuy Đúc (n= 30)	Trung bình (n=150)
Ngoại quan (%)	-	-	-	-	-	-
Dung trọng hạt (%)	100	100	100	100	100	100

Các đặc điểm để phân loại sản phẩm hạt tiêu chủ yếu dựa vào dung trọng hạt, hạt tiêu được phân thành 3 - 4 loại, cụ thể như sau:

Bảng 7. Phân loại sản phẩm hạt tiêu

TT	Phân loại	Tiêu chí về trọng lượng (gram/lít)
1	Loại đặc biệt	≥ 600
2	Loại 1	Từ 550 đến < 600
3	Loại 2	Từ 500 đến < 550
4	Loại 3	Từ 450 đến < 500
5	Loại 4	< 450

b) Giá bán sản phẩm hạt tiêu

Đơn giá: 1.000đ

Bảng 8. Giá bán trung bình của 1kg hạt tiêu

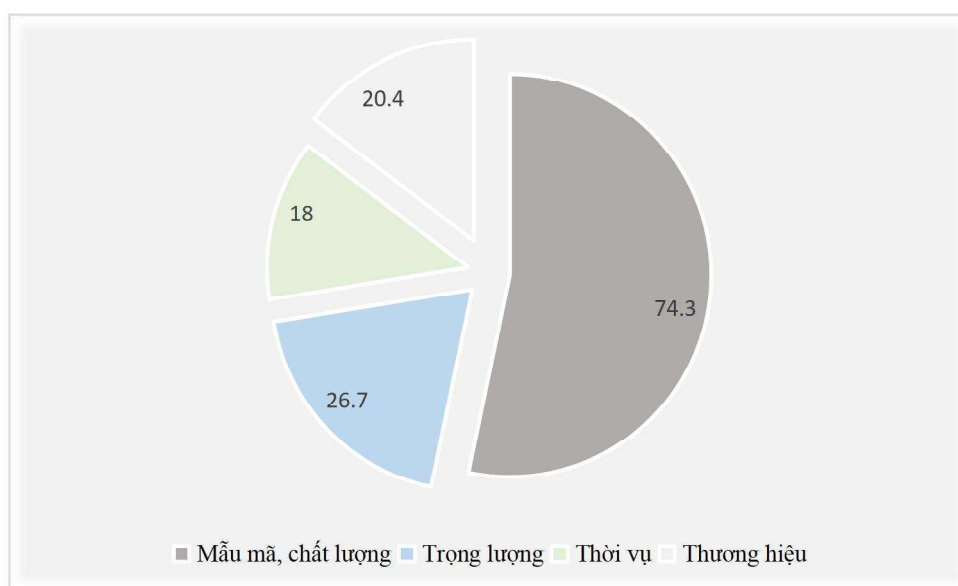
Diễn giải	Đắc Song (n= 30)	Đắc Mil (n= 30)	Đắc R'lấp (n= 30)	Cư Jút (n= 30)	Tuy Đúc (n= 30)	Trung bình (n=100)	TP.HCM (n= 90)
Tiêu đen	46	45.5	46	45	45	45.5	70
Tiêu trắng	180	178	175	180	175	177.6	250
Tiêu đỏ	360	350	-	-	-	355	480

(Giá bán được cập nhật vào tháng 9/2019)

Theo giá khảo sát tại thời điểm tháng 09/2019, giá bán của tiêu đen, tiêu trắng và tiêu đỏ có sự chênh lệch khá rõ. Do tiêu đen loại 1 được tiếp tục sơ chế, bóc vỏ qua nhiều công đoạn khác nhau để tạo thành sản phẩm tiêu trắng; tiêu đỏ được tạo ra bởi 1 quy trình đặc biệt, đòi hỏi kỹ thuật cao và nguồn nguyên liệu phải được chọn lọc kỹ, độ chín của tiêu phải đạt trên 95%. Ngoài ra, do quá trình tạo ra sản phẩm tiêu đỏ khá dài, cây cho sản phẩm tiêu đỏ dễ bị suy kiệt do thời kỳ nuôi quả khá dài, chất lượng tiêu đỏ vượt trội tiêu đen và tiêu trắng nên giá tiêu đỏ thuộc vào loại đắt với khoảng 355.000đ/kg. Là sản phẩm khá đặc thù và đòi hỏi kỹ thuật chăm sóc cao, đồng thời thị trường tiêu thụ sản phẩm tiêu đỏ còn hạn chế, nên một số vùng trồng tiêu hiện nay chưa có hướng đầu tư vào sản xuất tiêu đỏ nhiều như ở huyện Đắk Song và Đắk Mil.

Giá bán lẻ các loại sản phẩm tiêu đen, tiêu trắng, tiêu đỏ tại TP. HCM tính tại thời điểm khảo sát tháng 09/2019 dao động trong khoảng 70.000đ/kg đối với tiêu đen; 250.000 đ/kg đối với tiêu trắng; và 480.000đ/kg đối với tiêu đỏ. Giá bán các sản phẩm hạt tiêu tại TP. HCM cao hơn tại vùng nguyên liệu gốc vì phải qua nhiều trung gian, thương lái và chi phí vận chuyển, hao hụt,...

c) Yếu tố quyết định giá bán sản phẩm hạt tiêu



Biểu đồ 2. Yếu tố quyết định giá bán sản phẩm hạt tiêu

Cũng như các loại nông sản khác, giá bán sản phẩm hạt tiêu tại Đắk Nông phụ thuộc vào từng thời điểm của năm và ảnh hưởng nhiều bởi thị trường thế giới. Giá tiêu được cho là đạt đỉnh vào năm 2016, sau đó, có xu hướng giảm dần ở những năm tiếp theo.

Giá bán của sản phẩm hạt tiêu là yếu tố quan trọng giúp cho người trồng có lãi trong suốt quá trình trồng và chăm sóc. Tuy nhiên, hồ tiêu là sản phẩm phục vụ cho nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng nên giá bán không cố định mà tùy vào từng thời điểm tiêu thụ trên thị trường. Hơn nữa, hồ tiêu là sản phẩm của ngành nông nghiệp, do đó giá bán ít nhiều bị ảnh hưởng của điều kiện khí hậu, thời tiết, tình hình sâu bệnh. Giá bán hồ tiêu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chất lượng, mẫu mã chiếm 74,3%; thời vụ thu hoạch chiếm 18,0% và thương hiệu chiếm 20,4%. Qua khảo sát, thương hiệu là yếu tố khá quan trọng ảnh hưởng đến giá bán của sản phẩm. Một sản phẩm nổi tiếng, ngoài yếu tố chất lượng, thương hiệu mạnh thông thường sẽ có giá bán cao hơn so với các sản phẩm cùng loại khác. Chính giá trị thương hiệu đã củng cố niềm tin của người tiêu dùng. Do đó, họ thường bỏ ra khoảng chi phí lớn hơn để chấp nhận mua sản phẩm có giá cao hơn.

d) Cách thức liên hệ bán hạt tiêu với người mua

Bảng 9. Cách thức liên hệ bán sản phẩm hạt tiêu

Cách thức liên hệ bán hồ tiêu	Tỷ lệ (%)
Tự tìm người để bán	57,1
Tự người bán tìm đến mua	40,2
Qua giới thiệu, môi giới	2,7

Qua bảng trên cho thấy, cách thức liên hệ bán hồ tiêu với người mua chủ yếu là các cơ sở kinh doanh tự tìm người để bán chiếm 57,1% số người được khảo sát, tự người bán tìm đến mua chiếm 40,2%, còn lại 2,7% thông qua người khác giới thiệu hoặc thông qua hình thức môi giới.

Thông thường quá trình mua bán đều thông qua mối quan hệ cũ đã được kế thừa từ những năm trước. Mối quan hệ mua - bán bị phá vỡ khi đối tượng thương lái không đảm bảo giá trị của hạt tiêu theo giá thị trường.

đ) Kênh tiêu thụ của sản phẩm hạt tiêu

Bảng 10. Kênh tiêu thụ của sản phẩm hạt tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Diễn giải	Đắk Song (n= 30)	Đắk Mil (n= 30)	Đắk Rlấp (n= 30)	Cư Jút (n= 30)	Tuy Đức (n= 30)	Trung bình (n=150)
Thương lái thu mua tại vườn	3.5	0	0	3.3	0	1.8

Bán cho các đại lý, cơ sở thu mua	84	93.3	96.1	93.7	95.5	92.5
Tự bán lẻ	7.6	6.7	2.5	3	4.5	4.9
Khác	4.9	0	1.4	0	0	1.3

Phần lớn kênh tiêu thụ chính của sản phẩm hạt tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chủ yếu là nông dân trực tiếp mang sản phẩm đến điểm thu mua hoặc thương lái trực tiếp đến địa điểm thu mua của các nông hộ (chiếm 92,5%), trong đó tại huyện Tuy Đức chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 96,1%); huyện Đắk Song chiếm tỷ lệ thấp nhất với 84%. Ngoài ra, một số nông hộ tự tổ chức kinh doanh sản phẩm (chiếm 4,9%), bằng phương pháp tự kinh doanh giá của sản phẩm sẽ cao hơn so với việc bán lại cho các đại lý thu mua. Tuy nhiên, sản lượng bán ra không được đảm bảo.

Nhìn chung, kênh tiêu thụ sản phẩm hạt tiêu chủ yếu tại Đắk Nông: Sản phẩm hạt tiêu nông dân chủ yếu tiêu thụ thông qua thương lái nhỏ trong địa phương, sau đó được gom về các bãi lớn của các đại lý cấp huyện, từ đó chuyển đi cho các doanh nghiệp sơ chế, đóng gói và xuất khẩu.

e) Sản lượng thu hoạch trung bình trên 01 trụ hồ tiêu

Theo kết quả điều tra khảo sát, hồ tiêu có vòng đời khoảng hơn 20 năm, theo đó tùy vào tuổi của cây mà cho sản lượng thu hoạch khác nhau. Thông thường khoảng từ sau 3 năm cây cho trái ổn định nên sản lượng thu hoạch ổn định sau thời gian này. Bắt đầu từ năm 3 đến năm thứ 10 đây là thời kỳ kinh doanh nên trụ tiêu cho năng suất cao nhất, năng suất 1 trụ dao động từ 4 - 6 kg/trụ.

g) Thu nhập trung bình trên 01 trụ hồ tiêu

Theo kết quả điều tra, tùy vào giá ở từng thời điểm và sản lượng thu hoạch mà mức thu nhập sẽ khác nhau.

Đối với sản phẩm hạt tiêu đen: Tính theo giá khảo sát tại thời điểm tháng 09/2019 với mức giá dao động từ 45.000 – 49.000 đồng/kg cho mức thu nhập trung bình từ 135.000 – 150.000 đồng/trụ, với mức thu nhập này người nông dân vẫn có lãi nhưng vẫn còn ở mức thấp so với tiền vốn đầu tư. Đối với cây hồ tiêu, trong những năm đầu cho phí đầu tư khá lớn do thời kỳ kiến thiết cơ bản phải đầu tư trụ sống, phân bón, thuốc BVTV, ...nên với giá bán như trên, nhiều nông hộ không mạnh dạn đầu tư nhiều vì sợ nguy cơ tiêu rớt giá và tình hình thua lỗ là không thể tránh khỏi.

Đối với tiêu đỏ: với mức giá bán cao hơn tiêu đen và tiêu trắng, thông thường tại thời điểm chính vụ giá dao động từ 300.000 – 350.000 đồng/kg với mức giá này cho mức thu nhập trung bình từ 900.000 – 1.05.000 đồng/trụ. Mặc dù có giá bán cao hơn nhiều so với tiêu đen và tiêu trắng, tuy nhiên nhiều nông hộ vẫn chưa thực sự quan tâm mô hình sản xuất tạo tiêu đỏ, vì nhu cầu về thị trường cho sản phẩm này ở quy mô thương mại vẫn chưa thật sự lớn. Sản lượng chỉ duy trì với những đơn hàng nhỏ lẻ phù hợp với quy mô hộ gia đình. Ngoài ra, để tạo ra được sản phẩm tiêu đỏ đúng chất lượng cần có thời gian duy trì trái trên cây để đạt độ chín trên 95%, thời gian kéo dài từ 1,5 đến 2 tháng, vì vậy cây sẽ kiệt sức vì thời gian nuôi trái quá dài, và sẽ ảnh hưởng đến năng suất của vụ sau.

h) Thị trường tiêu thụ hạt tiêu

Phần lớn hồ tiêu trên địa bàn tỉnh chủ yếu là xuất khẩu, đa phần các doanh nghiệp thu mua từ các hộ dân để sơ chế và xuất khẩu, còn lại tiêu thụ nội địa, sản phẩm tiêu bột của một số cơ sở nhỏ nêu trên cũng chủ yếu là tiêu thụ tại tỉnh và một số tỉnh thành khác như Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai,...vv. Những năm gần đây giá tiêu xuống thấp (hiện tại khoảng 45.000 đồng/kg) đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế của người dân và Doanh nghiệp, nhiều hộ dân tích trữ kho chờ lên giá, nhiều hộ phá bỏ diện tích trồng tiêu để chuyển sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Số liệu xuất khẩu hồ tiêu:

+ Năm 2018: xuất khẩu đạt 5.000 tấn

+ Năm 2019: Kế hoạch xuất khẩu 6.000 tấn, trong 6 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu đạt 2.400 tấn.

Ngoài thị trường tiêu thụ trong nước, hồ tiêu Đắk Nông tham gia vào sản lượng chung của hồ tiêu Việt Nam để xuất khẩu đến các thị trường Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Phi trong những năm gần đây.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 2)

3.2.3.3. Ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông

a) Điều kiện sinh thái của cây hồ tiêu

Nhiệt độ và độ ẩm không khí: Nhiệt độ bình quân cả năm phải trên 15°C, thích hợp 20 - 30°C. Nhiệt độ tối thấp không dưới 10°C, nhiệt độ tối cao không quá 40°C và không có sương muối; Ẩm độ không khí khoảng 75 - 90%.

Lượng mưa: Lượng mưa cả năm thích hợp 1.000 - 3.000 mm, phân bố đều trong năm, cần có khoảng thời gian khô hạn khoảng 1 tháng để phân hóa mầm hoa.

Điều kiện đất đai

- Đất trồng hồ tiêu thích hợp ở độ cao dưới 600m so với mực nước biển; nơi có độ cao từ 600 - 800m nhiệt độ không khí bình quân phải trên 15°C; có điều kiện nước tưới thuận lợi;

- Đất có thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, tơi xốp, thoát nước tốt;
- Tầng đất dày trên 70 cm;
- Mực nước ngầm sâu hơn 2 m;
- Hàm lượng mùn tầng đất mặt (0 - 20 cm) > 2.0%;
- pHKCl: 5,0 - 6,5.

b) Một số đặc điểm thích nghi của cây hồ tiêu

Các nghiên cứu xác định cây trồng phải dựa trên mối quan hệ giữa đất – nước – cây trồng – không khí, mỗi giai đoạn sinh trưởng của cây có một nhu cầu khác nhau, cụ thể như sau:

- *Quá trình phân hóa mầm hoa:* Hồ tiêu là cây trồng mẫn cảm với điều kiện thời tiết đặc biệt là yếu tố về lượng mưa. Năng suất hồ tiêu phụ thuộc khá nhiều vào lượng mưa hàng năm. Nhân tố ảnh hưởng lớn đến quá trình ra hoa và thụ phấn là giai đoạn khô hạn cục bộ. Sau khi kết thúc thu hoạch, cây cần trải qua giai đoạn khô hạn từ 20 - 30 ngày để chuyển sang giai đoạn phân hóa mầm hoa. Sau đó, gặp mưa mầm hoa sẽ phát triển và nở hoa rộ vào giai đoạn mùa mưa (Rema menon 1981 and - Nalini 1983).

- *Điều kiện nở hoa:* Vào thời kỳ ra hoa cây tiêu cần độ ẩm không khí lớn từ 70 - 90%, độ ẩm cao làm hạt phấn dễ dính vào nuốm nhụy và nuốm nhụy trương to kéo dài thời gian thụ phấn (Hoàng Thanh Tiệm và cs, 2007).

- *Sự mở bao phấn:* Quá trình này chịu ảnh hưởng bởi nhiệt độ và độ ẩm tương đối (Iltas 1960, Martin và Gregory, 1962). Bao phấn hoa tiêu thường mở từ 12 giờ đến 14 giờ vào những ngày có độ ẩm tương đối 60% và nhiệt độ 32°C, kết hợp với ánh sáng mặt trời. Hầu hết phấn hoa phân tán tự do trên các nhụy lân cận và các phần khác của gié (De Waard và Zevan, 1969).

- *Phương thức thụ phấn:* Cây hồ tiêu là cây tự thụ phấn. Phấn của hoa này sẽ được thụ cho hoa khác trên cùng 1 cây (Geitonogamy). Hoa tiêu có đặc điểm cấu trúc để thích nghi với phương thức thụ phấn này như: gié đơn độc, hoa

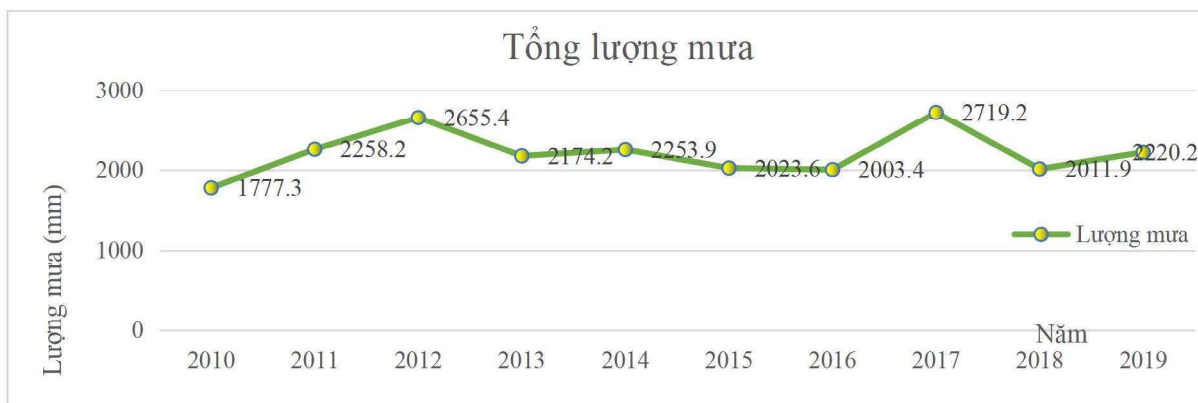
sắp xếp trình tự theo kiểu xoắn ốc, hiện tượng lệch giao... Ilias (1960) phát hiện ra rằng các gié được bọc trong túi polyethylene vẫn cho bộ quả tốt không phụ thuộc vào côn trùng hay nước mưa.

Hoa thụ phấn nhờ vào ẩm độ không khí. Độ ẩm không khí cao thuận lợi cho sự phân tán hạt phấn ra khỏi bao phấn và giúp vòi nhụy giữ sự cứng được lâu để dễ dàng tiếp nhận hạt phấn (Phan Hữu Trinh et al., 1988; Phan Quốc Sùng, 2000). Hạt phấn mang nhiều chất dính, trong trường hợp mưa nhẹ sẽ làm vỡ những hạt chất dính của hạt phấn và làm cho hạt phấn bám vào chất nhầy của núm nhụy do đó đã gia tăng hiệu quả của sự phân bố hạt phấn. Martin và Gregory (1962) dựa trên nghiên cứu của họ ở Puerto Rico đã chỉ ra rằng 32 - 64% phấn hoa trên gié có thể được phân tán trong không khí trong vòng 24 giờ sau khi bung phấn.

c) Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự sinh trưởng, phát triển của cây hồ tiêu

Điều kiện khí hậu

Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa trung bình mỗi năm tại Đắk Nông dao động ở mức cao, với lượng mưa tập trung và kéo dài trong suốt 8 tháng giúp cho quá trình phát triển hạt tiêu thuận lợi (giai đoạn phát triển quả hồ tiêu rất cần bổ sung nước), đó là lý do năng suất hồ tiêu tại Đắk Nông luôn là một trong những vùng có năng suất cao nhất trên cả nước; mùa khô từ tháng 12 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể, mưa rất ít và hầu như không mưa vào tháng 1, 2 phù hợp cho quá trình chín của hồ tiêu, giúp cho hạt tiêu chắc, dung trọng hạt lớn. Thời gian khô hạn của cây tiêu, trùng vào giai đoạn thu hoạch tiêu tại Đắk Nông (thu hoạch từ tháng 1 đến hết tháng 2), đồng thời là điều kiện phù hợp để cây tiêu phân hóa mầm hoa, sau khi kết thúc thu hoạch từ 1 - 2 tháng.

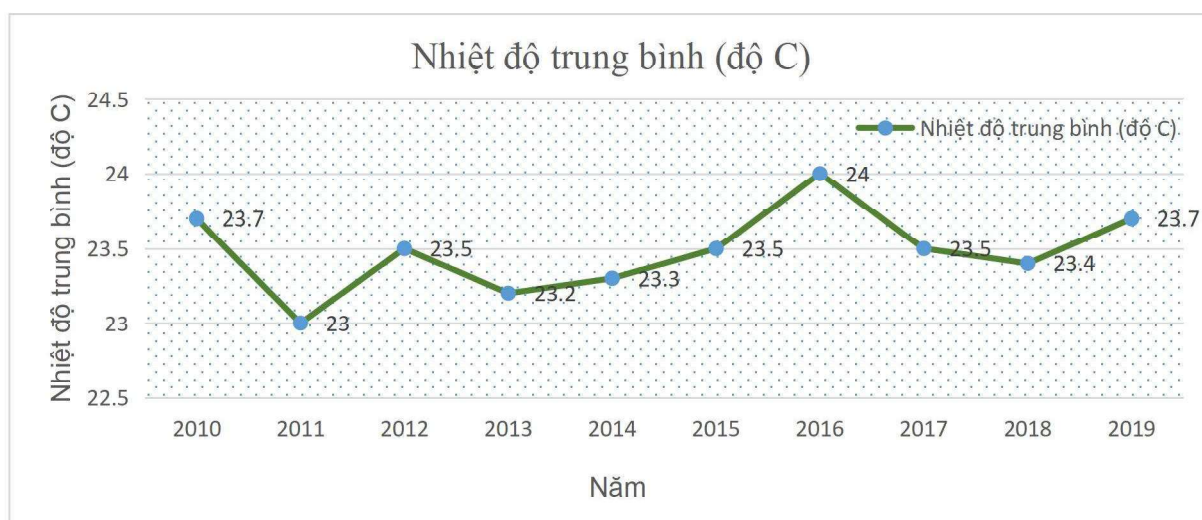


Biểu đồ 3. Tổng lượng mưa trung bình hằng năm (2010 - 2019)

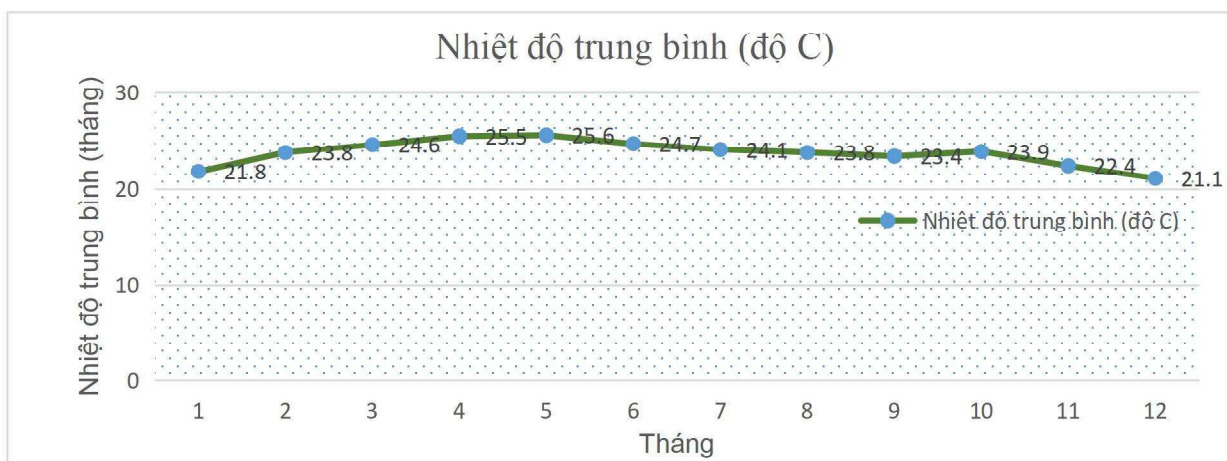


Biểu đồ 4. Lượng mưa trung bình/tháng (năm 2019)

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm $22 - 23^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất 35°C , tháng nóng nhất là tháng 4. Nhiệt độ thấp nhất 14°C , tháng lạnh nhất vào tháng 12. Biên độ nhiệt độ ngày đêm chênh lệch lớn từ $8 - 10^{\circ}\text{C}$ là điều kiện lý tưởng để cây tích lũy chất khô và chất thơm. Sự chênh lệch nhiệt độ lớn giữa ngày và đêm, và giữa các tháng làm cho hồ tiêu Đắk Nông vẫn giữ được hàm lượng chất thơm và cay nhất định.

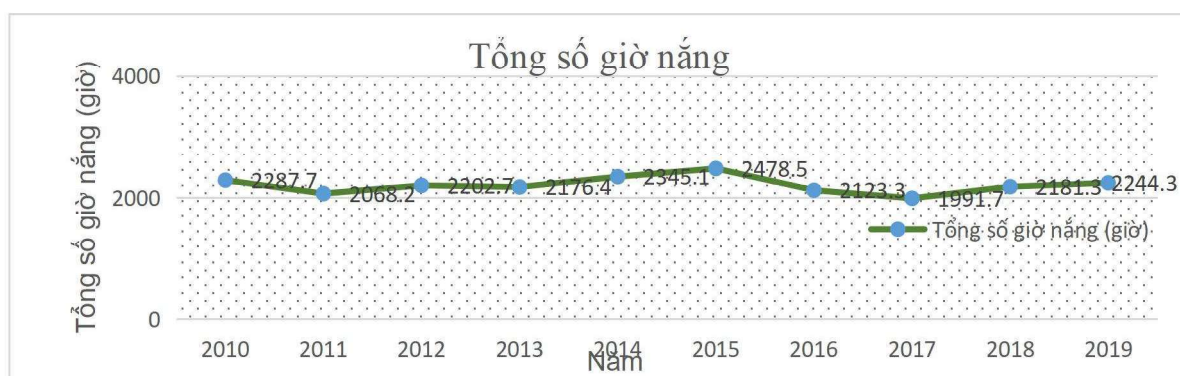


Biểu đồ 5. Nhiệt độ trung bình năm (2010 - 2019)

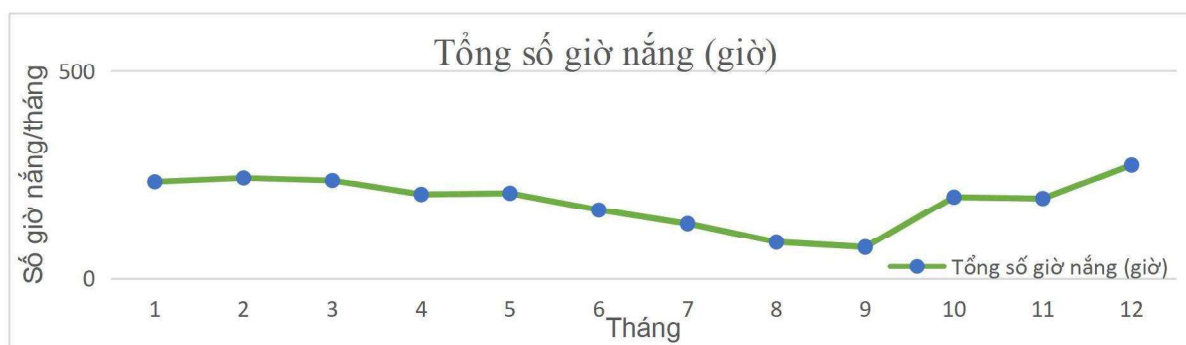


Biểu đồ 6. Nhiệt độ trung bình tháng (năm 2019)

Tổng số giờ nắng trong năm trung bình 2000 - 2300 giờ.



Biểu đồ 7. Tổng số giờ nắng trung bình năm (2010 - 2019)

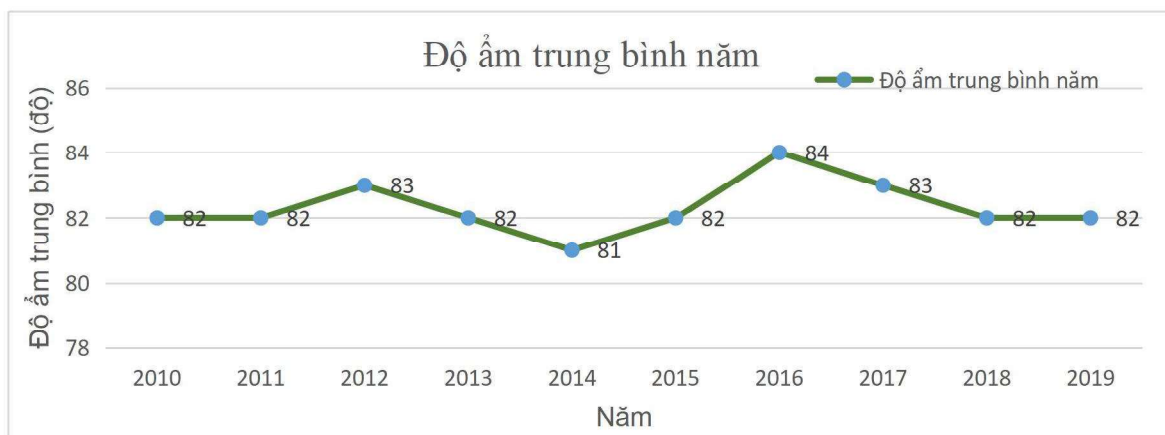


Biểu đồ 8. Tổng số giờ nắng trung bình tháng (2019)

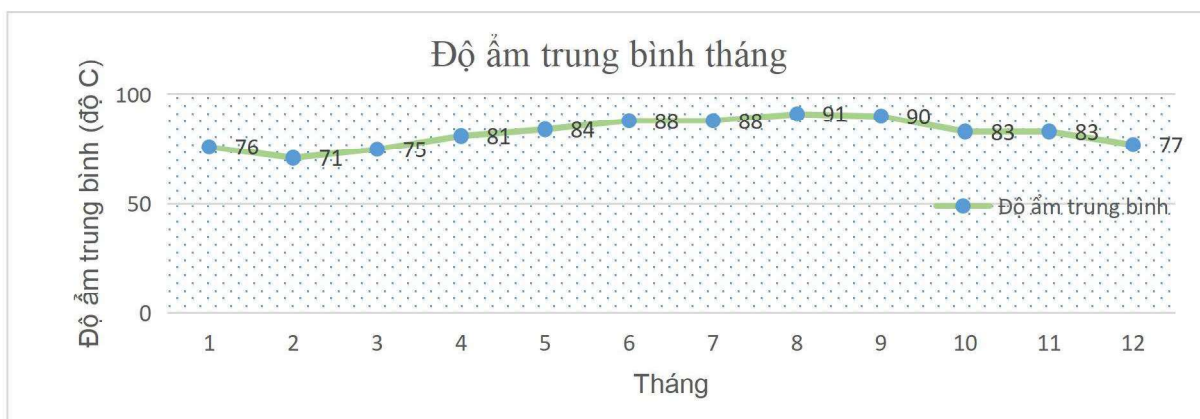
Tháng có số giờ nắng cao từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Giai đoạn này phù hợp với thời kỳ chín và thu hoạch của tiêu, giúp cho tiêu chín nhanh, đều, hạt chắc.

Độ ẩm không khí: Trung bình dao động trong khoảng 81 - 84% thấp nhất vào tháng 2 (71%). Giai đoạn có độ ẩm thấp từ tháng 12 - đến hết tháng 3 (dưới 80%) trùng với thời điểm có số giờ nắng cao (> 200 giờ/tháng) là điều kiện thích hợp cho hoạt động chín, thu hoạch, sơ chế của hồ tiêu. Sự giảm mạnh của độ ẩm

và tăng số giờ nắng trong giai đoạn thu hoạch làm cho quá trình mất nước trong hạt tiêu diễn ra nhanh chóng, điều đó làm cho vỏ hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” nhẵn hơn so với sản phẩm cùng loại khi so sánh, đồng thời giúp cho quá trình phơi diễn ra thuận lợi, góp phần giảm chi phí công lao động. Giai đoạn có độ ẩm cao bắt đầu từ tháng 4 với 81% là điều kiện để gia tăng chất dính giữa nhị và nhụy của hoa hồ tiêu từ đó gia tăng hiệu quả thụ phấn, tỷ lệ thụ phấn cao giúp cho quả trên gié đồng đều, hạn chế hạt lép và bị khuyết hạt trên gié.



Biểu đồ 9. Độ ẩm trung bình năm (2010 - 2019)



Biểu đồ 10. Độ ẩm trung bình tháng (2019)

Hướng gió: hướng gió thịnh hành mùa khô là Đông Bắc, tốc độ gió bình quân 2,4 - 5,4 m/s, hầu như không có bão nên không gây ảnh hưởng đến kinh tế xã hội.

Như vậy, có thể tóm tắt ảnh hưởng giữa điều kiện thời tiết đến sinh trưởng, phát triển của cây hồ tiêu mang CDDL “Đắk Nông” như sau:

Bảng 11. Thời vụ hồ tiêu

Hồ tiêu Đắk Nông	Giai đoạn thu hoạch		Phân hóa mầm hoa	Thời điểm ra hoa, thụ phấn		Giai đoạn phát triển quả						Quả già, chín
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Điều kiện thời tiết	Giai đoạn khô hạn			Giai đoạn mưa, ẩm độ cao								Khô hạn

Điều kiện thổ nhưỡng

Vùng trồng tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” được phân bố và trải rộng khắp các huyện của tỉnh Đắk Nông bao gồm: Đắk Song, Đắk Mil, Đắk R’lấp, Đắk G’long, Krông Nô, Cư Jút, Tuy Đức, và thị xã Gia Nghĩa. Đặc điểm chung của các khu vực trồng tiêu đều được canh tác trên nền sản phẩm phong hóa của đá basalt (bazan). Theo kết quả đo đạc và thống kê của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp năm 2005, toàn tỉnh Đắk Nông có 382.363,7ha đất đỏ bazan (chiếm 58,7% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh) phân bố đều trên các huyện/thị xã của tỉnh Đắk Nông. Đất phát triển ở địa hình dốc, chia cắt mạnh, độ cao trung bình trên 800m. Thành phần hóa học của đất như sau:

Thành phần cơ giới: Đất có thành phần cơ giới nặng, hàm lượng sét (< 0,002 mm) ở tầng 0 - 2 cm dao động 53,91 - 57,21%; ở tầng 20 - 50 cm dao động 58,45 - 60,04%. Theo chiều sâu phẫu diện, tỷ lệ sét tăng dần và ngược lại hàm lượng cát có xu hướng giảm.

Đất chua vừa pHKCl: 4,86 - 5,39 (giá trị độ chua của đất tại Đắk Nông nằm trong khoảng giá trị quy định của TCVN 7377:2004). Xét theo chiều sâu phẫu diện, giá trị pHKCl có xu hướng tăng dần từ tầng trên xuống dưới (nhóm đất trồng cây lâu năm tăng 5,15 - 5,29; đất trồng cây ngắn ngày tăng 5,12 - 5,3). Điều đó là do ở tầng đất mặt hàm lượng kim loại kiềm và kiềm thổ thấp và được tích lũy chủ yếu ở tầng dưới.

Hàm lượng hữu cơ (OC): kết quả phân tích cho thấy, hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động (1,94 - 3,95%) và được xếp loại trung bình đến khá giàu (theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7376:2004 quy định chất lượng đất - giá trị chỉ thị về hàm lượng các bon hữu cơ tổng số trong đất đỏ Việt Nam).

Hàm lượng Ni-tơ tổng số ở tầng mặt dao động 0,12 - 0,19% (trung bình 0,15%); ở tầng dưới dao động 0,07 - 0,11% (trung bình đạt 0,094%), hàm lượng

Ni-tơ tổng số của nhóm đất đỏ Đắk Nông ở mức trung bình đến giàu và nằm trong giới hạn giá trị trung bình quy định quy định tại TCVN 7373:2004 đối với nhóm đất đỏ của Việt Nam.

Hàm lượng phospho tổng số có hàm lượng khá cao dao động trong khoảng từ 0,2 - 0,3%, trung bình 0,21% ở tầng đất mặt và 0,19% ở tầng dưới, thấp hơn TCVN:2004 quy định chất lượng đất - giá trị chỉ thị hàm lượng P_2O_5 trong đất đỏ Việt Nam ($P_2O_5 = 0.3\%$).

Hàm lượng P_2O_5 dễ tiêu ở mức trung bình (4,41 - 9,43 mg/100g đất). Đối với P_2O_5 là tiêu chí ít có ý nghĩa đối với độ phì nhiêu thật tế của đất và hầu hết chúng ở dạng khó tiêu đối với cây trồng, P_2O_5 phản ánh về lân trong đất.

Hàm lượng kali tổng số (K_2O): hàm lượng K_2O ở mức nghèo, thấp hơn giá trị giới hạn của TCVN 7375:2004 quy định về chất lượng đất - giá trị K_2O trong nhóm đất đỏ của Việt Nam (K_2O tầng đất mặt: 0,07 - 0,13%; tầng dưới dao động 0,04 - 0,10%). Hàm lượng kali dễ tiêu giảm dần theo chiều sâu phẫu diện và ở mức nghèo đến trung bình (K_2O dao động 5,03 - 18,44mg/100g).

Dung tích hấp thụ cation (CEC) ở mức trung bình đến khá dao động trong khoảng 14,18 - 22,27 me/100g đất.

Hàm lượng calci và magie trao đổi dao động trong khoảng 0,25 - 0,28 me/100g đất toàn phẫu diện và đạt mức trung bình đến khá.

Nhìn chung hồ tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” được phát triển trên nền đất đỏ bazan được đánh giá giàu dinh dưỡng, thành phần chất hữu cơ từ trung bình đến khá giàu, lượng mùn và các thành phần khoáng trong đất ổn định, nguồn nước tưới dồi dào do hệ thống sông ngòi phân bố đều, những yếu tố đó đã góp phần giúp cho năng suất hồ tiêu tại Đắk Nông thuộc vào hàng cao nhất so với các vùng trồng tiêu khác trên cả nước.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 3)

3.2.3.4. Đặc thù về chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”

a) Đặc điểm chung của hạt tiêu trồng ở khu vực chỉ dẫn địa lý Đắk Nông

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, có nhiều giống hồ tiêu khác nhau, tuy nhiên giống tiêu lá trung chiếm tỉ lệ tuyệt đối với hơn 90% diện tích canh tác. Giống tiêu lá trung là giống được di thực tại các địa phương như Quảng Trị,

Bình Phước từ lâu và được phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ trước những năm 1980, qua quá trình phát triển giống tiêu lá trung thích nghi với điều kiện tự nhiên của tỉnh Đắk Nông và có đặc điểm đặc trưng như sau: lá, hạt có kích thước trung bình (lớn hơn giống tiêu lá trung trồng tại Quảng Trị), chiều dài chùm quả dao động trong khoảng 11 cm, chùm quả ít xoắn, hạt trên chùm quả đều và ít bị khuyết hạt. Đặc tính này được giải thích do trong thời kỳ ra hoa, cây được cung cấp độ ẩm cao giúp hoa thụ phấn tốt, điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện tự nhiên của Đắk Nông. Đồng thời, với tính chất đất đỏ bazan giàu hữu cơ, tơi xốp, thoát nước tốt giúp cho cây sinh trưởng mạnh, quá trình hình thành hạt gặp thuận lợi nên hạn chế hiện tượng rụng quả (khuyết hạt), kích thước hạt được cải thiện rõ rệt so với giống gốc.

Giống tiêu lá trung có bộ rễ ăn sâu, kích thước lá trung bình giúp cây thích nghi tốt với điều kiện khô hạn kéo dài và liên tục vừa thích nghi tốt với mùa mưa dài của tỉnh Đắk Nông. Qua quá trình phát triển lâu dài cho thấy yếu tố khí hậu (ẩm độ) và điều kiện đất đai (đất đỏ bazan) giống tiêu lá trung thích nghi cao với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết của vùng đất Đắk Nông, mang đến năng suất cao, chất lượng tốt hơn so với các loại giống khác.

Sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông, bao gồm: hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng (tiêu sọ) và hạt tiêu đỏ. Đây cũng là các sản phẩm được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông”.



Hình 3. Hạt tiêu nguyên liệu

Hạt tiêu đen

Hạt tiêu đen được thu hoạch khi trên giá xuất hiện 5% số quả chín đỏ, cho vào máy tách giá, phơi nắng từ 2 - 2,5 ngày cho đến đạt độ ẩm dưới 13%, sau đó làm sạch và cho vào bao bảo quản. Hạt tiêu đen Đắk Nông có các đặc điểm chung sau đây:

 Các đặc điểm cảm quan:

- Màu sắc hạt: đen hơi nâu
- Bề mặt hạt: vỏ nhẵn
- Hình dáng hạt: tròn, đều
- Kích thước hạt: trung bình (trong khoảng từ 4 - 5mm)
- Độ chắc của hạt: chắc
- Hương: thơm
- Vị: cay, có vị ngọt

 Các đặc điểm lý hóa:

Bảng 12. Đặc điểm lý hóa của hạt tiêu đen Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị (Khoảng biến động)	Giá trị trung bình
1	Đường kính	mm	4 - 5	4.3
2	Dung trọng	g/l	550 - 590	572.8
3	Độ ẩm	%	10.17 - 11.82	11.0
4	Piperine	%	5.23 - 7.45	6.0
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	2.16 - 2.64	2.4
6	Fe	µg/kg	54.42 - 605.44	245.7
7	Mn	µg/kg	20.65 - 40.52	30.2



Hình 4. Hạt tiêu đen Đặc Nông

Hạt tiêu trắng

Sản phẩm hạt tiêu trắng Đặc Nông là sản phẩm được sản xuất từ quả hồ tiêu chín bằng các cách sau:

Phương pháp truyền thống: thu hoạch khi quả trên gié chín đỏ hơn 50%), được ngâm nước trong khoảng 24 giờ cho đến khi lớp vỏ mềm, tiến hành chà sát tách lớp vỏ lụa và đem phơi cho đến khi độ ẩm đạt dưới 13%, sau đó làm sạch, đóng gói và bảo quản;

Phương pháp công nghiệp: chọn tiêu đen có dung trọng lớn (trên 550 gram/lít), ngâm 24h, tách vỏ lụa, phơi hoặc sấy khô; sau đó làm sạch, đóng gói và bảo quản.

Hạt tiêu trắng Đặc Nông có các đặc điểm sau đây:

 *Các đặc điểm cảm quan:*

- Màu sắc hạt: trắng ngà
- Bề mặt hạt: có các đường gân chạy dọc
- Hình dáng hạt: tròn, đều
- Kích thước hạt: trung bình (trong khoảng 3.5 - 4mm)
- Độ chắc của hạt: chắc
- Hương: thơm

- Vị: cay

 Các đặc điểm lý hóa:

Bảng 13. Đặc điểm lý hoá của hạt tiêu trắng Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị (Khoảng biến động)	Giá trị trung bình
1	Đường kính	mm	3.5 - 4	3.6
2	Dung trọng	g/l	622 - 640	631.7
3	Độ ẩm	%	10.13 - 11.38	10.8
4	Piperine	%	5.94 - 7.51	6.9
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	1.76 - 2.12	1.9
6	Fe	µg/kg	45.89 - 457.2	229.8
7	Mn	µg/kg	9.45 - 78.45	34



Hình 5. Hạt tiêu trắng Đắk Nông

Hạt tiêu đỏ

Sản phẩm hạt tiêu đỏ Đắk Nông là sản phẩm được tạo thành bằng quy trình sau:

- Thu hoạch tiêu khi trên gié có số quả chín đạt trên 95%, cho vào máy tách gié, sau đó cho hạt vào máy phân màu, tách bỏ hạt xanh.

- Tiến hành phơi khoảng 48h cho đến khi độ ẩm đạt dưới 13%, sau đó làm sạch, đóng bao và bảo quản.

Hạt tiêu đỏ Đắk Nông có các đặc điểm sau:

 *Các đặc điểm cảm quan:*

- Màu sắc hạt: nâu đỏ
- Bề mặt hạt: vỏ nhẵn
- Hình dáng hạt: tròn, đều
- Kích thước hạt: trung bình (trong khoảng 4 - 5 mm)
- Độ chắc của hạt: chắc
- Hương: thơm
- Vị: cay, có vị ngọt

 *Các đặc điểm lý hóa:*

Bảng 14. Đặc điểm lý hóa của hạt tiêu đỏ Đắk Nông

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị (Khoảng biến động)	Giá trị trung bình
1	Đường kính	mm	4 - 5	4.5
2	Dung trọng	g/l	574 - 593	584.6
3	Độ ẩm	%	10.11 - 11.12	10.7
4	Piperine	%	4.07 - 4.62	4.3
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	2.56 - 2.9	2.7
6	Fe	µg/kg	198.4 - 367.8	266.7
7	Mn	µg/kg	0.034 - 123.8	37.0



Hình 6. Hạt tiêu đỏ Đắk Nông

b) So sánh hạt tiêu Đắk Nông với một số sản phẩm cùng loại ở các vùng khác để xác định tính chất đặc thù

Sản phẩm so sánh

- Hạt tiêu đen
- Hạt tiêu trắng
- Hạt tiêu đỏ

Khu vực đối chứng

- Vùng trồng tiêu Gia Lai
- Vùng trồng tiêu Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Vùng trồng tiêu Quảng Trị (thông qua công bố CDĐL hạt tiêu Quảng Trị)

Cả 2 vùng Gia Lai và Phú Quốc là những vùng trồng tiêu nổi tiếng trên cả nước, có diện tích và sản lượng lớn. Tại Gia Lai vùng lấy mẫu so sánh tại huyện Chư Sê và tại Phú Quốc vùng lấy mẫu so sánh tại xã Dương Tơ, Cửa Cạn.

c) Kết quả phân tích, so sánh các tính chất đặc thù của hạt tiêu đen

Bảng 15. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu đen theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Màu sắc hạt	Đen hơi nâu (sáng màu hơn)	Nâu đen	Đen, bóng
2	Bề mặt hạt	Vỏ nhẵn	Vỏ ít nhẵn	Vỏ ít nhẵn
3	Hình dáng hạt	Tròn, đều	Tròn, đều	Tròn, đều
4	Kích thước hạt	Trung bình	Nhỏ	Lớn
5	Độ chắc của hạt	Chắc	Chắc	Chắc
6	Hương	Thơm	Thơm	Thơm nồng
7	Vị	Cay, có vị ngọt	Cay, có vị ngọt	Cay, có vị ngọt

Bảng 16. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu đen theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Đường kính	mm	4.3	3.9	5.2
2	Dung trọng	g/l	572.8	563.0	590.5
3	Độ ẩm	%	11.0	10.6	10.9
4	Piperine	%	6.0	5.3	5.5
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	2.4	2.5	2.8
6	Fe	µg/kg	245.7	228.6	131.1
7	Mn	µg/kg	30.2	18.0	0.1



Hình 7. So sánh cảm quan các loại tiêu đen

Từ kết quả phân tích hạt tiêu đen của các vùng địa lý khác nhau cho thấy hạt tiêu đen Đắk Nông có những khác biệt so với các vùng đối chứng ở những chỉ tiêu: *màu sắc hạt, đường kính, dung trọng, hàm lượng Piperine, hàm lượng chất khoáng Fe và Mn.*

Cụ thể:

- Màu sắc hạt: tiêu đen Đắk Nông có màu đen hơi nâu. Trong khi đó, tiêu đen Gia Lai có màu đen, nhạt hơn. Tiêu đen Phú Quốc có màu đen đậm hơn, vỏ bóng.
- Đường kính và dung trọng: tiêu đen Đắk Nông lớn hơn Gia Lai và nhỏ hơn Phú Quốc.
- Hàm lượng Piperine và khoáng (Fe, Mn): tiêu đen Đắk Nông cao hơn Gia Lai và Phú Quốc.

b) Kết quả phân tích, so sánh các tính chất đặc thù của hạt tiêu trắng

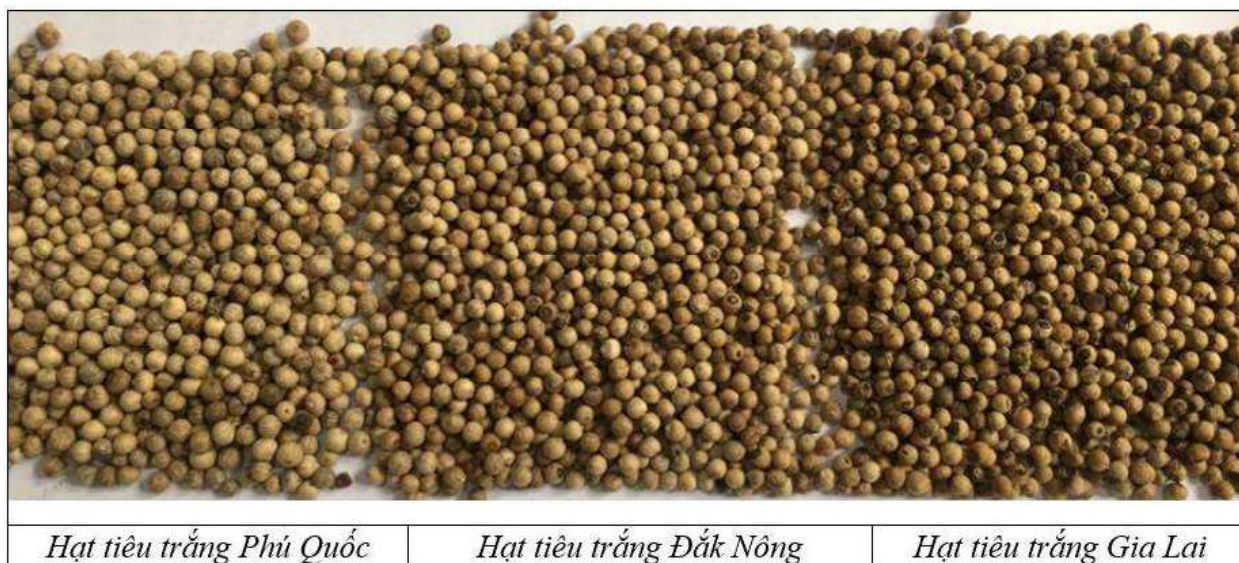
Bảng 17. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu trắng theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Màu sắc hạt	Trắng ngà	Trắng ngà	Trắng ngà
2	Bề mặt hạt	Có các đường gân chạy dọc	Hạt trơn nhẵn	Có các đường gân chạy dọc
3	Hình dáng hạt	Tròn, đều	Tròn, đều	Tròn, đều
4	Kích thước hạt	Trung bình	Nhỏ	Lớn
5	Độ chắc của hạt	Chắc	Chắc	Chắc
6	Hương	Thơm	Thơm	Thơm
7	Vị	Cay	Cay	Cay

Bảng 18. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu trắng theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Đường kính	mm	3.6	3.3	4.1
2	Dung trọng	g/l	631.7	623.7	638.5
3	Độ ẩm	%	10.8	11.46	10.62
4	Piperine	%	6.9	6.7	6.7
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	1.9	2.0	1.7
6	Fe	µg/kg	229.8	197.4	113.5
7	Mn	µg/kg	34.0	17.3	0.3

(Nguồn: Kết quả phân tích tại Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng năm 2020)



Hình 8. So sánh các loại hạt tiêu trắng

Từ kết quả phân tích hạt tiêu trắng (tiêu sọ) của các vùng địa lý khác nhau cho thấy hạt tiêu trắng Đắk Nông có những khác biệt so với các vùng đối chứng ở những chỉ tiêu: **đường kính, dung trọng, hàm lượng chất khoáng Fe, Mn.**

Cụ thể:

- Đường kính và dung trọng: tiêu trắng Đắk Nông lớn hơn Gia lai và nhỏ hơn Phú Quốc.
- Hàm lượng chất khoáng Fe và Mn: tiêu trắng Đắk Nông cao hơn Gia Lai và Phú Quốc.

d) Kết quả phân tích, so sánh các tính chất đặc thù của hạt tiêu đỏ

Bảng 19. So sánh các yếu tố cảm quan của hạt tiêu đỏ theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Màu sắc hạt	Nâu đỏ	Đỏ hơi ngả sang vàng	Đen có ánh đỏ, bóng
2	Bề mặt hạt	Vỏ nhẵn	Vỏ nhẵn	Vỏ nhẵn
3	Hình dáng hạt	Tròn, đều	Tròn, đều	Tròn, đều
4	Kích thước hạt	Trung bình	Nhỏ	Lớn
5	Độ chắc của hạt	Chắc	Chắc	Chắc

6	Hương	Thơm	Thơm	Thơm
7	Vị	Cay, có vị ngọt	Cay, có vị ngọt	Cay, có vị ngọt

Bảng 20. So sánh các yếu tố lý hóa của hạt tiêu đỏ theo vùng địa lý

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đắk Nông	Gia Lai	Phú Quốc
1	Đường kính	mm	4.5	4.0	5.3
2	Dung trọng	g/l	584.6	575.0	593.7
3	Độ ẩm	%	10.7	11.5	10.7
4	Piperine	%	4.3	4.3	4.3
5	Tinh dầu bay hơi	ml/100gr	2.7	3.0	3.2
6	Fe	µg/kg	266.7	225.2	66.4
7	Mn	µg/kg	37.0	13.8	0.3

(Nguồn: Kết quả phân tích tại Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng năm 2020)



Hình 9. So sánh các loại hạt tiêu đỏ

Từ kết quả phân tích hạt tiêu đỏ của các vùng địa lý khác nhau cho thấy hạt tiêu đỏ Đắk Nông có những khác biệt so với các vùng đối chứng ở những chỉ tiêu: **màu sắc hạt, đường kính, dung trọng, hàm lượng chất khoáng Fe, Mn.**

Cụ thể:

- Màu sắc hạt: tiêu đỏ Đắk Nông có màu nâu đỏ. Trong khi đó, tiêu đỏ Gia Lai có màu đỏ hơi ngả sang vàng, màu sáng hơn tiêu đỏ Đắk Nông. Tiêu đỏ Phú Quốc có màu đen, ánh đỏ, bề mặt vỏ bóng.
- Đường kính và dung trọng: tiêu đỏ Đắk Nông lớn hơn Gia Lai và nhỏ hơn Phú Quốc.

- Hàm lượng khoáng Fe và Mn: tiêu đỏ Đăk Nông cao hơn Gia Lai và Phú Quốc.

e) Kết luận về tính chất đặc thù của hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đăk Nông”

Tính chất đặc thù của hạt tiêu đen mang chỉ dẫn địa lý “Đăk Nông”

- Về các yếu tố cảm quan: hạt tiêu đen Đăk Nông có màu đen hơi nâu; bề mặt hạt nhẵn; kích thước hạt khoảng từ 4 - 5mm;

- Về các yếu tố lý hóa học: hạt tiêu đen Đăk Nông có đặc thù là dung trọng hạt, hàm lượng Piperine, Fe và Mn, cụ thể: dung trọng hạt từ 550 - 590 g/l; hàm lượng piperine từ 5.23 - 7.45%; Fe từ 54.42 - 605.44 µg/kg và Mn từ 20.65 - 40.52 µg/kg.

Tính chất đặc thù của hạt tiêu trắng mang chỉ dẫn địa lý “Đăk Nông”

- Về các yếu tố cảm quan: hạt tiêu trắng Đăk Nông có kích thước hạt khoảng từ 3,5 - 4mm.

- Về các yếu tố lý hóa học: hạt tiêu trắng Đăk Nông có đặc thù là dung trọng hạt, hàm lượng Fe và Mn, cụ thể: dung trọng hạt từ 622 - 640 g/l; hàm lượng Fe từ 45.89 - 457.2 µg/kg và Mn từ 9.45 - 78.45 µg/kg.

Tính chất đặc thù của hạt tiêu đỏ mang chỉ dẫn địa lý “Đăk Nông”

- Về các yếu tố cảm quan: hạt tiêu đỏ Đăk Nông có màu đỏ nâu; kích thước hạt khoảng từ 4 - 5mm.

- Về các yếu tố lý hóa học: hạt tiêu đỏ Đăk Nông có đặc thù là dung trọng hạt, hàm lượng Fe và Mn, cụ thể: dung trọng hạt 574 - 593 g/l; hàm lượng Fe từ 198.4 - 367.8 µg/kg và Mn từ 0.034 - 123.8 µg/kg.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 4)

3.2.3.5. Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

a) Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cây hồ tiêu

Trước khi trồng hồ tiêu ở vùng đất mới, các yếu tố về sinh thái phù hợp cho cây tiêu được các nông hộ xem xét đánh giá cụ thể: yêu cầu về đất phải là

vùng thuộc đất đỏ bazan, thoát nước tốt, tầng canh tác dày; nhiệt độ khu vực trồng không quá 40°C, chủ động được nguồn nước tưới; ẩm độ không khí khoảng 75 - 90% và lượng mưa thích hợp từ 1.000 - 3.000 mm; độ cao địa hình dưới 1500m và độ dốc dưới 25°.

Xử lý đất trước khi trồng

Trước khi trồng, đất được cày sâu 40 - 50cm, xử lý phơi ải, thu gom tàn dư thực vật và bón vôi xử lý đất (nếu đất chua). Sau đó tiến hành trồng cây chắn gió và thiết kế các rãnh thoát nước phù hợp theo địa hình thực tế.

Chuẩn bị trụ trồng

- Tại Đắk Nông đa số hầu hết trụ trồng hồ tiêu được sử dụng là dạng trụ cây sống. Trụ cây sống là những loại cây sinh trưởng nhanh, khỏe, thân cứng, vỏ tương đối nhám để hồ tiêu dễ bám (Keo dậu, muồng đen, lông mừi, vông, mít, núc nác, gòn,...). Cây có bộ rễ ăn sâu để không cạnh tranh dinh dưỡng với cây hồ tiêu.
- Khoảng cách trồng: 2,5 x 2,5 m hoặc 3,0 x 3,0 m, mật độ 1.100 - 1.600 trụ/ha.
- Cây trụ sống được trồng trước khi trồng hồ tiêu 1 - 2 năm.

Thời vụ trồng

Cuối tháng 5 đến đầu tháng 8 (mùa mưa).

Giống

Giống hồ tiêu được lựa chọn trồng tại Đắk Nông là giống hồ tiêu lá trung, qua quá trình thích nghi, giống có khả năng chống chịu sâu bệnh hại tốt (đặc biệt là bệnh vàng lá chết chậm), đồng thời giống cho năng suất ổn định và dễ chăm sóc.

Nhân giống

Cây giống hồ tiêu được trồng là hom giống được ươm từ cành lươn hoặc cành tược. Hom được cắt cách ngọn ít nhất 20 - 25cm, với 2 - 3 đốt. Hom được chọn từ vườn giống 4 năm tuổi, cây khỏe mạnh, không bị sâu bệnh. Sau đó hom

được ươm vào luống hoặc bầu. Sau 2 - 3 tháng cây đủ điều kiện xuất vườn (cây có chồi dài khoảng 50 cm) và đem trồng.

Trồng và buộc dây

- Trồng bầu hồ tiêu cách trụ hồ tiêu từ 15 - 20 cm, sau đó lấp đất và nén chặt đất xung quanh, tủ cỏ, rác, lá dừa... hoặc che bằng tấm liếp hoặc giàn che.
- Sau khi dây hồ tiêu đã vươn cao, dùng dây mềm (dây nylon) để buộc dây hồ tiêu vào cây trụ. 7 - 10 ngày buộc dây một lần, buộc vào vị trí gần đốt dây hồ tiêu để rễ bám vào trụ, sau khi rễ đã bám chặt vào trụ cần cắt bỏ dây buộc.



Hình 10. Buộc dây cho cây hồ tiêu

- Tiến hành trồng dặm khi cây hồ tiêu bị chết sau khi trồng.
- Khi cây trụ sống đã lớn, tán trụ giao tán cần tỉa cành 2-3 lần/năm trong mùa mưa.

Tạo hình, nuôi thân

- Duy trì 6 - 8 dây/trụ. Sau trồng 12 - 14 tháng, khi dây hồ tiêu leo lên trụ được 1,4 - 1,5m tiến hành đôn dây, tốt nhất vào đầu mùa mưa. Khi cây leo hết chiều cao trụ tiến hành hãm ngọn và cắt tỉa định kỳ.
- Trong năm thứ nhất và thứ hai sau trồng, một số cành hồ tiêu ra hoa cần cắt bỏ để nuôi thân chính.

Bón phân

Phân bón được sử dụng là phân chuồng/hữu cơ, phân vi sinh và các loại phân tổng hợp NPK.

Phân hữu cơ: Bón 1 lần/năm vào đầu mùa mưa

Bảng 21. Lượng phân hữu cơ bón cho cây hồ tiêu

Năm trồng	Loại phân	
	Phân chuồng, phân rác hoai mục (kg/trụ/năm)	Phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học (kg/trụ/năm)
Năm thứ nhất (mới trồng)	7 - 10	1 - 2
Năm thứ 2, thứ 3	10 - 15	2 - 3
Từ năm thứ 4 trở đi	15	3 - 5

Phân vô cơ

Bảng 22. Lượng phân vô cơ bón cho cây hồ tiêu

Năm trồng	Loại phân		
	N (kg/ha/năm)	P ₂ O ₅ (kg/ha/năm)	K ₂ O (kg/ha/năm)
Năm thứ nhất (mới trồng)	90 - 100	50 - 60	70 - 90
Năm thứ 2, thứ 3	150 - 200	80 - 100	100 - 150
Từ năm thứ 4 trở đi	250 - 350	150 - 200	150 - 250

Trồng mới: sau khi trồng 1 - 1,5 tháng bón 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali, sau khi trồng 2 - 3 tháng bón số còn lại.

Năm thứ 2 trở đi: bón 3 lần

+ Lần 1: 1/3 đạm + 1/3 kali và tất cả lượng phân lân bón vào đầu mùa mưa;

+ Lần 2: 1/3 đạm + 1/3 kali, bón vào giữa mùa mưa;

+ Lần 3: lượng phân còn lại, bón vào cuối mùa mưa.

Hồ tiêu đã cho trái: bón 4 lần

+ Lần 1: 1/4 đạm + 1/4 kali và tất cả lượng phân lân kết hợp với phân hữu cơ, bón trước khi kết thúc thu hoạch khoảng 10 ngày.

+ Lần 2: 1/4 đạm + 1/4 kali, bón vào đầu mùa mưa:

+ Lần 3: $\frac{1}{4}$ đạm + $\frac{1}{4}$ kali, bón vào giữa mùa mưa.

+ Lần 4: lượng phân còn lại bón vào cuối mùa mưa.

Ngoài ra các nông hộ còn sử dụng phân bón lá, bổ sung phân trung lượng (Ca, Mg) và vi lượng (Zn) và bo (B) 2 - 3 lần trong mùa mưa.

Tưới nước, làm cỏ tủ gốc

Tưới nước: Tưới bổ sung nước khi đất có biểu hiện khô, nhất là trong mùa khô và giai đoạn ra hoa. Có thể tưới gốc, hoặc xây dựng hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân.

Làm cỏ tủ gốc: Hầu hết các nông hộ đều duy trì mật độ cỏ trong vườn tiêu nhằm đảm bảo độ ẩm đất thích hợp cho cây hồ tiêu và ổn định hệ sinh thái. Tuy nhiên, để giảm sự cạnh tranh về dinh dưỡng, cỏ dại được cắt, làm sạch từ 1 - 2 lần trong năm. Nguồn cỏ dại sau khi cắt, kết hợp tàn dư thực vật được tận dụng tủ gốc giữ ẩm vào mùa khô.

rồng xen

Có thể sử dụng nhóm cây hàng năm (đậu phụng, đậu đen, đậu xanh), cây lâu năm (cây cà phê) hoặc cây ăn trái (bơ, sầu riêng) để trồng xen nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế.

Sâu bệnh chính hại hồ tiêu và biện pháp phòng trừ

Một số loại bệnh hại: bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, bệnh thán thư, bệnh virus hay bệnh xoắn lùn,...

Một số loại sâu hại: rệp sáp (*Pseudococcus* sp.), các loại rầy mềm, bọ xít lười và tuyến trùng hại hồ tiêu.

Biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại:

Chọn giống hồ tiêu có khả năng kháng bệnh tốt, khi bón phân không làm tổn thương bộ rễ của hồ tiêu, tăng cường bón phân hữu cơ kết hợp với chế phẩm sinh học như *Trichoderma* để tăng sức đề kháng cho cây hồ tiêu.

Không nên để vườn bị ngập nước và quá ẩm ướt, cây bị nặng cần nhổ bỏ, đốt để tiêu hủy nguồn bệnh.

Có thể dùng các loại thuốc hóa học có hoạt chất: Cytokinin, Ethoprophos, Benfuracarb, Abamectin hoặc các sản phẩm thuốc hóa học, sinh học khác có các

hoạt chất được phép lưu hành trên thị trường và đảm bảo thời gian cách ly theo khuyến cáo của nhà sản xuất...

Thu hoạch và bảo quản

Thu hoạch: Tùy theo nhu cầu sản xuất sản phẩm tiêu đen, tiêu trắng, tiêu đỏ, thời gian thu hoạch có thể kéo dài từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm.

Bảo quản: Cho hạt tiêu vào bao 2 lớp, lớp trong là bao nilon (PE) để chống ẩm mốc, lớp ngoài là bao PP hoặc bao bố, chất trên kệ hoặc pa-lét trong kho. Kho chứa phải thông thoáng, không quá nóng, không ẩm ướt.

b) Thực trạng áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Giống, kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch

Hiện nay trên địa bàn tỉnh một số giống tiêu được trồng chủ yếu như: tiêu Vĩnh Linh, tiêu Lộc Ninh, tiêu Ấn Độ, tiêu Trâu, tiêu Phú Quốc ... nhưng chiếm đa số là giống tiêu Vĩnh Linh và tiêu Sẻ.

Vấn đề nghiên cứu và sản xuất giống hồ tiêu tại Đắk Nông chưa được quan tâm đúng mức, nguồn giống để trồng chủ yếu do các hộ dân tự nhân giống để trồng và kinh doanh không thực hiện đúng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT nên khó kiểm soát, dẫn đến chất lượng giống không đảm bảo. Một số hộ nông dân mua giống tại các tỉnh khác như Đồng Nai, Bình Phước hay Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên và một số cơ sở kinh doanh giống nhập từ nơi khác về nhưng giá cây giống cao nên ít được nông dân thực hiện.

Việc sản xuất, thu hái của nông dân chưa đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật của cơ quan chuyên ngành nông nghiệp hướng dẫn làm cho cây hồ tiêu sinh trưởng phát triển không bền vững, dễ bị nhiễm sâu, bệnh hại, thu hái chưa đảm bảo đúng độ chín nên chất lượng hạt tiêu chưa đạt yêu cầu, dẫn đến giá bán thấp.

Tình hình dịch hại

Cây tiêu là cây trồng có bộ rễ háo khí, rất mẫn cảm với vấn đề sâu bệnh hại, trong đó bệnh hại rễ luôn là hạn chế lớn nhất đối với các vùng sản xuất tiêu nói chung và tại Đắk Nông nói riêng, đặc biệt ở những vùng đất trồng tiêu tập trung lâu năm, nguồn bệnh được tích lũy và dễ phát sinh diện rộng. Các loại sâu

bệnh hại chủ yếu gây hại trên cây hồ tiêu trong những năm gần đây chủ yếu là bọ xít muỗi, rệp sáp hại rễ, bệnh chết nhanh, chết chậm.

Tại Đắk Nông, hiện nay đang giai đoạn mùa mưa độ ẩm đất và không khí cao, chủ yếu các loại bệnh do nấm và tuyến trùng gây ra như bệnh chết nhanh, chết chậm, bệnh thối rễ, ngoài ra một số vườn bị bệnh cháy đen lá do nấm, xoắn đọt do vi rút. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai các biện pháp phòng trừ theo quy trình kỹ thuật của Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành.

Năm 2018 do ảnh hưởng của diễn biến thời tiết bất thường mưa lớn, kéo dài kết hợp với một số nguyên nhân khác đã làm cho diện tích tiêu bị chết trên địa bàn tỉnh tăng cao, cụ thể như sau:

Diện tích hồ tiêu nhiễm bệnh trên toàn tỉnh, tính đến ngày 31/12/2018 là 2.698,9 ha; trong đó: diện tích nhiễm nhẹ là 1.317,7 ha, nhiễm trung bình là 815 ha, nhiễm nặng là 566,2 ha. Diện tích tiêu bị chết toàn tỉnh là: 1.827,7 ha (chiếm 5,22% tổng diện tích hồ tiêu của tỉnh), cụ thể: huyện Đắk Song 653 ha, huyện Tuy Đức 586,2 ha, huyện Đắk R'Lấp 304,3 ha, thị xã Gia Nghĩa 46,3 ha, huyện Đắk G'Long 46,2 ha, huyện Cư Jút 90 ha, huyện Krông Nô 63,8 ha và huyện Đắk Mil 37,9 ha.

Diện tích tiêu bị chết năm 2018 lũy kế tính đến ngày 29/03/2019 là: 2.135,8 ha (chiếm 6,26% tổng diện tích hồ tiêu của tỉnh). Hiện nay, tỉnh Đắk Nông đang tổ chức thực hiện rà soát, thống kê tình hình thiệt hại của cây hồ tiêu năm 2018 theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại công văn số 6495/BTC-NSNN ngày 07/6/2019 để trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ thiệt hại theo đúng quy định.

Nguyên nhân tiêu bị nhiễm bệnh, chết năm 2018 tăng hơn so với những năm trước đây:

Nguyên nhân khách quan: chủ yếu năm 2018, thời tiết mưa lớn kéo dài nhiều ngày và tập trung (từ tháng 6 đến đầu tháng 10) làm cho đất bị úng nước, đặc biệt là các vùng đất trũng thấp, là điều kiện thuận lợi để nấm *Phytophthora* và tuyến trùng nội ký sinh *Meloidogyne* gây thối rễ phát triển và lây lan nhanh.

Nguyên nhân chủ quan: Do người dân không áp dụng đúng những yêu cầu về kỹ thuật trồng, chăm sóc theo hướng bền vững; sử dụng lại trụ cũ hoặc trồng lại trên đất đã bị nhiễm bệnh; Sử dụng nguồn giống không đảm bảo chất lượng, giống bị nhiễm bệnh; riêng năm 2017 và 2018 do giá hồ tiêu giảm thấp nên nông dân hạn chế đầu tư, ít quan tâm đến công tác phòng bệnh, vì vậy khi dịch bệnh xảy ra không kịp xử lý và lây lan nhanh.

Tình hình sơ chế và chế biến

Việc sơ chế, chế biến chủ yếu được thực hiện tại các nông hộ bằng phương pháp phơi nắng tự nhiên, việc sấy chủ yếu được thực hiện tại các đại lý thu mua bằng việc đốt truyền nhiệt trực tiếp, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, làm giảm chất lượng (mùi, vị...) của sản phẩm.

Hiện nay đã có một số tổ chức sản xuất thành công sản phẩm tiêu trắng, tiêu đỏ, tiêu xanh, tinh dầu tiêu và bước đầu sản xuất thành công Piperin (thành phần hóa học của hồ tiêu) góp phần đa dạng sản phẩm chế biến từ hồ tiêu và gia tăng giá trị. Toàn tỉnh có 10 cơ sở sơ chế, chế biến hồ tiêu.

Bảng 23. Danh sách 10 cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến hồ tiêu

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Công suất
1	Cty TNHH Trang trại xanh Thu Thủy	Thôn 10 - Năm N'Jang - Đăk Song	Sản xuất và sơ chế hồ tiêu hữu cơ	
2	Công ty CP TM và DV XNK Trân Châu - Chi Nhánh Đăk Nông	Thôn Thuận Nghĩa- Thuận Hạnh - Đăk Nông	Sơ chế tiêu	3 tấn/giờ 800 tấn/năm
3	Cty CP Sam nông nghiệp công nghệ cao	Thôn 7 - Trường Xuân - Đăk Song	Sơ chế tiêu	9.000 tấn/năm
4	Công ty CP ĐT XNK An Phong Đăk Nông	Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song	Chế biến tiêu, tinh dầu tiêu	10.000 tấn/năm
5	HTX nông nghiệp hữu cơ Đăk R'Moan	Thôn Tân Hòa, xã Đăk R'Moan, TX. Gia Nghĩa	Sản xuất tiêu VietGAP	
6	HTX Nông nghiệp Hữu cơ Đăk Nông	Thôn Tân Hòa, xã Đăk R'Moan, TX. Gia Nghĩa	Sản xuất tiêu VietGAP	
7	Hợp tác xã TM DV hữu cơ Hoàng Nguyên	Thôn 8, Thuận Hà, Đăk Song	Sản xuất tiêu Hữu cơ	
8	HTX Nông nghiệp hữu cơ Thuận Phú	Thôn 6, xã Nhân Cơ, Đăk R'Lấp	Sản xuất tiêu theo hướng	

	Đắk R'Tih		hữu cơ	
9	Công ty TNHH Nhân Tài	Thôn Quảng Thuận, xã Nghĩa Thắng, Đắk R' Lấp	Kinh doanh hồ tiêu	
10	Doanh nghiệp tư nhân Toàn Hằng	Thôn 3, Nhân Cơ, Đắk R' Lấp	Kinh doanh hồ tiêu	
11	Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Hạnh	Thôn 3, Nhân Cơ, Đắk R' Lấp		
12	Công ty TNHH MTV Nghĩa Hạnh Đắk Nông	Thôn 2 Năm N'Jang, Đắk Song		

Tình hình phát triển hồ tiêu sản xuất theo mô hình VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 05 tổ chức, cá nhân sản xuất Hồ tiêu theo mô hình VietGAP, GlobalGAP và Hữu cơ là: Công ty TNHH Trang trại xanh Thu Thủy (địa chỉ: Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song), diện tích: 10 ha, sản lượng: 25 tấn/năm; Công ty TNHH Gia vị Sơn Hà; HTX Đồng Thuận xã Nhân Cơ, huyện Đắk RLấp và HTX sản xuất nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông (địa chỉ: xã Đắk R'moan, thị xã Gia Nghĩa), diện tích 13 ha, sản lượng 35 tấn/năm, sản xuất hồ tiêu theo mô hình VietGAP và HTX Hoàng Nguyên xã Thuận Hòa, huyện Đắk Song diện tích 11 ha.

Về liên kết trong sản xuất hồ tiêu

Sản xuất hồ tiêu chủ yếu còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún còn thiếu sự liên kết sản xuất giữa người nông dân với người nông dân, người nông dân với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ... để xây dựng các chuỗi giá trị trong sản xuất. Hiện nay đã hình thành một số Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất hồ tiêu theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, theo hướng hữu cơ và đã được một số công ty doanh nghiệp cam kết thu mua sản phẩm với giá cao hơn giá thị trường, tuy nhiên quy mô còn nhỏ, sản lượng ít.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 5 và Phụ lục 6)

3.2.3.6. *Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDDL “Đắc Nông” với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng*

a) *Tác động của các yếu tố tự nhiên độc đáo của khu vực chỉ dẫn địa lý*

Trước hết, có thể làm rõ các yếu tố tự nhiên độc đáo của vùng trồng tiêu Đắc Nông so với các khu vực khác thông qua bảng so sánh dưới đây:

Bảng 24. So sánh các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến tính chất đặc thù của sản phẩm

Chỉ tiêu so sánh	Đắc Nông	Gia Lai	Phú Quốc
Lượng mưa	Cao (1777 - 2719mm/năm) 90% tập trung từ tháng 4 - tháng 11. Mùa khô 10% lượng mưa từ tháng 12 - tháng 3 năm sau.	Trung bình 2.200 - 2.500mm/năm. Tập trung chủ yếu từ tháng 5 - tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 - tháng 4 năm sau.	Trung bình 2.950 mm/năm. Tập trung từ tháng 5 - tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 - tháng 4 năm sau.
Nhiệt độ	Trung bình năm 22 - 23°C. Cao nhất tháng 4 (35°C). Biên độ nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn (7 - 10°C).	Trung bình năm 22 - 25°C. Cao nhất vào tháng 4, tháng 5 (35°C). Biên độ nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn (7 - 10°C).	Trung bình 27 - 28°C. Cao nhất tháng 4, tháng 5 (35°C). Biên độ nhiệt độ giữa ngày và đêm thấp (3 - 5°C).
Số giờ nắng	Trung bình 2000 - 2300 giờ/năm. Tập trung từ tháng 11 - tháng 4.	Trung bình 1.900 - 2.200 giờ/năm. Tập trung từ tháng 12 - tháng 4.	Trung bình 2.300 giờ/năm. Tập trung từ tháng 12 - tháng 4.
Âm độ	Độ ẩm trung bình dao động 81 - 84%. Độ ẩm cao từ tháng 4 đến tháng 11. Độ ẩm thấp từ tháng 12 - tháng 3 năm sau.	78% vào mùa khô, 80 - 90% vào mùa mưa. Độ ẩm cao từ tháng 5 - tháng 10. Độ ẩm giảm từ tháng 11 - tháng 4 năm sau.	82%. Độ ẩm cao từ tháng 5 - tháng 10. Độ ẩm giảm từ tháng 11 - tháng 4 năm sau.

Đất đai, địa hình	Bazan, giàu dinh dưỡng, tầng canh tác dày, đất xốp, thoát nước tốt. Độ cao trung bình 800m. Độ dốc 5 - 10°, một số nơi 15°.	Bazan, giàu dinh dưỡng, tầng canh tác dày. Độ cao trung bình 800 - 900m.	Đất xám, nghèo dinh dưỡng. Tầng canh tác mỏng.
-------------------	---	--	--

Mặc dù cả 3 khu vực trồng tiêu Đắk Nông, Gia Lai và Phú Quốc đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, là điều kiện sinh thái phù hợp để cây hồ tiêu sinh trưởng và phát triển. Tuy nhiên, sự khác biệt về thời gian và độ dài của mùa mưa, mùa khô; số giờ nắng; ẩm độ tương ứng vào mùa khô và mùa mưa tại Đắk Nông so với các yếu tố tương tự của các khu vực khác đã tác động để tạo nên sự khác biệt về tính chất đặc thù của sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.

Cụ thể:

Về kích thước hạt: là một trong những yếu tố góp phần tạo nên đặc điểm đặc trưng của sản phẩm hạt tiêu, giúp phân biệt hạt tiêu đến từ các vùng địa lý khác nhau. Hạt tiêu đen và đỏ Đắk Nông có kích thước hạt khoảng từ 4 - 5mm, hạt tiêu trắng khoảng từ 3,5 - 4mm; với kích thước này mặc dù nhỏ hơn hạt tiêu Phú Quốc nhưng lớn hơn hạt tiêu Gia Lai (Bằng kinh nghiệm các nhà buôn có thể căn cứ vào kích thước hạt để biết được sản phẩm hạt tiêu đến từ các vùng địa lý, ví dụ: hạt tiêu Quảng Trị cho kích thước hạt nhỏ; hạt tiêu Phú Quốc và Bà Rịa Vũng Tàu cho kích thước hạt lớn, và hạt tiêu Đắk Nông cho kích thước hạt trung bình). Kích thước hạt phụ thuộc vào yếu tố giống, kỹ thuật chăm sóc và nguồn dinh dưỡng trong đất. Đối với hạt tiêu Đắk Nông, với cùng chủng loại giống tiêu Vĩnh Linh lá trung nhưng so với tiêu Vĩnh Linh lá trung tại Quảng Trị (đã công bố CDBL) hay tiêu Vĩnh Linh lá trung được trồng số ít tại Gia Lai thường cho kích thước hạt nhỏ hơn. Kết quả này nhờ vào chế độ chăm sóc đặc biệt chú trọng theo phương pháp hữu cơ (bón phân hữu cơ là chủ yếu) và các thành phần dinh dưỡng trong đất trồng hồ tiêu tại Đắk Nông dao động từ trung bình đến khá giàu (như đã phân tích ở trên) kết hợp với thời gian mưa kéo dài từ 7 đến 8 tháng (dài hơn các vùng khác từ 2 - 3 tháng). Đây là điều kiện lý tưởng để cây phát triển kích thước hạt...

Về màu sắc hạt: Do thời điểm thu hoạch tiêu Đắk Nông từ tháng 1 đến tháng 4, tập trung cao điểm vào tháng 2. Đây là giai đoạn có nhiệt độ dao động từ 23 - 250C (giai đoạn có nhiệt độ cao tại Tây nguyên) trong khi đó thời điểm thu hoạch tiêu tại Phú Quốc nền nhiệt độ dao động từ 27 - 280C; tại Gia Lai từ 21 - 220C (thấp nhất). Chính môi trường nhiệt độ cao trong quá trình thu hoạch,

phoi, làm cho hàm lượng chất diệp lục (chlorophyl) dễ bị biến đổi từ màu xanh sang màu đen (Phạm Văn Thao và ctv, 2018). Do vậy đối với hạt tiêu đen Phú Quốc cho màu đen bóng (đậm) (nhiệt độ cao nhất lúc thu hoạch), tiếp theo là màu đen hơi nâu, sáng màu của hạt tiêu đen Đắk Nông (nhiệt độ thấp hơn Phú Quốc và cao hơn Gia Lai) và cuối cùng là hạt tiêu đen tại Gia Lai cho màu nâu đen (nhạt màu hơn) (nhiệt độ thấp nhất lúc thu hoạch). Tương tự như vậy, vì giai đoạn thu hoạch rơi vào pha nhiệt độ cao trong năm nên làm lượng sắc tố đỏ (beta caroten) hạt tiêu đỏ Phú Quốc cũng nhanh chóng bị biến đổi màu dưới ảnh hưởng của nhiệt độ cao, làm cho hạt tiêu đỏ Phú Quốc có màu đen ánh đỏ, bóng; hạt tiêu đỏ Đắk Nông có màu nâu đỏ và hạt tiêu đỏ Gia Lai có màu đỏ hơi ngả sang vàng..

Về độ nhăn của bề mặt hạt tiêu đen: Do thời điểm thu hoạch tiêu Đắk Nông từ tháng 1 đến tháng 4. Trong đó, tiêu đen thu hoạch chủ yếu từ tháng 1 đến tháng 2, giai đoạn này cũng là thời điểm độ ẩm không khí đạt thấp nhất. Độ ẩm không khí thấp trong quá trình thu hoạch, phoi, làm cho quá trình mất nước trong hạt diễn ra nhanh chóng, hạt nhanh khô và bề mặt hạt bị biến đổi mạnh mẽ. Do đó, bề mặt hạt tiêu đen Đắk Nông có ngoại hình nhăn hơn các vùng khác.

Ngoài ra, vùng trồng hồ tiêu Đắk Nông còn có những đặc điểm về điều kiện tự nhiên góp phần tác động đến tính chất đặc thù và danh tiếng của sản phẩm:

Thời gian khô hạn liên tục từ tháng 12 đến tháng 3 giúp cho cây có đủ thời gian phân hóa mầm hoa sau thu hoạch, tạo điều kiện cây ra hoa đồng loạt sau khi gặp ẩm độ cao vào tháng 4. Điều này giúp tăng tỷ lệ thụ phấn, giảm khuyết hạt trên gié, giúp cây cho năng suất cao.

Với tổng số giờ nắng cao và tập trung chủ yếu ở giai đoạn tiêu chín và thu hoạch (từ tháng 2 đến tháng 3), kết hợp ẩm độ thấp giai đoạn này làm cho hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” sau thu hoạch nhanh chóng loại bỏ hàm lượng nước trong quả tiêu chín, sản phẩm hạt tiêu sau phoi/sấy cho hàm lượng piperine cao.

Với đặc thù là vùng đất đỏ bazan có những tính chất đặc trưng khác biệt so với một số vùng trồng tiêu trên cả nước nói chung như: đất màu mỡ, tầng canh tác dày, thoát nước tốt, giàu thành phần khoáng là điều kiện lý tưởng để cây hồ tiêu sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất cao. Vì vậy Đắk Nông luôn tự hào là một trong những địa phương dẫn đầu về năng suất hồ tiêu cao nhất cả nước. Bên cạnh đó, nhờ đất đỏ bazan giàu thành phần khoáng nên chất lượng hạt tiêu Đắk Nông có **thành phần Fe và Mn cao hơn** hạt tiêu vùng Phú Quốc.

b) Các yếu tố quan trọng trong kỹ thuật sản xuất sản phẩm hạt tiêu tại khu vực chỉ dẫn địa lý

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang áp dụng các quy trình sản xuất đạt các tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của từng thị trường. Các tiêu chuẩn sản xuất đang được áp dụng gồm: VietGAP, GlobalGAP, Rainforest Alliance (RA), Sustainable Agriculture Network (SAN), Nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn của USDA, ...

Mặc dù có sự vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn khác nhau, nhưng các yếu tố cốt lõi trong các quy trình này vẫn có sự thống nhất và phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Các yếu tố độc đáo bao gồm: Giống, đất trồng và trụ trồng tiêu.

Giống

Giống là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến đặc thù của sản phẩm dưới tác động của điều kiện tự nhiên. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, có nhiều giống hồ tiêu khác nhau như: các giống hồ tiêu lá nhỏ: gồm các giống hồ tiêu sẻ Đất Đỏ, sẻ Mỡ. Giống có lá nhỏ, chùm quả ngắn, màu lá không đậm, chiều dài chùm quả khoảng 8 cm, hạt nhỏ; giống hồ tiêu có lá trung bình: gồm các giống hồ tiêu Vĩnh Linh, sẻ Phú Quốc, sẻ Lộc Ninh. Giống hồ tiêu có lá lớn: gồm giống hồ tiêu Trâu có lá lớn, chùm quả dài, hạt lớn, nhưng năng suất không cao. Ngoài ra, một số giống hồ tiêu Ấn Độ (Panniyur và Karimunda) được nhập nội vào nước ta. Giống có chùm quả dài. Tỷ lệ đậu quả/gié cao, cho thu hoạch sớm. Tuy nhiên chiếm đa số là giống tiêu lá trung (trên 90% - Số liệu điều tra khảo sát năm 2019). Là giống được di thực từ lâu và được phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ trước những năm 1980. Giống thích nghi cao với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng cho năng suất cao, chất lượng tốt hơn so với các giống khác.

Giống tiêu được bà con nông dân tại Đắk Nông chọn trồng là giống lá trung. Là giống được di thực từ lâu và được phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ trước những năm 1980. Giống có cỡ lá, hạt có kích thước trung bình, chiều dài chùm quả trung bình khoảng 11 cm, hạt đều, trên gié ít bị khuyết hạt. Giống tiêu lá trung có bộ rễ ăn sâu, kích thước lá trung bình giúp cây thích nghi tốt với điều kiện khô hạn kéo dài và liên tục vừa thích nghi tốt với mùa mưa dài của tỉnh Đắk Nông. Qua quá trình phát triển lâu dài cho thấy giống tiêu lá trung thích nghi cao với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết của vùng đất Đắk Nông, giống cho năng suất cao, ổn định, chất lượng tốt hơn so với các

loại giống khác và đặc biệt giống tiêu lá trung chống chịu được một số loại bệnh như vàng lá và các bệnh hại rễ.

Ngoài ra, giống tiêu lá trung có bộ rễ ăn sâu, kích thước lá trung bình giúp cây thích nghi tốt với điều kiện khô hạn kéo dài và liên tục vừa thích nghi tốt với điều kiện mùa mưa dài của tỉnh Đắk Nông.

Hồ tiêu mang chỉ dẫn địa lý Đắk Nông được nhân giống bằng phương pháp giâm cành nên đặc tính di truyền của cây mẹ được duy trì ổn định qua các thế hệ. Cành được cắt từ cây mẹ là cành lươn và cành tược.

Sự thích nghi của giống tiêu lá trung với khu vực chỉ dẫn địa lý Đắk Nông có thể minh họa bằng sơ đồ dưới đây:

Bảng 25. Thời vụ trồng tiêu ở Đắk Nông

Hồ tiêu Đắk Nông	Thu hoạch		Phân hóa mầm hoa	Ra hoa, đậu quả		Phát triển quả					Quả già, chín	
Tháng	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1
Điều kiện thời tiết	Khô hạn		Mưa, ẩm độ cao								Khô hạn	

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang áp dụng các quy trình sản xuất đạt các tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của từng thị trường. Các tiêu chuẩn sản xuất đang được áp dụng gồm: VietGAP, GlobalGAP, Rainforest Alliance (RA), Sustainable Agriculture Network (SAN), Nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn của USDA, ...

Mặc dù có sự vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn khác nhau, nhưng các yếu tố cốt lõi trong các quy trình này vẫn có sự thống nhất và phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Các yếu tố độc đáo bao gồm: Giống, đất trồng và trụ trồng tiêu.

Đất trồng và trụ trồng tiêu

Đất trồng tiêu là loại đất đỏ bazan, phân bố đều và rộng khắp các phường/xã/thị trấn của tỉnh Đắk Nông (chiếm 58,7% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, tương đương 382.363,7ha - Theo kết quả đo đạc và thống kê của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp năm 2005, hiện nay diện tích trồng tiêu thực

tế tại Đăk Nông chỉ chiếm xấp xỉ 10% tổng diện tích đất đỏ bazan của tỉnh). Đất đỏ bazan với ưu điểm là tầng canh tác dày, đất tơi xốp và thoát nước tốt, hàm lượng dinh dưỡng, thành phần khoáng từ trung bình đến khá giàu là những đặc tính phù hợp với đặc điểm sinh học, sinh trưởng và phát triển của cây hồ tiêu (bộ rễ cây hồ tiêu không chịu đất ngập úng). Nguồn chất hữu cơ và các thành phần khoáng trong đất giúp cho quá trình đậu quả và phát triển quả thuận lợi, cho kích thước quả lớn hơn so với cùng giống tiêu lá trung trồng tại các vùng khác và cho sản phẩm hạt tiêu giàu khoáng và peperine.

Trụ trồng tiêu tại Đăk Nông chủ yếu là các dạng cây choái sống: Keo dậu, muồng đen, lòng mừc, vông, mít, núc nác, gòn,... Khác với vùng trồng tiêu Phú Quốc (sử dụng trụ gỗ là chủ yếu) và Gia Lai (với các loại trụ hỗn hợp: trụ cây sống; trụ bê tông, trụ gỗ)... Cây trụ sống được sử dụng là những loại cây không cùng cây ký chủ gây bệnh cho hồ tiêu, trong quá trình phát triển. Các dạng cây trụ sống không trực tiếp tạo ra tính chất đặc trưng đặc thù của sản phẩm, chỉ gián tiếp góp phần tạo ra những giá trị như tạo môi trường ánh sáng tán xạ lý tưởng cho cây hồ tiêu phát triển, giúp cây thực hiện quá trình quang hợp tốt trong môi trường che bóng, nhờ vậy năng suất hồ tiêu tại Đăk Nông luôn ổn định và cao hơn các vùng khác từ 1 - 2 tấn/ha, và đặc biệt hạn chế bệnh vàng lá gây hại trên cây hồ tiêu. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Tăng Tôn, 2005. Và cũng theo Nguyễn Thị Lan và ctv cho rằng tỷ lệ cây tiêu bị vàng lá chết chậm của vườn trồng trên trụ gỗ cao hơn hẳn vườn trồng trên trụ sống. Điều này có thể được giải thích do cây trụ sống đã điều hòa điều kiện tiểu khí hậu trong vườn tiêu như chế độ nhiệt, ẩm độ đất, ánh sáng và vì thế làm giảm sự rối loạn sinh lý của cây tiêu khi chịu ánh sáng trực tiếp của mặt trời. Đó là một trong những lý do mà hiện nay rất nhiều hộ trồng tiêu tại Đăk Lăk, Gia Lai, Bình Phước, Phú Quốc có diện tích hồ tiêu bị bệnh vàng lá chết chậm nhiều hơn so với ở Đăk Nông.

Tóm lại, nhờ các yếu tố độc đáo về điều kiện tự nhiên (khí hậu và đất đỏ bazan) và tập quán sản xuất (sử dụng giống, loại trụ sống) của khu vực chỉ dẫn địa lý “Đăk Nông”, các sản phẩm hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng và hạt tiêu đỏ có nguồn gốc từ cây hồ tiêu trồng trong khu vực chỉ dẫn địa lý này có những tính chất đặc thù mà các sản phẩm tương tự ở ngoài khu vực chỉ dẫn địa lý không có được. Cùng với danh tiếng lâu đời, những tính chất đặc thù này chính là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên giá trị gia tăng ngày càng cao trong chuỗi giá trị sản xuất hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đăk Nông, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng các nhà sản xuất và kinh doanh hồ tiêu trong khu vực chỉ dẫn địa lý.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 7)

3.2.4. Kết quả xác định tổ chức quản lý CDBL, tổ chức đứng tên đăng ký CDBL

3.2.4.1. Nghiên cứu cơ sở pháp lý

Điều 88 của Luật Sở hữu trí tuệ quy định:

“Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của Việt Nam thuộc về Nhà nước.

Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý. Người thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó.”

Khoản 4, Điều 121 Luật Sở hữu trí tuệ quy định:

“Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là Nhà nước.

Nhà nước trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường. Nhà nước trực tiếp thực hiện quyền quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.”

Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết các điều trên như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sau đây trong quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương:

a) Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp;

...;

h) Quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương, kể cả địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc đặc sản địa phương;

...

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ.”

3.2.4.2. Kết quả đề xuất

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông là cơ quan quản lý nhà nước đối với các chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh, xây dựng và ban hành chính sách quản lý và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định việc trao quyền quản lý, và sử dụng chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương. Ngày 21/01/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND về việc ủy quyền đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và cấp phép đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ địa danh “Đắk Nông”.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông là tổ chức được trao quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và thực hiện quyền của tổ chức quản lý đối với chỉ dẫn địa lý sau khi đăng ký. Sở khoa học và Công nghệ thực hiện quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận đối với logo của chỉ dẫn địa lý.

3.2.5. Chọn nhãn hiệu tập thể "Đak Song Pepper" làm logo chính thức của CDDL và nâng cấp lên Nhãn hiệu chứng nhận, đóng vai trò chứng nhận sản phẩm mang CDDL "Đắk Song"

Nhãn hiệu tập thể “Đak Song Pepper” số 4-0258986-000 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Hội Hồ tiêu Đắk Song - Đắk Nông, địa chỉ tại Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông làm đại diện chủ sở hữu để tiến hành đăng ký:



Hình 11. Nhãn hiệu tập thể DAK SONG PEPPER

Theo chủ trương ban đầu của tỉnh về việc đăng ký CDDL “Đắk Song” thì việc lựa chọn nhãn hiệu tập thể nêu trên làm logo của CDDL giúp tiết kiệm chi phí và thời gian thiết kế một logo mới. Việc nâng cấp nhãn hiệu tập thể lên nhãn hiệu chứng nhận và đồng thời là logo của CDDL là một bước phát triển

phù hợp với tình hình thực tiễn và chủ trương của UBND tỉnh, định hướng phát triển của Hội hồ tiêu Đắk Song – Đắk Nông.

Tuy vậy, khi đưa vấn đề ra trao đổi tại Hội nghị triển khai Đề tài, mã Hội nghị: **HN-01** đã nhận được nhiều ý kiến khác nhau và cuối cùng đi đến thống nhất là thiết kế mới logo của CDĐL.

3.2.6. Xác định sản phẩm để đăng ký CDĐL và sản phẩm/dịch vụ để đăng ký cho nhãn hiệu là logo của CDĐL

3.2.6.1. Nghiên cứu tình hình thực tiễn và đề xuất sản phẩm để đăng ký CDĐL

Trên cơ sở kết quả điều tra khảo sát, đơn vị chủ trì xác định được chuỗi giá trị sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông gồm:

a) Các sản phẩm tiêu nguyên hạt

- Hạt tiêu xanh
- Hạt tiêu đen
- Hạt tiêu sọ (tiêu trắng)
- Hạt tiêu đỏ

b) Các sản phẩm phái sinh

- Tiêu bột
- Tinh dầu tiêu
- Tiêu xanh ngâm muối
- Tiêu ngũ sắc
- Tiêu xanh sấy lạnh
- Tiêu chính sấy lạnh

c) Các dịch vụ liên quan

- Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu
- Dịch vụ chăm sóc, thu hoạch; cho thuê kho chứa; ...

3.2.6.2. Đề xuất và thống nhất sản phẩm/ dịch vụ để đăng ký

Mặc dù có nhiều sản phẩm và dịch vụ liên quan, nhưng để đảm bảo tính khả thi của quá trình đăng ký (cả về thời gian, kinh phí, cơ sở khoa học và pháp lý), các sản phẩm và dịch vụ được lựa chọn để đăng ký gồm:

- Sản phẩm đăng ký CDDL: hạt tiêu đen; hạt tiêu tiêu trắng; hạt tiêu đỏ
- Sản phẩm/dịch vụ đăng ký NHCN:
 - +) Nhóm 30: hạt tiêu đen; hạt tiêu tiêu trắng; hạt tiêu đỏ
 - +) Nhóm 35: mua bán hạt tiêu đen; hạt tiêu tiêu trắng; hạt tiêu đỏ.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 11, Phụ lục 12)

3.2.7. Kết quả hoạt động xây dựng Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với CDDL "Đắk Nông" dùng cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

3.2.7.1. Xác định hiện trạng vùng trồng hồ tiêu tại tỉnh Đắk Nông

a) Khu vực chỉ dẫn địa lý hồ tiêu mang CDDL "Đắk Nông"

Khu vực chỉ dẫn địa lý hồ tiêu mang CDDL "Đắk Nông" bao gồm các phường/xã/thị trấn:

Bảng 26. Danh sách các xã, thị trấn trong khu vực CDDL

TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
I	Huyện Cư Jút	V	Thị xã Gia Nghĩa
1	Thị trấn Ea T'ling	1	Phường Nghĩa Đức
2	Xã Tâm Thắng	2	Phường Nghĩa Thành
3	Xã Nam Dong	3	Phường Nghĩa Phú
4	Xã Ea Pô	4	Phường Nghĩa Tân
5	Xã Đắk Wil	5	Phường Nghĩa Trung
6	Xã Trúc Sơn	6	Xã Đắk R'Moan
7	Xã Cư Knia	7	Xã Quảng Thành
8	Xã Đắk Drong	8	Xã Đắk Nia
II	Huyện Đắk Mil	VI	Huyện Krông Nô
1	Thị trấn Đắk Mil	1	Thị trấn Đắk Mâm
2	Xã Đắk Lao	2	Xã Đắk Sôr
3	Xã Đức Minh	3	Xã Nam Xuân
4	Xã Đức Mạnh	4	Xã Nam Đà
5	Xã Đắk Sắk	5	Xã Đắk Drô
6	Xã Thuận An	6	Xã Tân Thành
7	Xã Đắk N'Drót	7	Xã Buôn Choah
8	Xã Đắk R'La	8	Xã Nâm N'Dir
9	Xã Đắk Găn	9	Xã Nâm Nung

10	Xã Long Sơn
III	Huyện Đắk Song
1	Thị trấn Đức An
2	Xã Nam Bình
3	Xã Thuận Hạnh
4	Xã Thuận Hà
5	Xã Đắk Mol
6	Xã Đắk Hòa
7	Xã Đắk N'Drung
8	Xã Nâm N'Jang
9	Xã Trường Xuân
IV	Huyện Đắk R'lấp
1	Thị trấn Kiến Đức
2	Xã Kiến Thành
3	Xã Đắk Wer
4	Xã Nhân Cơ
5	Xã Nhân Đạo
6	Xã Nghĩa Thắng
7	Xã Đạo Nghĩa
8	Xã Đắk Sin
9	Xã Hưng Bình
10	Xã Đắk Ru
11	Xã Quảng Tín

10	Xã Đức Xuyên
11	Xã Đắk Nang
12	Xã Quảng Phú
VII	Huyện Tuy Đức
1	Xã Quảng Trục
2	Xã Đắk Buk So
3	Xã Đắk R'Tih
4	Xã Quảng Tân
5	Xã Quảng Tâm
6	Xã Đắk Ngo
7	Các đơn vị Quốc phòng
VIII	Huyện Đắk Glong
1	Xã Quảng Khê
2	Xã Đắk Plao
3	Xã Đắk Som
4	Xã Đắk Ha
5	Xã Quảng Sơn
6	Xã Đắk R'Măng
7	Xã Quảng Hòa

b) Các đặc thù của khu vực địa lý

Khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” có những yếu tố cơ bản sau:

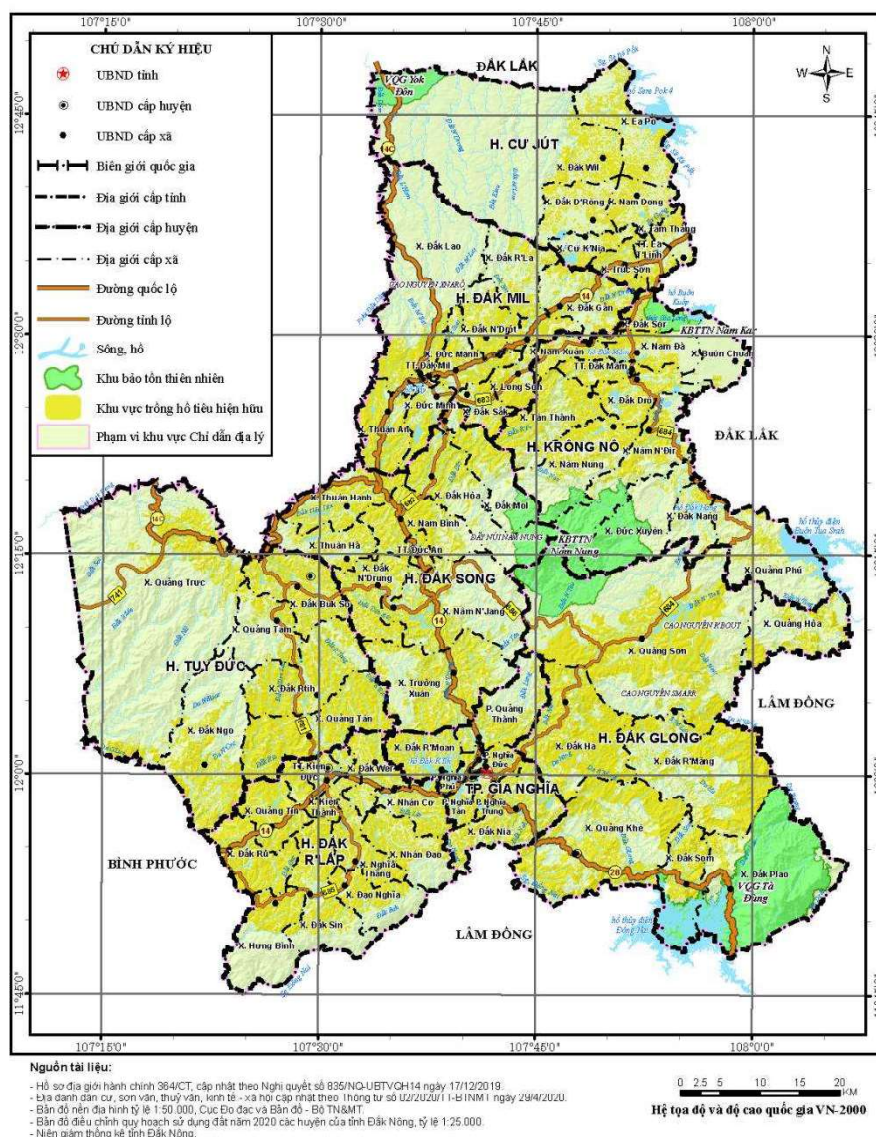
- Lượng mưa: 1700 mm - 3000 mm/năm;
- Số giờ nắng/năm: 2000 - 2300 giờ. Số giờ nắng từ tháng 10 - tháng 3 > 200 giờ/tháng;
- Phân bố mưa: từ tháng 4 - tháng 11;
- Độ ẩm trung bình: 82%, độ ẩm cao từ tháng 4 trở đi và thấp từ tháng 11;
- Biên độ nhiệt ngày đêm: 7 - 10°C;

- Nhiệt độ trung bình: 22 - 23⁰C;
- Loại đất: đất bazan;
- Độ cao trung bình 600 - 800m;
- Độ dốc: 5 - 150;
- Giống hồ tiêu: lá trung;
- Trụ trồng tiêu: trụ cây sống.

3.2.7.2. *Kết quả xây dựng bản đồ*

Trên cơ sở tổng hợp thông tin hiện trạng vùng trồng hồ tiêu tại tỉnh Đắk Nông, đơn vị chủ trì phối hợp làm việc với Sở tài nguyên môi trường để tổng hợp thông tin bản đồ nền tỉnh Đắk Nông, và xây dựng 1/1 Bản đồ khu vực địa lý vùng sản xuất sản phẩm hạt tiêu mang CDDL Đắk Nông.

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐỊA LÝ
VÙNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM HẠT TIÊU MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐẮK NÔNG



Hình 12. Bản đồ khu vực CDĐL

(Xem chi tiết tại Phụ lục 9)

3.2.8. Kết quả thiết kế biểu trưng (logo) CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

Đơn vị chủ trì đã xây dựng được 3/3 mẫu dự thảo theo thuyết minh được duyệt. Tổ chức lấy ý kiến 02 lần gồm lấy ý kiến tại Hội thảo và lấy ý kiến bằng văn bản.

Sau khi lấy ý kiến, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện mẫu logo CDĐL, cụ thể như sau:



Hình . Mẫu logo CDDL hạt tiêu Đắk Nông

Mẫu logo chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Đắk Nông đã được xác nhận kèm theo Quyết định số 114/QĐ/UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc ủy quyền đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và cấp phép đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ địa danh “Đắk Nông”.

Thuyết minh logo

- Màu sắc: Vàng nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, đỏ nâu, trắng.
- Bố cục: Nhãn hiệu có dạng hình tròn nền màu vàng nhạt với viền lớn màu xanh lá cây đậm ở vị trí gần ngoài cùng. Bên trên viền màu xanh lá cây đậm, phần trên là chữ “DAKNONG PEPPER” màu vàng nhạt có nghĩa là “TIÊU ĐẮK NÔNG” hoặc “HỒ TIÊU ĐẮK NÔNG” hoặc “HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG” được thể hiện cong theo chiều cong của viền tròn; hai bên trái và phải, mỗi bên có 4 chấm tròn nhỏ màu vàng nhạt chụm vào nhau; bên dưới là dải cong ngắn màu đỏ nâu viền màu vàng nhạt có kích thước chiều rộng lớn hơn viền màu xanh, trên đó có chữ “HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG” được thể hiện thành hai dòng, phía trên là hình cong dạng chữ U ngược màu đỏ nâu viền màu vàng nhạt mô phỏng hình ngôi nhà. Ở giữa hình tròn, hơi chếch lên phía trên là hình mô phỏng cành tiêu gồm năm chiếc lá màu xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt và ba nhánh hạt tiêu màu xanh lá cây đậm.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 8)

3.2.9. Kết quả xây dựng Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận logo CDDL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

Theo Quy định của Luật sở hữu trí tuệ thì khi đăng ký nhãn hiệu chứng nhận bắt buộc phải nộp kèm Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải có các nội dung tương ứng quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 105 của Luật Sở hữu trí tuệ và phải làm rõ các vấn đề sau đây:

- ✓ *Các thông tin vắn tắt về nhãn hiệu, chủ sở hữu nhãn hiệu, hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu;*
- ✓ *Các điều kiện để được người đăng ký nhãn hiệu cấp phép sử dụng nhãn hiệu và các điều kiện chấm dứt quyền sử dụng nhãn hiệu;*
- ✓ *Nghĩa vụ của người sử dụng nhãn hiệu (bảo đảm chất lượng, tính chất đặc thù của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, chịu sự kiểm soát của người đăng ký nhãn hiệu, nộp phí quản lý nhãn hiệu...);*
- ✓ *Quyền của người đăng ký nhãn hiệu (kiểm soát việc tuân thủ quy chế sử dụng nhãn hiệu, thu phí quản lý nhãn hiệu, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu của người không đáp ứng điều kiện theo quy định của quy chế sử dụng nhãn hiệu ...);*
- ✓ *Cơ chế cấp phép, kiểm soát, kiểm tra việc sử dụng nhãn hiệu và bảo đảm chất lượng, uy tín của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu;*
- ✓ *Cơ chế giải quyết tranh chấp.*

Để xây dựng Quy chế phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn, cần thực hiện các công việc sau:

- a) Xây dựng Dự thảo Quy chế
- b) Lấy ý kiến góp ý
 - Gửi Dự thảo đến các cơ quan quản lý, các nhà sản xuất kinh doanh sản phẩm hồ tiêu và các chuyên gia về sở hữu trí tuệ để xin ý kiến góp ý;
 - Lấy ý kiến tại Hội thảo (Mã Hội thảo: HT-2)
- c) Hoàn thiện Quy chế theo ý kiến góp ý

d) Trình chủ đơn ban hành.

Đơn vị chủ trì đã xây dựng 1/1 dự thảo, tổ chức lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện và tham mưu cho đơn vị quản lý ban hành theo quy định.

Kết quả: Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được ban hành theo Quyết định số 110/QĐ-SKHCN ngày 23 tháng 08 năm 2021 và Quyết định số 153/QĐ-SKHCN ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “logo chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Đắk Nông”.

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 12)

3.2.10. Kết quả xây dựng bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của hạt tiêu mang CDĐL Đắk Nông

3.2.10.1. Các công việc đã triển khai

a) Xây dựng dự thảo

Đơn vị chủ trì đã tổng hợp từ kết quả của hoạt động điều tra, khảo sát; hoạt động phân tích, lấy mẫu; hoạt động nghiên cứu xây dựng các chuyên đề khoa học để soạn thảo Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” trong mối quan hệ phụ thuộc tương hỗ vào điều kiện địa lý của tỉnh Đắk Nông, và phù hợp với yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

b) Tổ chức lấy ý kiến góp ý hoàn thiện

Nội dung này được thực hiện thông qua hội thảo, Mã hội thảo: HT-2

Nội dung bản mô tả được giới thiệu để lấy ý kiến góp từ người dân, doanh nghiệp trồng trọt và kinh doanh tiêu tại Đắk Nông, các cơ quan quản lý và đặc biệt là các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyên môn để hoàn thiện và trình UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

c) Hoàn thiện Bản mô tả sau hội thảo góp ý

Sau khi tổ chức lấy ý kiến góp ý tại hội thảo (MS: HT-02), lấy ý kiến góp ý từ chuyên gia, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện và trình Sở KH&CN thông qua và được nộp kèm theo hồ sơ đơn đăng ký.

Ngày 03/02/2021, bản mô tả đã được nộp kèm theo đơn đăng ký CDĐL số 6-2021-0001. Trong quá trình theo dõi hồ sơ đăng ký, đơn vị chủ trì và đơn vị đại diện sở hữu công nghiệp đã giữ kết nối chặt chẽ với các thẩm định viên để

trao đổi chuyên môn, làm rõ các điểm trong bản mô tả giúp cho quá trình xử lý hồ sơ được thuận tiện, nhanh chóng.

3.2.10.2. *Nội dung Bản mô tả*

a) Thông tin chung về đơn đăng ký

Chủ đơn đăng ký

- SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG
- Địa chỉ: Số 2 Phan Kế Bính, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Tổ chức quản lý

- SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG
- Địa chỉ: Số 2 Phan Kế Bính, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Đối tượng đăng ký

- Chỉ dẫn địa lý: ĐẮK NÔNG
- Tên gọi chỉ dẫn địa lý: Hạt tiêu Đắk Nông
- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý: Hạt tiêu, bao gồm:
 - + *Hạt tiêu đen*
 - + *Hạt tiêu trắng*
 - + *Hạt tiêu đỏ*
- Tên khoa học của sản phẩm: *Piper nigrum*

b) Điều kiện tự nhiên của khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông”

Nội dung này kế thừa kết quả nghiên cứu tại hoạt động 3.2.3.3. – Xây dựng chuyên đề nghiên cứu sự ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông.

c) Sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông”

Nội dung này kế thừa kết quả nghiên cứu tại hoạt động 3.2.3.4. Đặc thù về chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” và các hoạt động điều tra khảo sát (3.2.1); kết quả hoạt động lấy mẫu, phân tích (3.2.2.)

d) Quy trình kỹ thuật trồng hồ tiêu

Nội dung này kế thừa kết quả nghiên cứu tại hoạt động 3.2.3.5. Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các hoạt động điều tra khảo sát (3.2.1).

đ) Mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất đặc thù và các điều kiện của khu vực địa lý

Nội dung này kế thừa kết quả nghiên cứu tại hoạt động xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Nông” với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng (3.2.3.6.).

(Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 10)

3.2.11. Kết quả tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện các tài liệu khoa học chứng minh đặc tính bảo hộ của sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL “Đắk Song”

Nhằm lấy ý hoàn thiện các tài liệu khoa học làm cơ sở nộp đơn đăng ký CDĐL tại Cục Sở hữu trí tuệ, Trung tâm CIPTEK được sự phối hợp của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông đã tổ chức thành công hội thảo vào ngày 5 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.

Nội dung Hội thảo:

- Góp ý hoàn thiện Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”(17.2.8);
- Báo cáo chuyên đề: “Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song” với điều kiện địa lý, điều kiện thời tiết khí hậu của khu vực trồng tương ứng



Hình 13. Hình ảnh Hội thảo (HT-02)

Qua kết quả tổ chức cho thấy đây là một trong những hội thảo quan trọng nhất trong quá trình triển khai đề tài. Tại hội thảo, đã có nhiều ý kiến phân tích, phản biện nhằm giúp cho đơn vị chủ trì hoàn thiện bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu. Thông qua hội thảo, các đại biểu, các nhà khoa học đã thống nhất điều chỉnh tên gọi CDDL “Đắc Sông” sang “Đắc Nông” bởi lý do “Đắc Sông” nổi tiếng là vùng tiêu lớn của cả tỉnh, nhưng danh tiếng của hạt tiêu trên thị trường trong nước và quốc tế lại gắn liền với địa danh Đắc Nông. Hội thảo cũng cung cấp các tài liệu lịch sử chứng minh địa danh Đắc Nông đã tồn tại từ lâu và gắn chặt với danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu.

Trên cơ sở đó, đơn vị chủ trì đã đề xuất đơn vị quản lý trình UBND tỉnh đề tổ chức Hội đồng KHCN cấp tỉnh nhằm xem xét điều chỉnh tên gọi và mục tiêu của đề tài, theo hướng lựa chọn CDDL là “Đắc Nông”.

Hội thảo cũng tạo ra diễn đàn mở để đơn vị chủ trì cung cấp nhiều ý kiến chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tạo lập, quản lý và phát triển CDDL giúp nâng cao nhận thức và kiến thức cho cộng đồng sản xuất kinh doanh hạt tiêu Đắc Nông. Ngoài ra, Hội thảo cũng tạo cơ hội để các thành viên thực hiện đề tài kết nối sâu sắc hơn với các đơn vị sản xuất – kinh doanh hạt tiêu, làm nền tảng cho việc phối hợp các công việc về sau của đề tài như hoạt động tập huấn; hoạt động thí điểm sử dụng CDDL.

3.2.12. Tổ chức Hội thảo thông qua các tài liệu nộp đơn đăng ký: Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hạt tiêu mang

CDĐL “Đắk Song”; Quy chế Sử dụng Nhân hiệu chứng nhận logo của CDĐL

Đơn vị chủ trì đã phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện hồ sơ đăng ký CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông vào ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.

- Mã số Hội nghị/hội thảo: HT-2
- Thời lượng: 01 buổi
- Thành phần: Đại diện UBND tỉnh Đắk Nông; Đại diện UBND huyện Đắk Song; Đại diện các Sở: KH&CN, NN&PTNT, Công thương; các đơn vị truyền thông; các tổ chức và cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu; các chuyên gia về tiêu, về sở hữu trí tuệ; ...
- Nội dung Hội thảo: Góp ý và Thông qua các nội dung:
 - + Quy chế sử dụng NHCN logo của CDĐL;
 - + Bảng tiêu chuẩn thông số màu sắc và kỹ thuật trình bày logo;
 - + Bản đồ vùng CDĐL;
 - + Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Song”



Hình 14. Hình ảnh Hội thảo (HT-03)

Mặc dù không tập trung vào các vấn đề khoa học như Hội thảo HT-02, nhưng đây cũng là hội thảo quan trọng để thống nhất các tài liệu mang tính pháp lý đảm bảo cho việc đăng ký thành công CDĐL và logo của CDĐL. Tại Hội thảo, một lần nữa, các đại biểu khẳng định sự nhất trí với các nghiên cứu bổ sung mà đơn vị chủ trì đưa ra liên quan đến việc xác định lại tên gọi CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

Căn cứ kết quả hội thảo, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu mang tính pháp lý để đảm bảo việc đăng ký thành công CDĐL.

3.2.13. Kết quả đăng ký CDĐL, logo CDĐL và theo dõi tiến trình đơn

3.2.13.1. Hồ sơ đăng ký CDĐL

Ngày 09/11/2021, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 5157/QĐ-SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL số 00111, bảo hộ CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Số: 00111

Chỉ dẫn địa lý: ĐÀK NÔNG
Sản phẩm: Hạt tiêu
Người đăng ký: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐÀK NÔNG
Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐÀK NÔNG
Số đơn: 6-2021-00001
Ngày nộp đơn: 03/02/2021
Cấp theo Quyết định số: 5157/QĐ-SHTT, ngày: 09/11/2021
Có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày ký Quyết định.



CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
INTELLECTUAL PROPERTY
OFFICE
OF VIETNAM

CỤC TRƯỞNG



Đinh Hữu Phí



6-00111

Hình 15. Văn bằng bảo hộ CDĐL

3.2.13.2. Hồ sơ đăng ký logo của CDĐL

Bảng 27. Bảng thông tin nộp đơn đăng ký NHCN

Người nộp đơn		
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông		
Số 2 Phan Kế Bính, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông		
Nhãn hiệu	Nhóm sản phẩm/Dịch vụ	Màu sắc yêu cầu
	30, 35	Màu vàng nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, đỏ nâu, trắng.

Đơn đăng ký đã được nộp với các chi tiết sau:

Số đơn	Ngày nộp đơn	Số đơn ưu tiên	Ngày ưu tiên	Nước UT
4-2021-22423	03/06/2021	4-2021-22423	03/06/2021	VN

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU		CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐĂNG NHÃN ĐƠN (Dành cho cá nhân, tổ chức) VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP. HCM	
Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ 386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu* SỐ HIỆU NHẬN BIẾT HỒ SƠ: MR8745/AL1068		NGÀY DATE 03-06-2021 SỐ ĐƠN 4-2021-22423 Ap.No	
☐ Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số:		 NH	
① VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP. HCM CÔNG VĂN ĐẾN Số 52 Ngày... tháng... năm...		NHÃN HIỆU Loại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký ☐ Nhãn hiệu tập thể ☐ Nhãn hiệu liên kết ☒ Nhãn hiệu chứng nhận Mô tả nhãn hiệu Màu sắc: Màu vàng nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, đỏ nâu, trắng. Mô tả: (Trong phụ lục kèm theo)	
			
② CHỦ ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu) Tên đầy đủ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông Địa chỉ: Số 2 Phan Kế Bính, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông Điện thoại: Fax: Email: ☐ Ngoài chủ đơn khai tại mục này còn có những chủ đơn khác khai tại trang bổ sung			
③ ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN		Mã ĐD: 050	
☐ là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn ☒ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của chủ đơn ☐ là người khác được chủ đơn uỷ quyền Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN LUẬT ALIAT Địa chỉ: Tầng 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: [+84 28] 3519 4666 Fax: [+84 28] 3519 4668 Email: contact@aliatlegal.com			
Chú thích: * Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "v" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.			
⑨ CHỦ ĐƠN/ ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN			
			

Hình 16. Tờ khai đơn đăng ký NHCN

3.2.14. Kết quả tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động tạo lập chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” và lễ công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận CDDL “Đắk Nông”

3.2.14.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức

Căn cứ Quyết định số 5157/QĐ-SHTT ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và công văn đề xuất của Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và sở hữu trí tuệ CIPTEK, ngày 25/11/2021, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông xây dựng Kế hoạch số 1060/KH-SKHCN tổ chức Hội nghị Sơ kết và Lễ công bố quyết định bảo hộ Chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

a) Mục đích - yêu cầu

Báo cáo sơ kết tình hình triển khai thực hiện việc tạo lập chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông, qua đó rút ra các bài học kinh nghiệm để phục vụ cho việc quản lý chỉ dẫn địa lý nói riêng và áp dụng vào quá trình xây dựng, quản lý các chỉ của tỉnh Đắk Nông dẫn địa lý khác của tỉnh trong tương lai;

Công bố Quyết định và trao Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và quảng bá chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông đến người tiêu dùng trong và ngoài nước;

Thông tin rộng rãi đến tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan về cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Đắk Nông”, góp phần ngăn ngừa và kịp thời xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Đắk Nông”, chống lại các hành vi gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh.

b) Nội dung

- Báo cáo tóm tắt tình hình xây dựng chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh.

- Công bố Quyết định và trao Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông.

- Thí điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu.

- Tuyên truyền, quảng bá chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

c) Thời gian, thành phần

- Thời gian dự kiến: ngày 30 tháng 11 năm 2021

- Địa điểm: Hội trường - Trung tâm Hội nghị tỉnh Đắk Nông 2

- Chủ trì: Lãnh đạo UBND tỉnh Đắk Nông; lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ;

- Thành phần đại biểu: dự kiến 150 người

- + Đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ;
- + Đại diện Lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ;
- + Đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo;
- + Lãnh đạo các Sở: Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Công thương; Thông tin và Truyền Thông; Văn hóa, Thể Thao và Du lịch; ...
- + Lãnh đạo: UBND TP. Gia Nghĩa, UBND các huyện;
- + Lãnh đạo các phòng thuộc UBND các huyện, thành phố: Kinh tế, Kinh tế hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- + Đại diện UBND các xã có diện tích trồng tiêu tiêu biểu trong khu vực chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Đắk Nông”;
- + Đại diện các đơn vị tham gia thí điểm cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Hạt tiêu Đắk Nông gồm: HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến, HTX Nông nghiệp Hữu cơ Đắk Nông, HTX Hưng Phát, Chi nhánh CTCP TM-DV-XNK Trân Châu; 10 đơn vị liên kết với Công ty Trân Châu, HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, HTX nông nghiệp - thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát, Công ty Cổ Phần Tonkin Spices, Công ty Cổ phần XNK An Phong Đắk Nông.
- + Đại diện các tổ chức: Tỉnh đoàn, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội hồ tiêu Đắk Song - Đắk Nông, Hiệp Hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ.

- + Các đơn vị truyền thông, báo chí: Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đắk Nông; Báo Đắk Nông, Báo Nhân dân, Báo Thông tấn xã Việt Nam, ...

d) Phối hợp triển khai

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông:

- Phụ trách việc liên hệ và mời các đại biểu: Bộ KH&CN; các cơ quan ban ngành trên địa bàn tỉnh;
- Phụ trách tiếp đón đại biểu;
- Chuẩn bị tổ chức sự kiện và các điều kiện cần thiết cho sự kiện;
- Chuẩn bị các phương án đảm bảo phòng dịch Covid-19.

Trung tâm CIPTEK:

- Chuẩn bị nội dung chương trình và tài liệu; phối hợp tổ chức sự kiện và trang trí hội trường, cơ sở vật chất;
- Phối hợp tiếp đón đại biểu. 3

Các đơn vị tham gia thí điểm

HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến, HTX Nông nghiệp Hữu cơ Đắk Nông, HTX Hưng Phát, Chi nhánh CTCP TM-DV-XNK Trân Châu; 10 đơn vị liên kết với Công ty Trân Châu, HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, HTX nông nghiệp - thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát, Công ty Cổ Phần Tonkin Spices, Công ty Cổ phần XNK An Phong Đắk Nông: Phối hợp triển khai in ấn sản phẩm mang CDĐL; trưng bày sản phẩm; phối hợp chuẩn bị quà tặng.

3.2.14.2. Kết quả

Sáng ngày 30/11/2021, tại Trung tâm hội nghị tỉnh Đắk Nông đã diễn ra hội nghị sơ kết hoạt động tạo lập chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” và Lễ công bố Quyết định và trao Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu.

Tham dự Lễ công bố có sự hiện diện của ông Lê Trọng Yên, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; ông Đinh Hữu Phí, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn cùng đại diện các tổ chức, doanh nghiệp, người sản xuất hạt tiêu và các đơn vị truyền thông của tỉnh.

Tại Lễ công bố, ông Đinh Hữu Phú, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đã trao Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu số 00111 cho ông Lê Trọng Yên – đại diện cho tỉnh Đắk Nông.



Hình 17. Cục trưởng Cục SHTT trao Giấy chứng nhận đăng ký CDDL hạt tiêu Đắk Nông cho đại diện UBND tỉnh Đắk Nông.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Đinh Hữu Phú nhấn mạnh “Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cần đẩy mạnh, phát triển hơn nữa nhằm gia tăng giá trị các sản phẩm tiềm năng của tỉnh. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu chỉ là bước khởi đầu, thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ với vai trò là Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý cần tiếp tục xây dựng các chính sách, tổ chức bộ máy quản lý, tạo điều kiện để các tổ chức, người sản xuất kinh doanh có thể sử dụng chỉ dẫn địa lý một cách hiệu quả”.

Ông Hoàng Văn Thuận, Giám đốc Sở KH&CN đã báo cáo kết quả tạo lập CDĐL “hạt tiêu Đắk Nông”. Ông Dương Thành Long, chủ nhiệm Đề tài đóng góp tham luận về đề xuất kế hoạch quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông. Ông Nguyễn Nho Lý, đại diện Hiệp hội Hồ Tiêu Đắk Song Đắk Nông tham gia đóng góp ý kiến đại diện cho tổ chức tập thể duy nhất về sản xuất – kinh doanh tiêu trên địa bàn tỉnh; ông Nguyễn Văn Hợp – đại diện Công ty Cổ phần Trân Châu tham gia đóng góp ý kiến của khối doanh nghiệp – nhà sản xuất.

Cũng tại buổi lễ, Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đã trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho 16 chủ thể sản xuất hạt tiêu tại tỉnh. Buổi lễ diễn ra trong không khí phấn khởi của chính quyền địa phương, của các nhà sản xuất kinh doanh sản phẩm hạt tiêu trên địa bàn tỉnh.



Hình 18. Các sản phẩm hạt tiêu mang CDĐL Đắk Nông



Hình 19. Đại biểu tham dự Hội nghị Sơ kết và Lễ Công bố

3.3. Nội dung 3 – Quản lý CDDL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu

3.3.1. Nghiên cứu, đề xuất và thông qua mô hình phối hợp quản lý CDDL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

3.3.1.1. Các công việc đã triển khai

- Khảo sát, nghiên cứu tài liệu, tổng kết kết quả nghiên cứu, kinh nghiệm thực tiễn đối với mô hình quản lý CDDL.
- Đề xuất sơ đồ mô hình quản lý CDDL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hồ tiêu Tỉnh Đắk Nông.
- Tổ chức hội thảo thống nhất mô hình (Mã số hội thảo: HT3)
- Điều chỉnh mô hình (theo điều chỉnh của địa phương)
- Hoàn thiện, tập huấn triển khai mô hình.

Kết quả các công việc cụ thể như sau đây:

3.3.1.2. Khảo sát, nghiên cứu tài liệu, tổng kết kết quả nghiên cứu, kinh nghiệm thực tiễn đối với mô hình quản lý CDĐL

a) Mô hình chung về quản lý CDĐL

CDĐL liên quan mật thiết đến tên địa danh. Theo quy định, các địa danh thuộc quyền quản lý của nhà nước, cụ thể: Theo quy định tại Điều 4.22, Điều 11 Luật SHTT năm 2005 và Điều 3 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, quản lý Nhà nước đối với các dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý (địa danh) được quy định như sau:

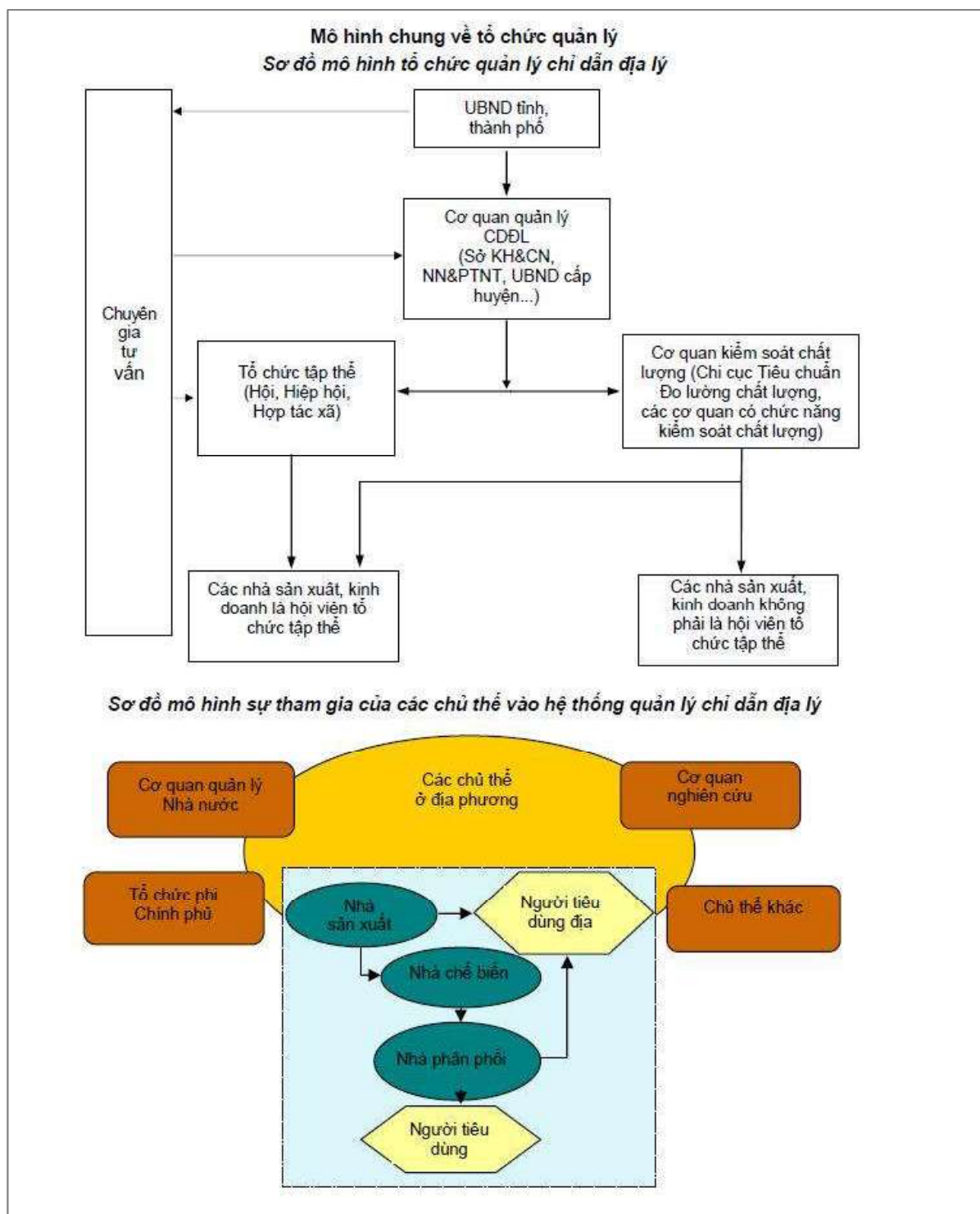
- Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện xác lập quyền cho các dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý dùng cho các đặc sản địa phương, các sản phẩm/dịch vụ truyền thống.

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý các dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý tại địa phương.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Văn hoá-Thể thao-Du lịch hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý các dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý tại địa phương dùng cho các đặc sản địa phương, các sản phẩm/dịch vụ truyền thống liên quan đến lĩnh vực mà mỗi Bộ quản lý

Xuất phát từ quy định quản lý nhà nước đối với địa danh, trong mô hình quản lý CDĐL, luôn luôn có sự hiện diện của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy vậy, CDĐL được đăng ký nhằm hỗ trợ sự phát triển của cộng đồng các nhà sản xuất kinh doanh. Chính các chủ thể sản xuất kinh doanh mới là chủ thể sử dụng CDĐL. Do vậy, trong mô hình quản lý và sử dụng CDĐL, luôn có sự phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa nhà nước và cộng đồng.

Theo lịch sử hình thành và phát triển CDĐL, các nhà khoa học đã tổng hợp được mô hình chung về quản lý và sử dụng địa lý như sau đây:



Hình 20. Mô hình chung về tổ chức quản lý CDĐL

b) Thuyết minh vai trò của các chủ thể trong mô hình quản lý

Vai trò của cơ quan quản lý

- Kiểm soát việc sử dụng CDĐL phù hợp với quy định về sử dụng CDĐL đã được ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Tiến hành các biện pháp chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL;
- Tiến hành các biện pháp phát triển uy tín, danh tiếng và giá trị của CDĐL.
- Để thực hiện được nội dung quản lý nêu trên, cơ quan quản lý CDĐL phải thành lập hoặc trao cho cơ quan trực thuộc thực hiện chức năng kiểm soát chất lượng

Vai trò của Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm mang CDĐL.

- Kiểm tra, đánh giá chất lượng và xác nhận sản phẩm đủ điều kiện mang CDĐL: hoạt động này là cần thiết trong trường hợp: có yêu cầu trao quyền sử dụng CDĐL, yêu cầu kiểm tra và xác nhận cho lô sản phẩm (của các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng CDĐL đưa ra thị trường) và trong xử lý xâm phạm quyền đối với CDĐL; kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ về chất lượng sản phẩm của các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL. Phương pháp lấy mẫu và xác định chất lượng được sử dụng là phương pháp đã được sử dụng khi tiến hành xác định tính đặc thù của sản phẩm để đăng ký CDĐL.
- Kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng CDĐL (chất lượng sản phẩm và các điều kiện tự nhiên, con người vùng sản xuất sản phẩm) và trao quyền sử dụng CDĐL: để có cơ sở trao quyền sử dụng CDĐL cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu, ngoài xác nhận của cơ quan quản lý nội bộ về khả năng sử dụng CDĐL, cơ quan quản lý CDĐL phải đánh giá các điều kiện sau: sản phẩm được sản xuất tại vùng lãnh thổ tương ứng với CDĐL; các nhà sản xuất áp dụng nghiêm chỉnh quy trình canh tác, sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm... đã được ban hành; và sản phẩm phải có chất lượng đặc thù như đã được đăng ký.
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang CDĐL được lưu thông, tiêu thụ trên thị trường;
- Cấp và quản lý việc sử dụng tem xác nhận chất lượng sản phẩm mang CDĐL (nếu có);
- Kiểm tra, phát hiện và đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm phát sinh trong quá trình sử dụng CDĐL.

Vai trò của các tổ chức tập thể

- Xem xét, xác nhận đủ điều kiện và yêu cầu cơ quan quản lý CDĐL trao quyền sử dụng CDĐL cho các thành viên;
- Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên (diện tích, sản lượng, địa điểm, năng lực sản xuất... của từng thành viên);
- Nghiên cứu, xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức áp dụng, kiểm soát việc áp dụng các quy định về canh tác, chế biến, bảo quản, quy trình sản xuất nông sản mang CDĐL;

- Xây dựng (thuê khoán thiết kế) và quản lý việc sử dụng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, hệ thống quầy, kệ trưng bày sản phẩm...(tổ chức cấp tem nhãn, bao bì sản phẩm cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu; theo dõi, quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì...); địa lý trao quyền sử dụng CDĐL cho các thành viên;
- Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên (diện tích, sản lượng, địa điểm, năng lực sản xuất... của từng thành viên);
- Nghiên cứu, xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức áp dụng, kiểm soát việc áp dụng các quy định về canh tác, chế biến, bảo quản, quy trình sản xuất nông sản mang CDĐL;
- Xây dựng (thuê khoán thiết kế) và quản lý việc sử dụng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, hệ thống quầy, kệ trưng bày sản phẩm...(tổ chức cấp tem nhãn, bao bì sản phẩm cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu; theo dõi, quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì...);
- Nghiên cứu và tổ chức áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng nông sản mang CDĐL;
- Điều tra, nghiên cứu và tổ chức triển khai các kênh thương mại cho sản phẩm nhằm quảng bá rộng rãi và nâng cao giá trị kinh tế cho nông sản mang CDĐL.

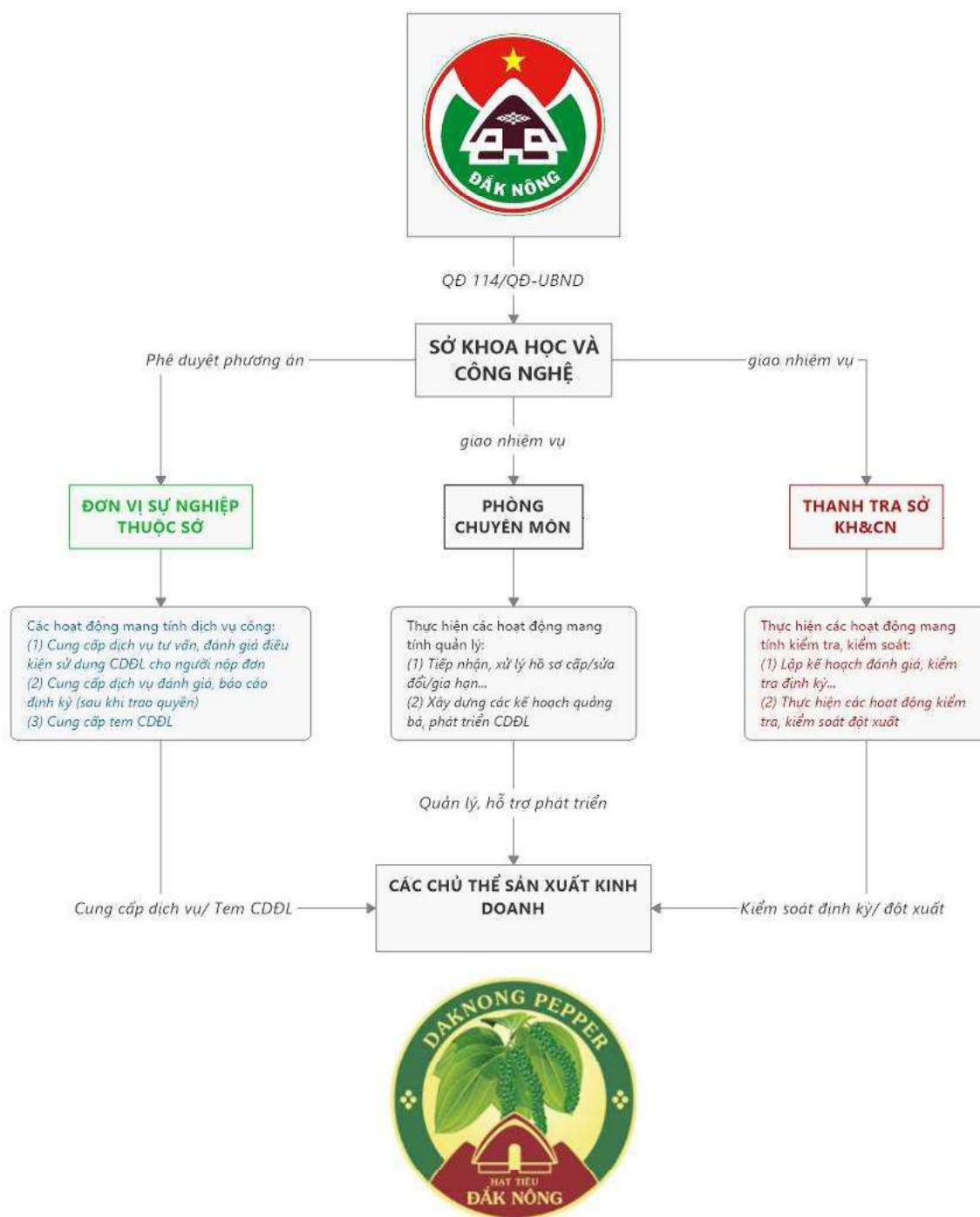
3.3.1.3. *Mô hình quản lý và sử dụng CDĐL “Đắk Nông”*

Xuất phát từ quy định pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với CDĐL, các mô hình quản lý CDĐL đều có những điểm chung nhất định. Tuy nhiên trên thực tế, mỗi CDĐL sẽ có những mô hình quản lý được tinh chỉnh phù hợp với riêng CDĐL đó. Điều này là căn cứ vào các yếu tố: điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, đặc thù cụ thể của từng CDĐL và mục tiêu, định hướng về quản lý – sử dụng – phát triển CDĐL đó.

Mô hình quản lý và sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông có sự kế thừa, học tập các kinh nghiệm từ các địa phương trên cơ sở mô hình chung về quản lý CDĐL; kết hợp với các sáng tạo, đổi mới riêng có phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Đắk Nông cũng như đặc thù ngành sản xuất hồ tiêu Đắk Nông.

Theo đó, có thể diễn giải mô hình quản lý và sử dụng CDĐL “Đắk Nông” như sơ đồ và phần thuyết minh chi tiết dưới đây:

a) Sơ đồ mô hình



Hình 21. Sơ đồ mô hình quản lý CDDL hạt tiêu Đắk Nông

b) Cơ chế quản lý và phối hợp quản lý – kiểm soát đối với CDDL

UBND tỉnh Đắk Nông

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông là cơ quan quản lý nhà nước đối với các chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh, xây dựng và ban hành chính sách quản lý và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật. Ủy ban

nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định việc trao quyền quản lý, và sử dụng chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương. Ngày 21/01/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND về việc ủy quyền đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và cấp phép đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ địa danh “Đắk Nông”. Theo đó, cơ chế quản lý đối với chỉ dẫn địa lý được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định như sau:

Sở KH&CN

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ủy quyền đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và cấp phép đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ địa danh “Đắk Nông”; và Quy chế phối hợp số 1934/QCPH-SNN-SKH&CN-SCT ký kết ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông và Sở Công thương tỉnh Đắk Nông về xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông là đơn vị chủ trì, làm đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức việc xây dựng, quản lý chỉ dẫn địa lý, tiến hành trao quyền sử dụng, giám sát và kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

Theo đó, Sở KH&CN triển khai hoạt động quản lý bằng cách quy định cụ thể các nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở, cụ thể:

-  *Giao cho phòng chuyên môn thực hiện các chức năng mang tính quản lý nhà nước trong hoạt động trao quyền sử dụng CDĐL, quảng bá và phát triển CDĐL*
 - Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký sử dụng CDĐL;
 - Xây dựng các kế hoạch quảng bá, phát triển CDĐL
 - Kinh phí hoạt động: Từ kinh phí quản lý cấp cho cơ quan nhà nước
-  *Giao cho một đơn vị sự nghiệp thực hiện các quyền mang tính dân sự*
 - Cung cấp dịch vụ tư vấn, thẩm định điều kiện
 - Cung cấp tem chỉ dẫn địa lý
 - Cung cấp dịch vụ đánh giá, báo cáo định kỳ

 *Giao cho thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ kiểm soát định kỳ/ đột xuất*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thông kê thông tin vùng trồng, các cơ sở chế biến, đóng gói sản phẩm hạt tiêu trên địa bàn toàn tỉnh; hỗ trợ các chủ thể sản xuất và kinh doanh xây dựng hồ sơ để cấp mã vùng trồng theo quy định;
- Nghiên cứu, đề xuất, chủ trì thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài về phát triển bền vững sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý;
- Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động quản lý, thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Điều 1 Quyết định này.

Sở Công Thương

- Triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế đối với sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý;
- Phối hợp thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài có liên quan đến quảng bá và phát triển thương hiệu cho sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý;
- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động quản lý, thực thi các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến chỉ dẫn địa lý.

Đài phát thanh và truyền hình Đắk Nông, Báo Đắk Nông.

- Chủ động xây dựng các tin, bài, phóng sự để hỗ trợ quảng bá chỉ dẫn địa lý tiêu Đắk Nông;
- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để đưa tin quảng bá chỉ dẫn địa lý của tỉnh.

Các sở, ban, ngành tỉnh và ủy ban nhân dân cấp huyện

Các sở, ban, ngành tỉnh và ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát và xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Đắk Nông trên thị trường theo quy định.

Các hội, hiệp hội hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- Thông tin rộng rãi chủ trương của tỉnh về đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông đến toàn thể hội viên và đối tác;
- Thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ đối với hoạt động sản xuất hồ tiêu của các thành viên nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng, kiểm soát việc áp dụng các quy định về canh tác, chế biến, bảo quản, quy trình sản xuất sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông phù hợp với tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu;
- Hỗ trợ thành viên triển khai và phát triển các kênh thương mại cho sản phẩm nhằm quảng bá rộng rãi và nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý.

c) Cơ chế sử dụng chỉ dẫn địa lý

- Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Đắk Nông được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý của Tổ chức quản lý;
- Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý quy định chi tiết việc trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường.

d) Cơ chế đánh giá, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý

Các chủ thể tham gia đánh giá, kiểm soát chỉ dẫn địa lý

- Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý (thực hiện quyền sở hữu nhà nước đối với chỉ dẫn địa lý theo quy định);
- Các cơ quan quản lý nhà nước khác (thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định);

- Các tổ chức chứng nhận độc lập được Tổ chức quản lý công nhận hoặc chỉ định (thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá, kiểm soát, chứng nhận, ...);
- Các chủ thể được trao quyền (thực hiện hoạt động tự kiểm soát);
- Các tổ chức tập thể được trao quyền (thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ đối với các thành viên).

Các hoạt động đánh giá, kiểm soát

- Hoạt động đánh giá, kiểm tra điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý trước khi cấp Giấy chứng nhận do Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc tổ chức chứng nhận độc lập thực hiện;
- Hoạt động đánh giá, kiểm soát định kỳ hàng năm đối với sự tuân thủ của các chủ thể đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý do Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc Tổ chức chứng nhận độc lập thực hiện;
- Hoạt động kiểm tra đột xuất đối với sự tuân thủ của các chủ thể đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý do Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện;
- Hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý lưu thông trên thị trường do Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện;
- Hoạt động tự đánh giá, tự kiểm soát của chủ thể đã được trao quyền, bao gồm: Các hoạt động tự kiểm soát của các chủ thể được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Đắk Nông nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý; Các hoạt động của các tổ chức tập thể (hội, hiệp hội, hợp tác xã, tổ hợp tác....) để đánh giá và kiểm soát việc tuân thủ của Hội viên đối với các quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Các phương pháp đánh giá, kiểm soát

Tổ chức quản lý quy định chi tiết các phương pháp đánh giá, kiểm soát đối với chất lượng của sản phẩm hạt tiêu mang chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” phù hợp với các điều kiện thực tiễn tại địa phương và các quy định pháp luật hiện

hành; các phương pháp đánh giá, kiểm soát được xây dựng theo hướng đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng vào thực tế.

đ) Sự tham gia của Tổ chức chứng nhận độc lập

“Tổ chức chứng nhận độc lập” là các tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận đặc tính (chất lượng, nguồn gốc,...) của hàng hóa/dịch vụ phù hợp với chức năng mà pháp luật quy định, hoặc được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ, quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ... của tổ chức đó mà được Tổ chức quản lý CDĐL giao, thuê, ủy quyền, chỉ định hoặc công nhận để thực hiện hoạt động đánh giá điều kiện sử dụng CDĐL; kiểm soát tuân thủ đối với người sử dụng CDĐL.

Tổ chức quản lý CDĐL khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; các tổ chức chứng nhận nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông sản; các tổ chức chứng nhận quy trình sản xuất; các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan nhà nước có dịch vụ đánh giá, kiểm nghiệm tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, đánh giá, chứng nhận liên quan đến điều kiện sử dụng CDĐL.

Để được tham gia hệ thống quản lý – sử dụng – kiểm soát CDĐL hạt tiêu Đắk Nông, các tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận độc lập phải làm đơn đề nghị Tổ chức quản lý CDĐL công nhận trước khi tiến hành cung cấp dịch vụ. Tổ chức tư vấn và các tổ chức chứng nhận độc lập được cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến chuẩn bị hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận; tư vấn về đảm bảo điều kiện sử dụng CDĐL, đảm bảo tuân thủ quy định về sử dụng CDĐL. Ngoài các hoạt động tư vấn nêu trên, Tổ chức chứng nhận độc lập được phép cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá điều kiện sử dụng CDĐL cho người nộp đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận; dịch vụ đánh giá, kiểm soát định kỳ đối với sự tuân thủ của người sử dụng CDĐL.

Hồ sơ đề nghị công nhận:

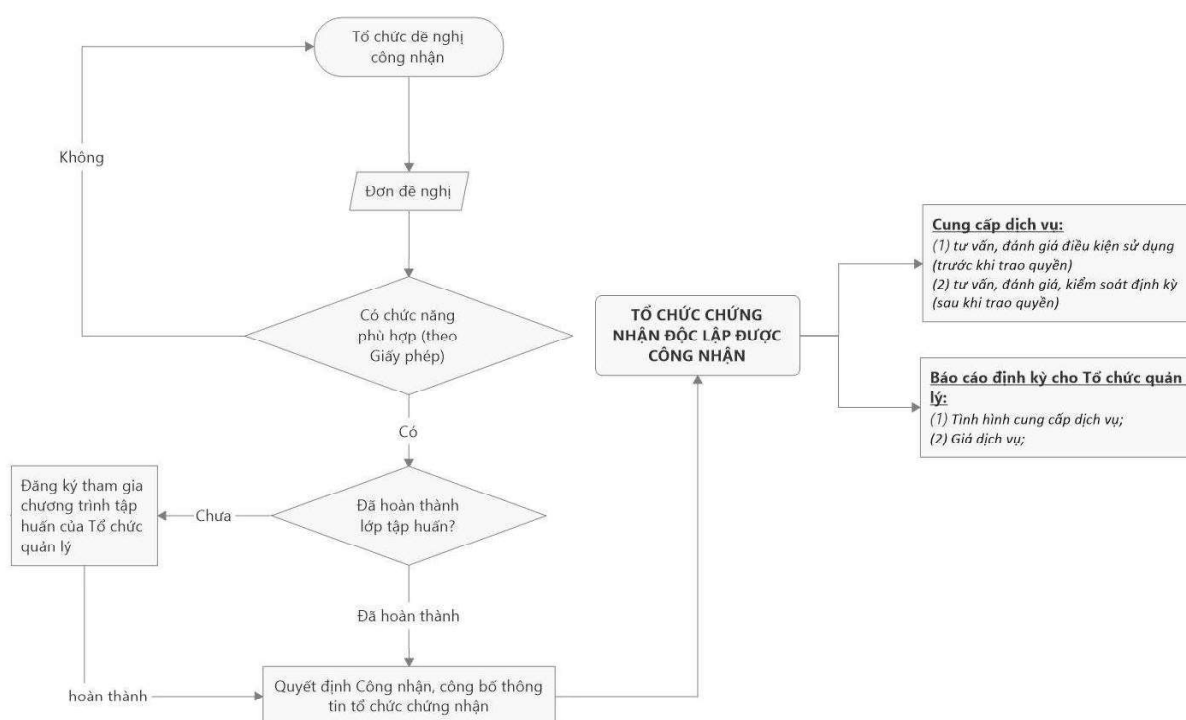
- Giấy chứng nhận hoạt động hợp pháp do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Bản thuyết minh năng lực của Tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận bao gồm: lịch sử thành lập và hoạt động, điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện nhân lực, điều kiện tài chính;

- Danh sách chuyên gia;

- Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn về hệ thống quản lý và kiểm soát CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông do Tổ chức quản lý CDĐL tổ chức;

- Đối với tổ chức chứng nhận độc lập, ngoài các tài liệu nêu trên còn phải kèm theo Giấy chứng nhận tổ chức đạt một trong các tiêu chuẩn: TCVN IEC/ISO 17065: 2013 - Đánh giá sự phù hợp - yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ; TCVN ISO/IEC 17021, Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý; TCVN ISO/IEC 17025, Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn hoặc các tiêu chuẩn tương đương.



Hình 22. Sơ đồ trình tự công nhận tổ chức chứng nhận độc lập

3.3.2. Xây dựng dự thảo Quy định về quản lý CDĐL

3.3.3. Hoạt động xây dựng các tài liệu, biểu mẫu

Nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý và sử dụng CDĐL, đơn vị chủ trì đã xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý và trình cơ quan quản lý ban hành các tài liệu, biểu mẫu gồm:

- Mẫu HT-01: Đơn đăng ký cấp, sửa đổi, gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

- Mẫu HT-02: Biên bản kết quả đánh giá điều kiện sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

- Mẫu HT-03: Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

- Mẫu HT-04: Mẫu biên bản về việc đánh giá, kiểm soát tuân thủ các quy định về sử dụng CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

3.3.4. Hoạt động xây dựng hệ thống các văn bản quản lý

3.3.4.1. Các công việc đã thực hiện:

- Nghiên cứu các văn bản pháp luật, tìm hiểu, thu thập thông tin liên quan.
- Xây dựng dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL.
- Xây dựng dự thảo Quy định về cấp, sửa đổi, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.
- Xây dựng dự thảo Quy định về kiểm soát việc sử dụng CDĐL;
- Tổ chức hội thảo giới thiệu nội dung dự thảo lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo các hội thảo (Mã số hội thảo: HT3)

3.3.4.2. Kết quả

Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu đề xuất, các ý kiến góp ý và các điều chỉnh từ địa phương, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện được các dự thảo văn bản để các cơ quan quản lý ban hành gồm:

- Quy chế quản lý và sử dụng Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông và các hướng dẫn về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm soát tuân thủ được ban hành kèm theo Quyết định số: 183/QĐ-SKHCN ngày 29/11/2021 của Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông.

Nội dung Quy chế gồm 6 Chương, 29 Điều và kèm theo 06 Phụ lục gồm:

- + Phụ lục I: Logo CDĐL hạt tiêu Đắk Nông;
- + Phụ lục II: Khu vực địa lý vùng sản xuất sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL hạt tiêu Đắk Nông;
- + Phụ lục III: Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được phép gắn tem CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

- Hướng dẫn thực hiện quy định về cấp, sửa đổi, gia hạn và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông được ban hành kèm theo

Quyết định số: 184/QĐ-SKHCN ngày 29/11/2021 của Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông

- Hướng dẫn hoạt động kiểm soát việc sử dụng CDĐL và kiểm soát chất lượng sản phẩm mang CDĐL hạt tiêu Đắk Nông được ban hành kèm theo Quyết định số: 185/QĐ-SKHCN ngày 29/11/2021 của Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông,

- Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho logo của CDĐL: Xem 3.2.9)

3.3.5. Kết quả xây dựng công cụ hỗ trợ quảng bá và nhận diện CDĐL

3.3.5.1. Các công việc đã triển khai

Để xây dựng hệ thống các phương tiện hỗ trợ quảng bá và nhận diện CDĐL, đơn vị chủ trì đã tiến hành các công việc gồm:

- Xây dựng Sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng CDĐL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông: soạn thảo nội dung và thuê khoán đơn vị thiết kế mỹ thuật, bảo đảm tính thẩm mỹ và khả năng chuyển tải nội dung tới người sử dụng. Số lượng: 1.000 bản in.

- Tạo lập kênh thông tin điện tử chính thức của CDĐL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông

- Thiết kế hệ thống tem chứng nhận sản phẩm hồ tiêu đạt điều kiện mang CDĐL “Đắk Nông”

- Thiết kế mẫu bảng chỉ dẫn nhà vườn tham gia chuỗi sản xuất sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”.

- Xây dựng đoạn phim phóng sự 15 phút về CDĐL “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

- Tổ chức Hội thảo báo cáo hoàn thiện nội dung sửa đổi các dự thảo văn bản quản lý và hệ thống công cụ quảng bá. (Mã số hội thảo: HT4).

3.3.5.2. Xây dựng sổ tay

Đơn vị đã thực hiện thiết kế ý tưởng sổ tay và xây dựng nội dung sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỔ TAY
HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG

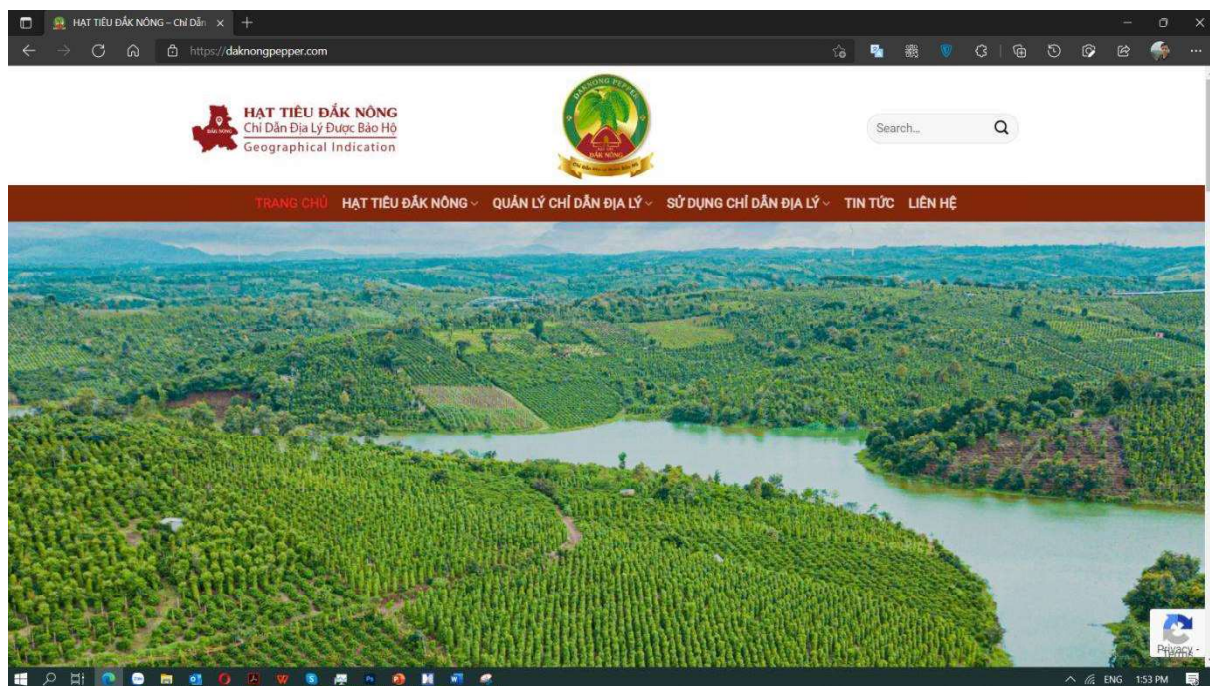


ĐẮK NÔNG, NĂM 2021
- Lưu hành nội bộ -

Hình 23. Trang bìa sổ tay

3.3.5.3. *Kênh thông tin điện tử chính thức của CDĐL “Đắk Nông”*

Đơn vị chủ trì đã xây dựng 01 website để cập nhật các thông tin cơ liên quan đến CDĐL.



Hình 24. Trang website

a) *Thông tin website:*

- Tên miền: Daknongpepper.com
- Thời gian đăng ký tên miền: 05 năm
- Tổ chức đăng ký tên miền: Sở KH&CN Tỉnh Đắk Nông .
- Thời gian thuê hosting: 03 năm *(Do quá trình triển khai kéo dài vì các yếu tố khách quan, đơn vị chủ trì đã gia hạn thêm 01 năm thời gian thuê hosting so với thuyết minh nhiệm vụ).*

b) *Vận hành thử nghiệm website*

Đơn vị chủ trì phối hợp với tổ chức quản lý CDĐL thử nghiệm vận hành trang thông tin chỉ dẫn địa lý, đăng tải các văn bản quản lý CDĐL; thông tin người sử dụng được cấp quyền; thông tin về bảo hộ CDĐL, ...

Trước mắt, trang thông tin là địa chỉ để người tiêu dùng tìm hiểu thêm về hoạt động quản lý – sử dụng – kiểm soát CDĐL. Trong thời gian sắp tới, tổ chức quản lý CDĐL cần phân công cụ thể người quản trị website hoặc thuê các đơn vị vận hành thay thế để duy trì hoạt động của trang website.

3.3.5.4. *Thiết kế hệ thống tem CDĐL có thể tích hợp giải pháp truy xuất thông tin sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”*

Theo mục tiêu của Đề tài đặt ra, đơn vị chủ trì đã nghiên cứu và đề xuất các mẫu tem dùng cho sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL. Trong đó có mẫu tem dùng chung (do Tổ chức quản lý cung cấp), có mẫu tem tích hợp thông tin của Doanh nghiệp.



Hình 25. Đề xuất mẫu tem chung



Hình 26. Ví dụ triển khai mẫu tem chung



Hình 27. Đề xuất sơ đồ quản lý tem



Hình 28. Đề xuất mẫu tem tích hợp thông tin doanh nghiệp



Hình 29. Tem tích hợp thông tin doanh nghiệp triển khai trên thực tế

3.3.5.5. Thiết kế và hướng dẫn sử dụng mẫu bảng chỉ dẫn nhà vườn tham gia chuỗi sản xuất sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắk Nông”.

Hướng dẫn bố trí thông tin bảng hiệu

a. Ở vườn sản xuất

 SỐ GCN	TÊN ĐƠN VỊ Địa chỉ Điện thoại VƯỜN TIÊU ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ Địa điểm: Diện tích:
---	---

Ví dụ: Bảng hiệu ở vườn sản xuất

 GCN QSD CDĐL SỐ: GI-111/0002	HỢP TÁC XÃ HỒ TIÊU HỮU CƠ BÌNH TIẾN Thôn 8, xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông Điện thoại: 0396 752 535 - 091 133 275 VƯỜN TIÊU ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ Địa điểm: Thôn Nam, xã Thuận Hà Diện tích: 157,5 ha
---	--

b. Ở khu vực kinh doanh

 SỐ GCN	THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TỰ BỐ TRÍ THEO QUY ĐỊNH VỀ BIỂU HIỆU Ở ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH
--	---

b) Thiết kế và thi công 03 bảng cho 03 đơn vị thí điểm

Đơn vị chủ trì đã thiết kế bảng hiệu cho các đơn vị thí điểm để chuẩn bị gắn ở vườn sản xuất sau khi được trao GCN quyền sử dụng CDDL.



Hình 30. Hình bảng chỉ dẫn vườn sản xuất của một đơn vị được thí điểm

3.3.5.6. Thiết kế poster, standee

Đơn vị chủ trì cũng đã thiết kế các vật liệu quảng bá khác nhằm phục vụ hoạt động tuyên truyền, quảng bá cho CDDL “Đắk Nông” như backdrop, background sự kiện; standee sự kiện.

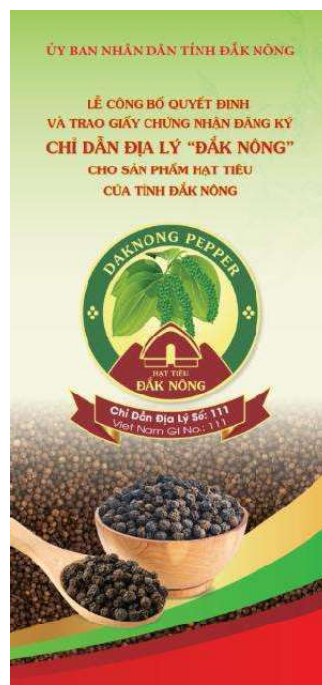
Các vật phẩm được thiết kế dưới dạng mẫu có thể thay đổi được từ ngữ để tổ chức quản lý có thể sử dụng cho các sự kiện, các thời gian và địa điểm khác nhau nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí thiết kế.



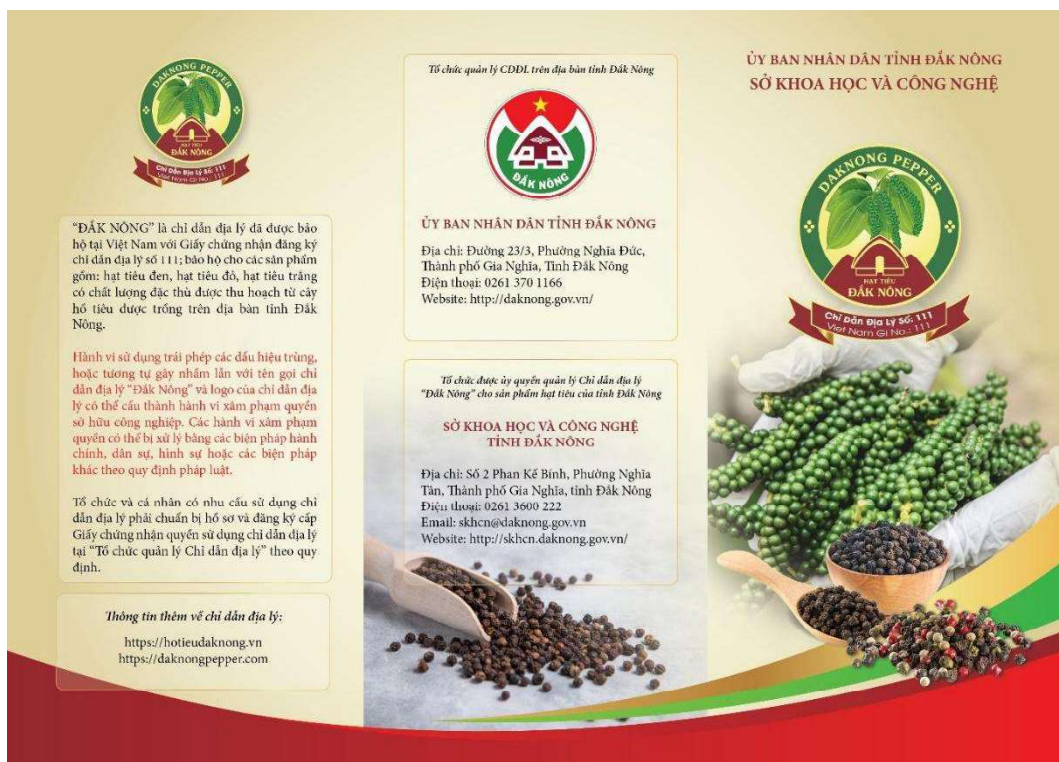
Hình 31. Backdrop Lễ Công bố



Hình 32. Bandroll chào mừng



Hình 33. Standee sự kiện



Hình 34. Tờ rơi giới thiệu

CHỈ DẪN ĐỊA LÝ HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG

Tỉnh Đắk Nông nằm ở cửa ngõ phía tây nam của Tây Nguyên, có độ cao trung bình từ 600m đến 700m so với mặt nước biển, có tầng đất dày, tơi xốp, có khả năng thấm và giữ nước tốt cùng hàm lượng dinh dưỡng cao giàu hữu cơ, khoáng chất đã tạo sự thích hợp phát triển cho các loại cây như hồ tiêu, cà phê, bơ, sầu riêng....

Cây hồ tiêu đã vươn mình phát triển, trở thành cây trồng chủ lực của địa phương. Diện tích hồ tiêu trên địa bàn tỉnh tăng liên tục từ năm 2002 với 550ha đến năm 2020 đạt 33.591ha, sản lượng đạt 60.049 tấn, nổi tiếng là vùng có năng suất hồ tiêu cao nhất Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu thế giới.

Mang trên mình danh tiếng nổi trội ở thị trường trong và ngoài nước cùng với đó là sự đánh giá cao về chất lượng đặc thù, hạt tiêu Đắk Nông đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00111 theo Quyết định số 5157/QĐ-SHTT ngày 09/11/2021.

Chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Đắk Nông” là dấu hiệu dùng để chỉ các sản phẩm gồm hạt tiêu đen, hạt tiêu đỏ, hạt tiêu trắng có chất lượng đặc thù được thu hoạch từ cây hồ tiêu trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

KHU VỰC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG

Khu vực chỉ dẫn địa lý được bảo hộ gồm địa bàn các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Nông, nơi có yếu tố tự nhiên, thổ nhưỡng đáp ứng các tiêu chí sau:

- Loại đất sản xuất: đất đỏ bazan; thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng; pHKCl từ < 5; hàm lượng chất hữu cơ từ trung bình đến khá giàu;
- Độ cao tuyệt đối: dưới 1500m;
- Độ dốc < 25°;
- Lượng mưa: từ 1500 - 2500 mm/năm;
- Nhiệt độ: từ 10 - 40°C.

Bản đồ khu vực Chỉ dẫn địa lý

CHẤT LƯỢNG ĐẶC THÙ CỦA HẠT TIÊU ĐẮK NÔNG

Tiêu chí cảm quan	Các đặc điểm lý hóa
Hạt tiêu đen	
Màu sắc: đen hơi nâu	Dung trọng: 550 - 590 (g/l)
Bề mặt hạt: nhẵn	Độ ẩm: 10.17 - 11.82 (%)
Hình dáng hạt: tròn, đều	Piperine: 5.23 - 7.45 (%)
Kích thước hạt: trung bình (trong khoảng 4 - 5mm)	Tính dầu bay hơi: 2.16 - 2.64 (ml/100gr)
Độ chắc của hạt: chắc	Fe: 54.42 - 605.44 (µg/kg)
Hương: thơm	Mn: 20.65 - 40.52 (µg/kg)
Vị: cay, có vị ngọt	
Hạt tiêu trắng	
Màu sắc: trắng ngà	Dung trọng: 622 - 640 (g/l)
Bề mặt: có các đường gân chạy dọc	Độ ẩm: 10.11 - 11.38 (%)
Hình dáng: tròn, đều	Piperine: 5.94 - 7.51 (%)
Kích thước: trung bình (trong khoảng 3.5 - 4mm)	Tính dầu bay hơi: 1.76 - 2.12 (ml/100gr)
Độ chắc của hạt: chắc	Fe: 45.89 - 457.2 (µg/kg)
Hương: thơm	Mn: 9.45 - 78.45 (µg/kg)
Vị: cay	
Hạt tiêu đỏ	
Màu sắc: nâu đỏ	Dung trọng: 574 - 593 (g/l)
Bề mặt: vỏ nhẵn	Độ ẩm: 10.11 - 11.12 (%)
Hình dáng: tròn, đều	Piperine: 4.07 - 4.62 (%)
Kích thước hạt: trung bình (trong khoảng 4 - 5 mm)	Tính dầu bay hơi: 2.56 - 2.9 (ml/100gr)
Độ chắc của hạt: chắc	Fe: 198.4 - 367.8 (µg/kg)
Hương: thơm	Mn: 0.034 - 123.8 (µg/kg)
Vị: cay, có vị ngọt	

Hình 35. Tờ rơi giới thiệu

3.3.5.7. Đoạn phim phóng sự về hồ tiêu và CDDL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông

Nội dung phóng sự:

+ Giới thiệu về doanh tiếng, chất lượng của sản phẩm hồ tiêu Tỉnh Đắk Nông

+ Thực trạng về hiện trạng trồng, kinh doanh sản phẩm, tiềm năng và định hướng phát triển

+Vai trò của CDDL trong việc bảo vệ và phát triển giá trị kinh tế sản phẩm mang CDDL.



Hình 36. Phóng sự hồ tiêu Đắk Nông

3.3.6. Tổ chức Hội thảo góp ý hoàn thiện mô hình quản lý và Quy định về quản lý CDDL “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông

3.3.7. Xây dựng mẫu Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông để áp dụng cho các tổ chức tập thể có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý

Do đặc thù sản xuất nông nghiệp ở nước ta, có rất nhiều các hộ sản xuất nhỏ không thể tự mình đứng ra chuẩn bị các hồ sơ để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý. Thay vào đó, các tổ chức tập thể (Hội, tổ hợp tác, hợp tác xã) thường đứng ra đại diện cho các thành viên để yêu cầu cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý. Đơn vị quản lý chỉ dẫn địa lý có thể trao quyền sử dụng cho các tổ chức tập thể như vậy, tuy nhiên phải buộc các tổ chức này làm rõ cách thức quản lý nội bộ giữa các thành viên của tổ chức tập thể về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý nhằm đảm bảo việc quản lý sử dụng chỉ dẫn địa lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Tuy nhiên, trong thực tế, các tổ chức tập thể cũng còn rất lúng túng trong việc xây dựng được Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý. Do vậy, nhằm đảm bảo tính khả thi trong hoạt động triển khai trao quyền, các đơn vị quản lý chỉ dẫn địa lý thường soạn thảo Quy chế mẫu cho các tổ chức tập thể để họ tham khảo và vận dụng.

3.3.7.1. Các công việc đã triển khai

- Nghiên cứu các quy định liên quan và thực tiễn tại địa phương để xây dựng Quy chế phù hợp
- Xây dựng mẫu Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Đắk Song” dùng cho sản phẩm hồ tiêu để áp dụng cho các tổ chức tập thể có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý.
- Tổ chức lấy ý kiến góp ý hoàn thiện

3.3.7.2. Kết quả hoàn thiện

Xem mẫu quy chế tại Phụ lục 14.

3.3.8. Các hội thảo, tập huấn phục vụ nội dung quản lý CDDL

3.3.8.1. Hội thảo góp ý hoàn thiện mô hình quản lý và Quy định về quản lý CDDL “Đắk Song” cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông.

Mã số Hội nghị/hội thảo: **HT-3**

Thời lượng: 01 buổi, 15/04/2021

Địa điểm: Hội trường Sở KH&CN

Thành phần: Đại diện UBND tỉnh Đắk Nông; Đại diện UBND huyện Đắk Song; Đại diện các Sở: KH&CN, NN&PTNT, Công thương; các đơn vị truyền thông; các tổ chức và cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu; các chuyên gia về tiêu, về sở hữu trí tuệ; ...

Nội dung Hội thảo:

- Giới thiệu nội dung Dự thảo Sơ đồ Mô hình phối hợp quản lý CDĐL (17.3.1);
- Giới thiệu nội dung Dự thảo Quy định về Quản lý CDĐL (17.3.2);
- Thảo luận, góp ý.

3.3.8.2. *Hội thảo góp ý hoàn thiện: Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL; Quy định về Kiểm soát CDĐL.*

Mã số Hội nghị/hội thảo: **HT-4**

Thời lượng: 01 buổi

Địa điểm: Tổ chức online qua ứng dụng zoom

Thành phần: Đại diện UBND tỉnh Đắk Nông; Đại diện UBND huyện Đắk Song; Đại diện các Sở: KH&CN, NN&PTNT, Công thương; các đơn vị truyền thông; các tổ chức và cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu; các chuyên gia về tiêu, về sở hữu trí tuệ; ...

Nội dung Hội thảo:

- Giới thiệu nội dung Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL; Quy định về Kiểm soát CDĐL;
- Thảo luận, góp ý.

3.3.8.3. *Tập huấn 1: Cho đối tượng là cơ quan quản lý*

a) *Đối tượng tập huấn: Cán bộ quản lý CDĐL*

b) *Nội dung tập huấn*

- Tập huấn về quy định quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông;

- Hướng dẫn các công tác phục vụ quản lý chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông: Hướng dẫn các bước thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông; Hướng dẫn các bước tiến hành hoạt động kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho quả thanh của Tỉnh Đắk Nông.

c) *Thời gian và địa điểm:*

Tập huấn được diễn ra từ 08h00 đến 11h00 ngày 29 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Đắk Nông.

c) *Đánh giá chung kết quả tập huấn*

Quá trình tổ chức tập huấn cơ bản đạt được mục tiêu, yêu cầu đã đề ra. Buổi tập huấn đã triển khai thành công những quy định về Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” dùng cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông đến các đối tượng là cán bộ thuộc cơ quan tham gia quản lý chỉ dẫn địa lý được quy định tại quy chế. Các cán bộ tham dự tập huấn bước đầu được tiếp cận cơ bản công tác quản lý chỉ dẫn địa lý như quy định về thẩm định điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, các quy định và tiến hành kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý của người sử dụng. Qua buổi tập huấn sẽ tạo thuận lợi hơn trong việc phối hợp chặt chẽ quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý giữa cơ quan quản lý và người sử dụng, tạo điều kiện đưa mô hình vận hành hiệu quả vào thực tế.

Những tồn tại, hạn chế: Thời gian thực hành, trao đổi thảo luận còn hạn chế do quỹ thời gian tập huấn ít mà các nội dung tập huấn cần triển khai nhiều. Vì vậy nhằm đảm bảo công tác quản lý và vận hành mô hình chỉ dẫn địa lý hiệu quả, kết thúc buổi tập huấn đại diện Đơn vị tư vấn cung cấp thêm thông tin liên hệ để các cán bộ có thể góp ý và trao đổi trực tiếp sau buổi tập huấn; chưa triển khai chi tiết và cụ thể các bước thẩm định điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các cán bộ thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý các thủ tục cấp và thu hồi Giấy chứng nhận và sử dụng chỉ dẫn địa lý nói riêng và các quy định về quản lý chỉ dẫn địa lý nói chung; cán bộ đại diện các huyện nằm trong khu vực chỉ dẫn địa lý được bảo hộ chưa tham gia đầy đủ.

3.3.8.4. Tập huấn 2: Dành cho đối tượng là người sử dụng

a) Đối tượng tập huấn:

- Các tổ chức cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu trên địa bàn tỉnh;
- Đại diện các đơn vị nộp đơn đăng ký thí điểm sử dụng CDĐL (16 đơn vị).

b) Nội dung tập huấn

- Tập huấn về quy định quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông: Mô hình tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý; Hệ thống các văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý Đắk Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông;

- Hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Đắc Nông cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắc Nông cho đối tượng người sử dụng.

c) Thời gian và địa điểm:

Tập huấn được diễn ra từ 14h00 đến 17h00 ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Đắc Nông.

d) Đánh giá:

Quá trình tổ chức tập huấn đã đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Buổi tập huấn đã triển khai thành công cho đối tượng người sử dụng về mô hình tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, hệ thống các văn bản quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý. Qua buổi tập huấn các học viên nắm được cơ bản trình tự thủ tục nộp đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Đắc Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắc Nông.

Một số hạn chế: Thời gian thực hành, trao đổi thảo luận còn hạn chế do quỹ thời gian tập huấn ít mà các nội dung tập huấn cần triển khai nhiều. Vì vậy nhằm đảm bảo công tác quản lý và vận hành mô hình chỉ dẫn địa lý hiệu quả, kết thúc buổi tập huấn đại diện Đơn vị tư vấn cung cấp thêm thông tin liên hệ để các cán bộ có thể góp ý và trao đổi trực tiếp sau buổi tập huấn; chưa triển khai được trình tự đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý qua website <http://daknongpepper.com/>.

3.3.9. Hoạt động lựa chọn chủ thể để trao quyền thí điểm sử dụng CDĐL.

3.3.9.1. Các công việc đã triển khai

- Đề xuất lựa chọn 03 tổ chức/cá nhân tham gia sản xuất và kinh doanh hồ tiêu tại địa bàn đạt tiêu chuẩn để thí điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.

- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân được lựa chọn chuẩn bị hồ sơ đề nghị Cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL.

Hồ sơ dự kiến bao gồm: Đơn đề nghị cấp GCN quyền sử dụng CDĐL; Bản kê khai hiện trạng sản xuất kinh doanh; Đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ chứng minh khác tương ứng; mẫu bao bì, nhãn hàng hóa (nếu có); các hợp đồng liên kết, thu mua (nếu có); ... được quy định trong hệ thống văn bản quản lý CDĐL.

- Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CĐDL

Đề xuất thành lập tổ thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CĐDL. Tổ thẩm định có nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ Tổ chức quản lý thẩm định hồ sơ, dự thảo và ban hành Quyết định cấp GCN QSD CĐDL, lập sổ ghi nhận và theo dõi việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CĐDL.

- Chuyển giao 03 bảng chỉ dẫn cho 03 tổ chức/cá nhân được lựa chọn thí điểm.

- Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong công tác thí điểm trao quyền sử dụng CĐDL

3.3.9.2. Kết quả hướng dẫn các tổ chức/cá nhân được lựa chọn chuẩn bị hồ sơ đề nghị Cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CĐDL

Đơn vị chủ trì đã tiến hành lựa chọn và lập danh sách 16 đơn vị (nhiều hơn 11 đơn vị theo Thuyết minh được phê duyệt) và trình Sở KH&CN xem xét lựa chọn để trao quyền thí điểm.

Bảng 28. Danh sách đề xuất các đơn vị được trao GCN

STT	Số Đăng Ký (Số GCN)	Quyết định cấp GCN	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Sản phẩm được chứng nhận	Khu vực địa lý Sản xuất Sản phẩm
1	GI-111/0001	186/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRẦN CHÂU (PEARL GROUP CORP)	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song
2	GI-111/0002	187/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	HỢP TÁC XÃ HỒ TIÊU HỮU CƠ BÌNH TIẾN	Thôn 8, xã Nam Bình, huyện Đắk Song	Hạt tiêu đen	Xã Nam Bình, huyện Đắk Song
3	GI-111/0003	188/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	TRẦN VĂN CHÍN	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song

4	GI-111/0004	189/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	NGÔ VĂN CHIỀU	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song
5	GI-111/0005	190/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	TRẦN THỊ LIỄU	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song
6	GI-111/0006	191/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	TRẦN VĂN TOÀN	Thôn 8, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song
7	GI-111/0007	192/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song
8	GI-111/0008	193/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	CÔNG TY CỔ PHẦN TONKIN SPICES	12 Nguyễn Tất Thành, TDP1, TT Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp	Hạt tiêu đen	Xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp
9	GI-111/0009	194/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU AN PHONG ĐẮK NÔNG	Số 29 -31, Đường 23/3, Tổ dân phố 3, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa	Hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng, hạt tiêu đỏ	Xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song
10	GI-111/0010	195/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP HƯNG PHÁT	Thôn 2, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp	Hạt tiêu đen	Xã Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp

11	GI-111/0011	196/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ ĐẮK NÔNG	Thôn Tân Hòa, xã Đăk R'Moan, TP. Gia Nghĩa	Hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng, hạt tiêu đỏ	Xã R'Moan, TP. Gia Nghĩa
12	GI-111/0012	197/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	ĐOÀN VĂN CHÂU	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song
13	GI-111/0013	198/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	VŨ VĂN SÁNG	Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song
14	GI-111/0014	199/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	VŨ THANH HOÀI	Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song
15	GI-111/0015	200/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	NGUYỄN ÍCH THẮNG	Thôn 3, xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song
16	GI-111/0016	201/QĐ-SKHCN, ngày 30/11/2021	NGUYỄN BÁ HỮU	Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	Hạt tiêu đen	Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song

Thông tin giấy chứng nhận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG PEOPLE'S COMMITTEE OF DAK NONG PROVINCE SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence – Freedom – Happiness
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG” CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION Số/ No.: GI-111/0001		
1. Người sử dụng/ Licensed User Tên đầy đủ/ Full name: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRẦN CHÂU (PEARL GROUP CORP) Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông		
2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products: ☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) ☒ Hạt tiêu trắng (White pepper)		
3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông ☒ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.		
4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication 4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word: - Tiếng Việt/ In Vietnamese: ĐẮK NÔNG - Tiếng Anh/ In English: DAK NONG 4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication 		
5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate. Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm Dak Nong, datemonth.....year.... GIÁM ĐỐC DIRECTOR		

Hình 37. GCN số GI-111/0001



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0002

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **HỢP TÁC XÃ HỒ TIÊU HỮU CƠ BÌNH TIẾN**

Địa chỉ/ Address: Thôn 8, xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☒ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 38. GCN số GI-111/0002



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0003

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **TRẦN VĂN CHÍN**

Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày....tháng....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 39. GCN số GI-111/0003



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0004

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **NGÔ VĂN CHIỀU**

Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 40. GCN số GI-111/0004



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0005

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **TRẦN THỊ LIỄU**

Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 41. GCN số GI-111/0005



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0006

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **TRẦN VĂN TOÀN**

Địa chỉ/ Address: Thôn 8, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 42. GCN số GI-111/0006



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0007

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **ĐẶNG THỊ PHƯƠNG**

Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 43. GCN số GI-111/0007



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0008

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TONKIN SPICES**

Địa chỉ/ Address: 12 Nguyễn Tất Thành, TDP1, TT Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 44. GCN số GI-111/0008



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0009

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU AN PHONG ĐẮK NÔNG**

Địa chỉ/ Address: Số 29 -31, Đường 23/3, Tổ dân phố 3, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☒ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☒ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Nâm N'jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 45. GCN số GI-111/0009



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”

CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION

Số/ No.: GI-111/0010

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP HƯNG PHÁT**

Địa chỉ/ Address: Thôn 2, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 46. GCN số GI-111/00010



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0011

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ ĐẮK NÔNG**

Địa chỉ/ Address: Thôn Tân Hòa, xã Đắk R'Moan, TP. Gia Nghĩa

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☒ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☒ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã R'Moan, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

☒ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 47. GCN số GI-111/0011



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0012

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **ĐOÀN VĂN CHÂU**

Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 48. GCN số GI-111/00012



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0013

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **VŨ VĂN SÁNG**

Địa chỉ/ Address: Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 49. GCN số GI-111/00013



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0014

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **VŨ THANH HOÀI**

Địa chỉ/ Address: Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 50. GCN số GI-111/00014



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0015

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: **NGUYỄN ÍCH THẮNG**

Địa chỉ/ Address: Thôn 3, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: **ĐẮK NÔNG**

- Tiếng Anh/ In English: **DAK NONG**

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year.....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 51. GCN số GI-111/00015



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐẮK NÔNG”
CERTIFICATE OF USE RIGHTS OF “DAK NONG” GEOGRAPHICAL INDICATION
Số/ No.: GI-111/0016

1. Người sử dụng/ Licensed User

Tên đầy đủ/ Full name: NGUYỄN BÁ HỮU

Địa chỉ/ Address: Thôn 7, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2. Sản phẩm được chứng nhận/ Certified products:

☒ Hạt tiêu đen (Black pepper) | ☐ Hạt tiêu đỏ (Red pepper) | ☐ Hạt tiêu trắng (White pepper)

3. Khu vực sản xuất được chứng nhận/ Certified area

Xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

☐ Có địa điểm khác theo danh sách đính kèm quyết định cấp Giấy chứng nhận/ other locations listed in the decision of granting certificate.

4. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ/ Protected Geographical Indication

4.1. Tên gọi chỉ dẫn địa lý/ GI word:

- Tiếng Việt/ In Vietnamese: ĐẮK NÔNG

- Tiếng Anh/ In English: DAK NONG

4.2. Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý/ Logo of Protected Geographical Indication



5. Thời hạn hiệu lực/ Validation term: 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận/ 3 years from the date of issuance of the Certificate.

Đắk Nông, ngày.....tháng.....năm

Dak Nong, datemonth.....year....

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Hình 52. GCN số GI-111/00016



Hình 53. Các đơn vị được trao giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL tại Lễ Công bố

3.3.10. Đánh giá hoạt động thí điểm

3.3.10.1. Đánh giá chung

Thông qua hoạt động thí điểm cấp quyền sử dụng CDĐL “Đắk Nông” đã cho thấy các chủ thể nộp đơn đăng ký sử dụng CDĐL là tự nguyện và xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Theo đó, các chủ thể này đề chủ động hoàn thiện pháp lý về sản xuất, kinh doanh; đảm bảo tuân thủ các quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc theo tiêu chuẩn; từ đó cho sản phẩm có chất lượng đáp ứng điều kiện sử dụng CDĐL.

Ở phía tổ chức quản lý CDĐL, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do sự mới mẻ trong việc tiếp cận hoạt động quản lý CDĐL, các cán bộ và chuyên viên Tổ chức quản lý CDĐL đã thể hiện sự chủ động cao để nắm bắt được các yêu cầu cụ thể trong hoạt động đánh giá, thẩm định điều kiện sử dụng CDĐL. Khi triển khai trên thực tế, tổ chức quản lý CDĐL đã thể hiện tinh thần hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp và hợp tác xã.

Bên cạnh đó, tình hình dịch Covid-19 cũng gây nhiều khó khăn, khiến cho việc triển khai thực tế không đúng với kế hoạch thời gian đặt ra. Tuy vậy, nhờ vận dụng linh hoạt quy định về miễn giảm thủ tục kiểm tra, đánh giá (tiền kiểm) nên Tổ chức quản lý CDĐL vừa có thể thực hiện việc trao quyền một cách hợp lý, vừa góp phần nâng cao ý thức tự tuân thủ của người sử dụng.

3.3.10.2. Một số kiến nghị

- Đối với Sở KH&CN: Căn cứ kết quả làm việc của Đoàn kiểm tra, đánh giá kiến nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông cho các đơn vị đã đáp ứng các điều kiện.

- Đối với Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: Căn cứ tình hình thực tế và nguyện vọng của các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu Đắk Nông kiến nghị Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thường xuyên mở lớp đào tạo, tập huấn về việc sử dụng, quản lý và kiểm soát CDĐL hạt tiêu Đắk Nông.

- Đối với Hiệp hội Hồ tiêu Đắk Song Đắk Nông: Đề nghị Hiệp hội Hồ tiêu Đắk Song Đắk Nông tổ chức triển khai tập huấn cho các thành viên Hiệp hội về Quy chế quản lý nội bộ về việc sử dụng CDĐL hạt tiêu Đắk Nông của Hiệp hội Hồ tiêu Đắk Song Đắk Nông; cập nhật danh sách các thành viên đủ điều kiện sử dụng CDĐL, duy trì báo cáo cho Tổ chức quản lý CDĐL về tình hình sử dụng, quản lý và kiểm soát CDĐL hạt tiêu Đắk Nông của Hiệp hội; cung cấp các thông tin về sản lượng, tình hình xuất khẩu, giá bán các điều kiện xuất khẩu đối với các thị trường quốc tế làm cơ sở tiến hành đăng ký bảo hộ cho sản phẩm hồ tiêu ở thị trường nước ngoài.

- Đối với các đơn vị sản xuất và kinh doanh: Tuân thủ đúng quy chế quản lý và sử dụng CDĐL; các hướng dẫn của Tổ chức quản lý CDĐL về sử dụng và kiểm soát việc sử dụng CDĐL.

3.4. Tổng kết, nghiệm thu và chuyển giao kết quả đề tài

3.4.1. Nghiệm thu cơ sở, tự đánh giá

Tại thời điểm tháng 11/2021, hầu hết các nội dung công việc đã được hoàn thành ngoại trừ Lễ Công bố và hoạt động thẩm định, đánh giá điều kiện sử dụng CDĐL do các trở ngại khách quan từ tình hình dịch bệnh Covid-19. Do vậy, đơn vị chủ trì quyết định tổ chức nghiệm thu cơ sở và tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

3.4.2. Các nội dung công việc thực hiện vượt mục tiêu đề ra

Trên cơ sở kết quả nghiệm thu cơ sở, đơn vị chủ trì tự đánh giá đề tài cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí một số hạng mục đã vượt mục tiêu đề ra như:

3.4.2.1. Hoạt động thí điểm

Số lượng hồ sơ đơn vị đăng ký thí điểm: 17 hồ sơ so với yêu cầu của đề tài là 03. Trong đó, 16 hồ sơ đủ điều kiện để được trao quyền, 1 hồ sơ do chưa cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định nên chưa được trao quyền.

3.4.2.2. Hoạt động nghiên cứu bổ sung

Trong quá trình triển khai dự án, địa phương có yêu cầu thay đổi thông tin tên và mục tiêu đề tài (từ CDĐL “Đắk Song” sang “Đắk Nông”) do đó đơn vị chủ trì phải tiến hành nghiên cứu bổ sung để xác định căn cứ khoa học và pháp lý từ đó đánh giá tính khả thi để tư vấn cho đơn vị quản lý.

3.4.2.3. Hoạt động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai quản lý, sử dụng và kiểm soát việc sử dụng CDĐL

Trên cơ sở kết quả triển khai, đơn vị chủ trì cũng đề xuất dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý và kiểm soát đối với CDĐL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 – 2025, với một số mục tiêu cơ bản sau:

- Triển khai hệ thống quản lý, sử dụng và kiểm soát CDĐL hồ tiêu “Đắk Nông” một cách đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với CDĐL, từng bước đưa CDĐL hồ tiêu “Đắk Nông” trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động hệ thống quản lý, sử dụng và kiểm soát CDĐL hồ tiêu “Đắk Nông” có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến sản phẩm hồ tiêu; đặc biệt là các hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc khai thác CDĐL.

- Phát triển hệ thống quản lý, sử dụng và kiểm soát CDĐL hồ tiêu “Đắk Nông” có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình theo hướng chuyên nghiệp, phát huy được lợi thế của địa phương, phù hợp với các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường; được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối, phổ biến và tiêu dùng; đồng thời, quảng bá hình ảnh sản phẩm hồ tiêu “Đắk Nông” nhằm góp phần bảo vệ, phát huy quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

PHẦN IV.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

4.1. Về công tác tổ chức chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện Đề tài

4.1.1. Về công tác tổ chức chủ trì

CDĐL “Đất Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đất Nông” là CDĐL đầu tiên của tỉnh được đăng ký thành công. Cũng nhờ vậy, trong quá trình triển khai Đề tài, đơn vị chủ trì đã được sự hỗ trợ quý báu của các cơ quan quản lý, các nhà sản xuất và kinh doanh hồ tiêu. Thời gian triển khai đề tài rơi đúng vào thời điểm cả nước nói chung, TP. Hồ Chí Minh và Đất Nông nói riêng bị ảnh hưởng nhiều do đại dịch Covid-19. Tuy gặp không ít những khó khăn nhưng nhờ sự liên hệ chặt chẽ giữa ban chủ nhiệm với các thành viên, giữa đơn vị chủ trì với đơn vị quản lý nên ban chủ nhiệm đề tài đã cơ bản hoàn thành các nội dung công việc đề ra.

4.1.2. Về công tác phối hợp

Xuyên suốt Đề tài, hoạt động phối hợp giữa đơn vị chủ trì với các cơ quan quản lý ở địa phương được thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, đơn vị chủ trì đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị: Sở KH&CN; Sở NN&PTNT; Ủy ban nhân dân các huyện trong khu vực CDĐL; Hiệp hội Hồ tiêu Đất Song Đất Nông. Trong đó, sự phối hợp với Sở KH&CN Tỉnh Đất Nông, Sở NN&PTNT, Hiệp hội Hồ tiêu Đất Song Đất Nông đóng vai trò quan trọng đến sự thành công của Đề tài. Sở KH&CN là cơ quan quản lý nhiệm vụ, trong khi đó Sở NN&PTNT là cơ quan quản lý về lĩnh vực nông nghiệp; và Hiệp hội Hồ tiêu Đất Song Đất Nông là đơn vị đại diện cho cộng đồng các nhà sản xuất và kinh doanh.

Ngoài ra, đơn vị chủ trì cũng phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với các đơn vị chuyên môn về dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, dịch vụ thiết kế chuyên dụng, dịch vụ kiểm nghiệm - phân tích,...qua đó thực hiện thành công các nội dung công việc.

Thông qua hoạt động phối hợp, các bên tham gia đã có cơ hội tiếp xúc tìm hiểu, bổ trợ cho nhau trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu và mở rộng lĩnh vực nghiên cứu.

4.1.3. Một số vấn đề phát sinh, bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện Đề tài.

4.1.3.1. Vấn đề điều chỉnh, thay đổi tổ tên và mục tiêu của Đề tài

Trong quá trình triển khai đã phát sinh việc đổi tên đề tài và mục tiêu đề tài, do vậy ảnh hưởng đáng kể tới tổng thời gian thực hiện cũng như phải thay đổi một số hạng mục công việc (ví dụ thiết kế mới hoàn toàn logo CDĐL, nghiên cứu bổ sung về danh tiếng của địa danh Đắk Nông, ...).

Bên cạnh vấn đề nêu trên, thì đơn vị chủ trì cũng cảm thấy rất vui mừng với sự quyết đoán và mạnh dạn trong việc xây dựng và ban hành chính sách của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Qua đó có thể thấy rằng:

- Các lãnh đạo của UBND tỉnh có sự quan tâm đặc biệt sâu sắc đến việc quản lý và phát triển CDĐL;

- Các đơn vị chuyên môn của tỉnh có tinh thần trách nhiệm cao và cùng vì mục đích chung để phát triển CDĐL đầu tiên của cả tỉnh. Trong đó, Sở NN&PTNT thể hiện tinh thần chủ động đáng hoan nghênh khi nhận nhiệm vụ quản lý CDĐL đối với một sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; Sở KH&CN thể hiện vai trò tham mưu kịp thời và đúng đắn phù hợp với các diễn biến mới của địa phương.

4.1.3.2. Về các ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh

Phần lớn thời gian triển khai dự án nằm trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lên toàn bộ đời sống xã hội của cả nước nói chung, và đặc biệt là các tỉnh ở khu vực phía nam trong đó có TP. Hồ Chí Minh và Đắk Nông. Các hạn chế đi lại và yêu cầu giãn cách xã hội khiến cho các hoạt động liên quan của đề tài liên tục bị kéo dẫn tiến độ một cách không mong muốn.

Để hạn chế các ảnh hưởng của dịch bệnh, đơn vị chủ trì đã tăng cường hoạt động kết nối liên lạc qua các kênh trực tuyến và chủ động sắp xếp lại kế hoạch công việc phù hợp với các diễn biến của dịch bệnh.

Đợt dịch Covid-19 mang đến nhiều bài học có giá trị cho nhóm thực hiện đề tài. Trong đó, các nhu cầu giao tiếp xã hội bị ảnh hưởng bởi các hạn chế đã thúc đẩy nhanh việc ứng dụng các nền tảng công nghệ hỗ trợ hoạt động làm việc, kết nối từ xa như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams, ... Đơn vị chủ trì đã tổ chức hướng dẫn cho các thành viên thực hiện đề tài trong việc làm quen và sử dụng. Nhờ vậy, đã góp phần giúp cho các công việc vẫn được triển khai và thực hiện trong tình hình dịch bệnh khó khăn.

4.1.3.3. Hoạt động triển khai thí điểm, tập huấn cho người sử dụng

Hoạt động tập huấn trong phạm vi Đề tài chỉ được giới hạn 02 đợt (cho cả cơ quan quản lý và người sử dụng). Trên thực tế, đơn vị chủ trì đã tiến hành 05 đợt tập huấn. Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy vẫn chưa đủ thời lượng để có thể truyền tải hết các kiến thức, kỹ năng liên quan đến việc sử dụng CDĐL. Vì vậy, trong thời gian sắp tới đơn vị quản lý cần xây dựng các hoạt động tập huấn thường xuyên để nâng cao nhận thức và năng lực của các chủ thể được trao quyền sử dụng CDĐL, góp phần chuyển giao và nhân rộng thành công các mô hình khai thác, phát triển CDĐL.

4.2. Về việc hoàn thành các nội dung, bảo đảm kết quả và mục tiêu Đề tài

4.2.1. Đánh giá các mục tiêu cụ thể

Mặc dù quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn do liên tiếp xảy ra các đợt hạn, mặn ngay trong khu vực CDĐL nhưng đơn vị chủ trì cùng với các đơn vị phối hợp đã cố gắng, nỗ lực để thực hiện đầy đủ các nội dung công việc theo thuyết minh và dự toán đã được phê duyệt nhằm đạt được mục tiêu quan trọng là tạo lập được CDĐL “Đắk Nông”, từ đó xây dựng hệ thống quản lý CDĐL và xây dựng được các phương tiện cơ bản để khai thác và phát triển CDĐL.

4.2.2. Đánh giá các sản phẩm theo hợp đồng và thuyết minh được duyệt

Để chuẩn bị cho việc nghiệm thu chính thức, Đơn vị chủ trì đã thực hiện nghiệm thu cơ sở để đánh giá số lượng, chất lượng các kết quả và sản phẩm của đề tài. Về cơ bản, hầu hết các nội dung công việc đã hoàn thiện đầy đủ và đạt yêu cầu của thuyết minh đã được phê duyệt.

4.3. Về hiệu quả của Đề tài

4.3.1. Đối với cộng đồng sản xuất hồ tiêu Đắk Nông

CDĐL “Đắk Nông” là CDĐL đầu tiên của Tỉnh Đắk Nông. Xây dựng mô hình quản lý – sử dụng CDĐL Đắk Nông bước đầu đã giúp các nhà sản xuất và kinh doanh hồ tiêu trên địa bàn Tỉnh Đắk Nông có thêm công cụ pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chống các hành vi xâm phạm quyền nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm hồ tiêu; có công cụ để góp phần đảm bảo chất lượng sản

phẩm ổn định, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu các sản phẩm có giá trị cao; duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Các hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo và các lớp tập huấn trong khuôn khổ Đề tài đã giúp cho người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu ở địa phương tiếp nhận các kiến thức mới mẻ về sở hữu trí tuệ và vai trò của sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy các nhà sản xuất và kinh doanh hồ tiêu Đắk Nông có tham gia tích cực vào Đề tài (điển hình như HTX Nam Bình Tiến, Công ty Trân Châu, Công ty An Phong, Công ty Tonkin Spices, HTX Hưng Phát) đều đã hình thành định hướng xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu cho các sản phẩm của mình sau khi Đề tài kết thúc. Điều này là một bước biến chuyển mang tính đột phá trong nhận thức của người dân về quyền sở hữu trí tuệ và đây cũng chính là một trong những thành công to lớn của Đề tài thể hiện sự đúng đắn của các cơ quan quản lý khi cho phép Đề tài được triển khai.

4.3.2. Đối với các cơ quan quản lý

4.3.2.1. Bước đầu hình thành được mô hình quản lý CDĐL

Hiện tại, Sở KH&CN là đơn vị tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL. Do thời gian thí điểm thực hiện chưa thể triển khai trên diện rộng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa đủ cơ sở để đánh giá hiệu quả. Tuy nhiên, đơn vị tư vấn và cán bộ phụ trách của Sở đã tích cực kết nối, trao đổi và chia sẻ chuyên môn thông qua các giao thức liên lạc trực tuyến nhằm đảm bảo khả năng chuyển giao – tiếp nhận – triển khai hoạt động quản lý CDĐL.

Giữa đơn vị tư vấn và Tổ chức quản lý cũng đã tổ chức các cuộc họp và có biên bản ghi nhớ nguyên tắc, trong đó đơn vị tư vấn cam kết phối hợp và hỗ trợ Sở KH&CN các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý CDĐL cả sau khi kết thúc đề tài.

4.3.2.2. Thống nhất được hoạt động quản lý tem CDĐL

Hiện nay, mẫu tem CDĐL được sử dụng đồng nhất với mẫu logo của CDĐL. Trong giai đoạn thử nghiệm mô hình, đơn vị quản lý đã đưa ra lấy ý kiến về phương án sử dụng tem, qua đó cho thấy một số vấn đề sau đây:

- Về hình thức, mẫu mã tem: Hiện mẫu tem ở giai đoạn thử nghiệm chỉ là mẫu logo của CDĐL với chất liệu in ấn khá thông thường. Do vậy, kiến nghị đơn vị quản lý tổ chức thiết kế lại mẫu tem, và tập trung lấy ý kiến góp ý từ các doanh nghiệp, hợp tác xã vì đây là cầu nối giữa nhà vườn với người tiêu dùng, nắm rõ nhất về tâm lý của người tiêu dùng.

- Về hoạt động quản lý tem: Trong phạm vi thí điểm, các đơn vị được cấp phát file thiết kế logo để tích hợp vào tem của doanh nghiệp một cách miễn phí nhưng về lâu dài việc sử dụng tem CDĐL có trả phí hay không thì đơn vị quản lý chưa có thông báo cụ thể và chủ trương của UBND tỉnh cũng chưa rõ ràng về vấn đề này. Do vậy, trong thời gian sắp tới cần có chính sách rõ ràng về việc sử dụng tem CDĐL để doanh nghiệp, hợp tác xã được rõ và có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

4.4. Tính bền vững và nhân rộng của Đề tài.

4.4.1. Mô hình quản lý CDĐL hạt tiêu Đắk Nông tạo cơ chế để gia tăng tính tự giác tuân thủ đối với người sử dụng.

Theo mục tiêu của Đề tài, 03 đơn vị được lựa chọn hỗ trợ tư vấn để trao quyền sử dụng CDĐL. Tuy nhiên, trên thực tế, ngay sau khi có thông báo cấp văn bằng bảo hộ CDĐL thì đã có rất nhiều đơn vị nộp đơn đăng ký sử dụng CDĐL. Các đơn vị đều hiểu được giá trị của CDĐL đối với sản phẩm hạt tiêu – một mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nói chung và của Đắk Nông nói riêng.

Tổ chức quản lý vận dụng linh hoạt quy định về miễn giảm thủ tục tiền kiểm, định hướng các hoạt động hậu kiểm. Qua đó vừa giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp, vừa nâng cao tinh thần tự giác, tự chịu trách nhiệm của người sử dụng. Đây là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình phát triển lâu dài của CDĐL.

4.4.2. CDĐL “Đắk Nông” tạo lợi thế cạnh tranh để sản phẩm tham gia vào các chuỗi siêu thị, điểm bán hàng đặc sản và xuất khẩu ra nước ngoài.

4.4.2.1. Tạo lợi thế để khai thác hệ thống siêu thị, chuỗi phân phối trong nước

Ngay sau khi được trao quyền, các đơn vị như Công ty An Phong, Công ty Trân Châu, HTX Nam Bình Tiến đã lập tức triển khai quảng bá sản phẩm, thay đổi hệ thống mẫu mã bao bì có tích hợp thông tin bảo hộ CDĐL để tham

gia các kênh bán hàng giá trị cao như siêu thị, hệ thống thương mại điện tử trong và ngoài nước.



Hình 54. Dải sản phẩm mang CDDL hạt tiêu Đắc Nông của Công ty Trân Châu



Hình 55. Dải sản phẩm mang CDDL hạt tiêu Đắc Nông của HTX Nam Bình Tiến



Hình 56. Sản phẩm của HTX Nam Bình Tiến

4.4.2.2. Tạo lợi thế để đưa sản phẩm xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Với việc được bảo hộ CDDL, nhu cầu của các nước đối với hồ tiêu Đắk Nông ngày càng tăng cao. Trước mắt, đề nghị Sở KH&CN tỉnh Đắk Nông phối hợp với Sở NN&PTNT để sớm thẩm định và cấp mã vùng trồng cho các đơn vị sản xuất hồ tiêu trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng quy định về truy xuất nguồn gốc của các thị trường quốc tế, tạo cơ sở để hoàn thiện chuỗi giá trị hồ tiêu Đắk Nông đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu ra nước ngoài.

4.4.2.3. Tạo thuận lợi cho việc đăng ký bảo hộ ở nước ngoài.

Hiện nay, EU và Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA), trong đó có các nội dung liên quan đến công nhận các CDDL đã được bảo hộ của các bên tham gia. Bên cạnh đó, một số quốc gia có quan hệ kinh tế - thương mại lớn với Việt Nam cũng đang trong quá trình đàm phán các nội dung tương tự. Với việc được bảo hộ ở Việt Nam, CDDL “Đắc Nông” có cơ hội lớn để đăng ký bảo hộ ra nước ngoài.

4.4.3. Việc triển khai thí điểm thành công tạo thuận lợi cho việc nhân rộng các mô hình bền vững.

Thông qua hoạt động thí điểm, đã lựa chọn được các đơn vị có năng lực sản xuất đáp ứng điều kiện. Sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý CDDL với các đơn vị được trao quyền sẽ tạo thuận lợi cho việc nhân rộng bền vững các mô hình sử dụng CDDL.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Đề tài “**Tạo lập và quản lý CDDL “Đắc Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắc Nông**” đã hoàn thành mục tiêu và nội dung đề ra, cụ thể:

- Đề tài đã giúp cho UBND Tỉnh Đắc Nông tạo lập thành công CDDL đầu tiên của cả nước nói chung và của Tỉnh Đắc Nông nói riêng cho sản phẩm hồ tiêu;
- Đề tài đã xây dựng thành công cơ chế bảo hộ CDDL “Đắc Nông”, xây dựng thành công mô hình quản lý và hệ thống văn bản làm cơ sở cho hoạt động quản lý, sử dụng CDDL “Đắc Nông”;
- Thông qua các hoạt động trong khuôn khổ Đề tài đã giúp quảng bá thương hiệu hạt tiêu Đắc Nông được biết đến rộng rãi hơn trên thị trường;
- Trong khuôn khổ Đề tài, đơn vị chủ trì cùng các đơn vị phối hợp thực hiện đã triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu, đối tượng quản lý nhà nước tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức về SHTT, CDDL, các quy định về quản lý và sử dụng CDDL, từ đó thúc đẩy việc quản lý và khai thác CDDL có hiệu quả.

5.2. Kiến nghị

5.2.1. Điều chỉnh phạm vi bảo hộ của CDĐL thêm cho sản phẩm hạt tiêu xanh và các sản phẩm

Thông qua công tác thí điểm sử dụng CDĐL, nhiều doanh nghiệp phản ánh thông tin khách hàng rất ưa chuộng các dòng sản phẩm mới như tiêu xanh sấy lạnh, tiêu xanh ngâm muối, ...do vậy trong thời gian tới đề nghị Sở KH&CN xem xét bổ sung nhiệm vụ KH&CN về nghiên cứu bổ sung để mở rộng phạm vi bảo hộ đối với CDĐL hạt tiêu Đắc Nông thêm cho sản phẩm hạt tiêu xanh.

5.2.2. Triển khai nhiệm vụ đăng ký bảo hộ CDĐL hoặc NHCN ở nước ngoài cho sản phẩm hạt tiêu Đắc Nông

Để chuẩn bị và bảo đảm quyền lợi cho các nhà xuất khẩu hồ tiêu mang CDĐL “Đắc Nông” khi thâm nhập các thị trường nước ngoài, đề nghị Sở Công thương cung cấp thêm thông tin chi tiết về các thị trường xuất khẩu của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắc Nông” và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh để cho phép Tổ chức quản lý CDĐL tiến hành việc đăng ký bảo hộ CDĐL, logo CDĐL tại các thị trường này.

5.2.3. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý và kiểm soát đối với CDĐL “Đắc Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắc Nông giai đoạn 2021 – 2025

Thực tế, hoạt động quản lý CDĐL đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc về nhân lực và tài lực. Bởi CDĐL có tính hai mặt rõ rệt. Nếu quản lý và phát triển tốt, nó sẽ ngày càng nâng cao giá trị và vị thế sản phẩm. Ngược lại, nếu không được đầu tư nghiêm túc, việc quản lý và kiểm soát có thể bị buông lỏng khiến cho giá trị và danh tiếng của sản phẩm bị xâm hại nghiêm trọng, gây ảnh hưởng tiêu cực cho không những chỉ ngành sản xuất sản phẩm mang CDĐL mà còn cả hình ảnh của địa phương nơi có CDĐL không quản lý tốt.

Với vị thế là địa phương sản xuất tiêu hàng đầu cả nước, có chất lượng và sản lượng cao đã được thị trường thế giới công nhận, tiêu Đắc Nông xứng đáng được đầu tư một cách trọng điểm và dài hơi để biến thương hiệu này trở thành một thương hiệu toàn cầu.

Vì vậy, đơn vị chủ trì đề nghị UBND tỉnh Đắc Nông và các cơ quan ban ngành trên địa bàn tỉnh cùng nhau nghiên cứu để xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc quản lý và phát triển CDĐL.

5.2.4. Nghiệm thu đề tài

Đơn vị chủ trì kiến nghị Sở KH&CN xem xét nghiệm thu đề tài và đăng ký kết quả thực hiện đề tài làm cơ sở để triển khai các giai đoạn tiếp theo trong quá trình phát triển bền vững CDDL “Đắk Nông”. Trong thời gian tới, đơn vị chủ trì cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ và đồng hành lâu dài với Tổ chức quản lý CDDL cũng như các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm hồ tiêu mang CDDL “Đắk Nông” để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển CDDL.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo Tổng hợp các kết quả thực hiện Đề tài: Tạo lập và quản lý CDDL “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu của Tỉnh Đắk Nông” do Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK chủ trì thực hiện. Một lần nữa, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến các vị lãnh đạo UBND nhân dân tỉnh Đắk Nông, lãnh đạo các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương và các vị lãnh đạo sở ban ngành tỉnh Đắk Nông; lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các huyện trong khu vực CDDL; các nhà sản xuất và kinh doanh hạt tiêu Đắk Nông: HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến, HTX Nông nghiệp Hữu cơ Đắk Nông, HTX Hưng Phát, Chi nhánh CTCP TM-DV-XNK Trân Châu; 10 đơn vị liên kết với Công ty Trân Châu, HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, HTX nông nghiệp - thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát, Công ty Cổ Phần Tonkin Spices, Công ty Cổ phần XNK An Phong Đắk Nông; Chi cục phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Nông, Công ty TNHH Tư vấn Luật ALIAT LEGAL, Cục Sở hữu trí tuệ và các đơn vị phối hợp đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ để chúng tôi có thể thực hiện thành công đề tài này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009;
2. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2013;
3. Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở Hữu Trí Tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010;
4. Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở Hữu Trí Tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011; Thông tư 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013 và Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016;
5. Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
6. Thông tư 36/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
7. Thông tư 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
8. Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

9. Quyết định số 1439/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

10. Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Đề án Phát triển nông nghiệp gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp;

11. Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

12. Đỗ Thị Minh Thủy (2014), “*Vấn đề bảo hộ CDDL của Việt Nam trong hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 21-2014, trang 10-12;

13. Đào Đức Huân (2017), “*Mô hình quản lý CDDL ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 06-2017, trang 51-54;

14. Đặng Đức Chiến, Delphine Marie-Vivien (2018), “*Vai trò trung tâm của tác nhân chuỗi giá trị trong quản lý CDDL ở Việt Nam*”, Bản tin Chính sách MALICA;

15. Lưu Đức Thanh (2018), “*Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các đặc sản địa phương*”, Tạp chí KH&CN Nghệ An, Số 04-2018, trang 5-12.

16. Cục sở hữu trí tuệ (2007), Xây dựng hệ thống quản lý CDDL dùng cho nông sản;

17. Vũ Thị Hải Yến (2006), “Các quy định của Hiệp định TRIPs về Bảo hộ CDDL”;

18. Vũ Thị Hải Yến (2008), “Bảo hộ CDDL ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”, Luận án Tiến Sĩ Luật học;

19. Nguyễn Thị Quế Anh (2013), “Một số vấn đề về bảo hộ thương hiệu ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia – Thương mại Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Bộ thương mại và Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội;

20. Điều kiện tự nhiên - xã hội, <https://daknong.gov.vn/dieu-kien-tu-nhien1>, truy cập cuối cùng ngày 31 tháng 3 năm 2019.
21. La Thế Phúc, Hiroshi Tachihara, Tsutomu Honda, Trương Quang Quý, Lương Thị Tuất (2015), “Di sản địa chất hang động núi lửa độc đáo ở Đắk Nông đã được phát hiện và xác lập kỷ lục”, Tạp chí Địa chất, loạt A, 349(1-2), tr.28-38.
22. Nguyễn Khắc Sử, Lê Xuân Hưng, Nguyễn Trung Minh (2018), “Tiền sử Tây Nguyên qua hệ tầng và hệ thống niên đại C14 hang C6.1 Krông Nô, Đắk Nông”, Những phát hiện mới khảo cổ học năm 2018, Viện Khảo cổ học, tr.90-92.
23. Tỉnh ủy Đắk Nông (2018), Báo cáo số 374-BC/TU, ngày 15/01/2018 của Tỉnh ủy Đắk Nông Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
24. Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/01/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ủy quyền đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông và cấp phép đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ địa danh “Đắk Nông”;
25. Quy chế phối hợp số 1934/QCPH-SNN-SKHCN-SCT ký kết ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông và Sở Công thương tỉnh Đắk Nông về xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý.

B. Tài liệu tiếng anh

26. CHARBONNIER C. (2015). *The Economic Impact of the Geographical Indication Penja Pepper. Mémoire de recherche présenté pour l'obtention du Master Recherche 2 – A2D2 (Agriculture, Alimentation et Développement Durable)*, Montpellier SupAgro / Université de Montpellier 1 / CIHEAM, 67 p. + annexes.
27. Dagnino, G. B., & Padula, G. (2009). *Coopetition strategy. Coopetition strategy: Theory, experiments and cases, The European Academy of Management - Second Annual Conference - “Innovative Research in Management”* Stockholm, 9-11 May 2002, 25-43.

28. Deselnicu, O.C. et al., 2013. *A Meta-Analysis of Geographical Indication food valuation studies: What drives the premium for origin-based labels?* Journal of Agriculture and Resource Economics, 38(2), pp.204–219.
29. DIALLO A. B., NGOULMA TANG P. J. 2016. *Assessing Economic Impacts of Geographical Indications, (1 report for: Futog Cabagge, Tête de Moine, Darjeeling Tea, Colombian Coffee, Penja Pepper, Manchego Cheese, Taliouine Saffron, Vine Vale dos Vinhedos), VetAgroSup, Clermont Ferrand, France. Information by Sok Sarong of the Cambodian Institute for Research and Rural Development (CiRD).*
30. George. C. K., Anandan Abdullah, and Keith Chapman (2005), *Pepper production Guide for Asia and the Pacific*. IPC.
31. Godwin I.D., Aitken E.A.B., Smith L.W. (1997), *Application of inter simple sequence repeat (ISSR) markers to plant genetics*, Electrophoresis, 18: 1524 - 1528.
32. Hussain A., Naz S., Nazir H., Shinwari Z. (2011), *Tissue culture of black pepper (Piper nigrum L.) in Pakistan*, Pak. J. Bot., 43 (2): 1069 - 1078.
33. Indian Institue of Spices Research, calicut - 673012, *On farm evaluation of Tissue culture derived black pepper plants*, LN.BT/PR2175/AGR/08/154/2000.
34. Koshy PK, Santhosh JE, Rakesh P. (2005), *Nematode parasites of spices, cindiments and medicinal plants*, Plant parasitic nematodes in Subtropical and Tropical agriculture, 2nd ediction (eds M. Luc, R.A. Sikora, J. Bridge). CAB International, pp. 751 - 791.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1.** Báo cáo chuyên đề: Danh tiếng của địa danh "Đắk Nông" gắn với sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông.
- Phụ lục 2.** Báo cáo chuyên đề: Hiện trạng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu "Đắk Nông"
- Phụ lục 3.** Báo cáo chuyên đề: Ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn đến sự sinh trưởng của cây hồ tiêu ở Đắk Nông
- Phụ lục 4.** Báo cáo chuyên đề: Các đặc thù về chất lượng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Nông"
- Phụ lục 5.** Báo cáo chuyên đề: Thực trạng hoạt động áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;
- Phụ lục 6.** Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, chế biến hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Nông";
- Phụ lục 7.** Báo cáo chuyên đề: "Xác định mối quan hệ hữu cơ giữa tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Nông" với điều kiện địa lý của khu vực trồng tương ứng".
- Phụ lục 8.** Logo của CDĐL và hướng dẫn sử dụng logo
- Phụ lục 9.** Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với CDĐL "Đắk Nông"
- Phụ lục 10.** Bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL "Đắk Nông"
- Phụ lục 11.** Hồ sơ đăng ký CDĐL
- Hồ sơ nộp đơn
 - Văn bằng bảo hộ
- Phụ lục 12.** Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu
- Hồ sơ nộp đơn
 - Thông báo chấp nhận đơn hợp lệ
- Phụ lục 13.** Sơ đồ mô hình phối hợp quản lý CDĐL
- Phụ lục 14.** Bộ văn bản quản lý CDĐL gồm:
- Quy định về quản lý CDĐL;
 - Quy định về cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL;
 - Quy chế sử dụng NHCN Logo của CDĐL
 - Quy định về kiểm soát việc sử dụng CDĐL;
- Phụ lục 15.** Kênh thông tin điện tử chính thức của CDĐL "Đắk Nông";
- Phụ lục 16.** Mẫu thiết kế Giấy chứng nhận Quyền sử dụng CDĐL

- Phụ lục 17.** Bộ nhận diện thương hiệu cho 03 đơn vị được thí điểm trao quyền sử dụng CDĐL
- Phụ lục 18.** Mẫu thiết kế bảng chỉ dẫn nhà vườn tham gia chuỗi sản xuất sản phẩm hồ tiêu mang CDĐL “Đắc Nông”;
- Phụ lục 19.** Thuyết minh, hợp đồng
- Phụ lục 20.** Thông tin báo chí